

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HỮU HÒA

CHÍNH SÁCH CỦA ASEAN ĐỐI VỚI SỰ TRỖI DẬY
CỦA TRUNG QUỐC TỪ 2001 ĐẾN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ
Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Hà Nội - 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HỮU HÒA

CHÍNH SÁCH CỦA ASEAN ĐỐI VỚI SỰ TRỖI DẬY
CỦA TRUNG QUỐC TỪ 2001 ĐẾN NAY

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 60.31.40

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Thu Mỹ

Hà Nội - 201

Mục lục

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	6
MỞ ĐẦU	7
1. Lý do chọn đề tài	7
2. Mục tiêu nghiên cứu	8
3. Tình hình nghiên cứu đề tài	8
4. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu	9
5. Nguồn tài liệu.....	9
6. Phương pháp nghiên cứu	10
Chương 1: NHẬN THỨC CỦA ASEAN VỀ SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á.....	11
1.1 Khái quát về sự trỗi dậy của Trung Quốc	11
1.1.1 Về kinh tế	11
1.1.2 Về chính trị, an ninh – quân sự.....	14
1.1.3 Văn hóa, khoa học công nghệ và lĩnh vực khác.....	20
1.2 Ảnh hưởng sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với Đông Nam Á.	21
1.2.1 Cơ hội phát triển đối với Đông Nam Á từ sự trỗi dậy của Trung Quốc	21
1.2.1.1 Về kinh tế	21
1.2.1.2 Chính trị và an ninh-quân sự	25
1.2.2 Thách thức đối với sự phát triển của Đông Nam Á từ sự trỗi dậy của Trung Quốc.....	27
1.2.2.1 Về kinh tế	27
1.2.2.2 Về chính trị, an ninh – quân sự.....	32
Tiểu kết.....	34
Chương 2: CHÍNH SÁCH CỦA ASEAN TRƯỚC SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC.....	37
2.1 Khái quát quan hệ ASEAN – Trung Quốc từ 1991 đến 2000.	37
2.2 Tăng cường hợp tác với Trung Quốc từ 2001 đến nay.	39
2.3. Đẩy mạnh liên kết khu vực, nâng cao sức đề kháng trước những thách thức có thể từ sự trỗi dậy của Trung Quốc.	47
2.3.1 Cấp độ khu vực	47
2.3.2 Cấp độ các nước thành viên	54
2.4. Tăng cường quan hệ với các nước lớn khác nhằm cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc với ảnh hưởng của các nước lớn khác ở Đông Nam Á.	60
2.4.1 Cấp độ khu vực	60

2.4.2 <i>Cấp độ các quốc gia thành viên</i>	75
Tiểu kết	90
Chương 3: TÁC ĐỘNG CỦA PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH CỦA ASEAN TRƯỚC SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC	93
3.1 Thúc đẩy Trung Quốc điều chỉnh chính sách đối với ASEAN.....	93
3.1.1 <i>Thỏa hiệp với một số yêu cầu của ASEAN</i>	93
3.1.1.1. <i>Về kinh tế:</i>	93
3.1.1.2. <i>Về an ninh – chính trị:</i>	96
3.1.2 <i>Đẩy mạnh thực hiện chính sách chia để trị</i>	97
3.1.2.1. <i>Ưu tiên thúc đẩy quan hệ với các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam)</i>	97
3.1.2.2. <i>Lôi kéo Thái Lan nhằm đưa Thái Lan vào khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc</i>	99
3.1.2.3. <i>Gia tăng quan hệ với In-đô-nê-sia, nước thành viên quan trọng nhất của ASEAN.</i>	100
3.2 Thúc đẩy các nước lớn khác điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á.....	102
3.2.1 <i>Chính sách mới của Mỹ đối với ASEAN</i>	102
3.2.2. <i>Điều chỉnh chính sách đối với ASEAN của Nhật Bản trong những năm gần đây</i>	103
3.2.3 <i>Điều chỉnh chính sách đối với ASEAN của Ấn Độ và Nga</i>	106
3.3. Tác động từ việc điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với ASEAN.....	107
3.3.1. <i>Về tác động tích cực</i>	108
3.3.1.1. <i>ASEAN duy trì được vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh, kinh tế đang nổi lên ở Đông Á.</i>	108
3.3.1.2. <i>Giúp ASEAN và các nước thành viên thu hút thêm nguồn lực bên ngoài để phát triển</i>	108
3.3.2. <i>Về tác động tiêu cực</i>	109
3.3.2.1. <i>Gia tăng tình trạng li tâm bên trong một số nước thành viên ASEAN cũng như trong nội bộ ASEAN</i>	109
3.3.2.2. <i>Gây nguy cơ phá vỡ sự thống nhất và đồng thuận trong ASEAN</i>	113
3.3.2.3. <i>Gây nên sự nghi kỵ lẫn nhau giữa các nước thành viên</i>	117
Tiểu kết	119
KẾT LUẬN.....	121
Tài liệu tham khảo	125

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ABAC	APEC Business Advisory Council <i>Hội đồng tư vấn kinh doanh APEC</i>
AC	ASEAN Community <i>Cộng đồng ASEAN</i>
ADMM	ASEAN Defence Ministers Meeting <i>Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN</i>
ADSOM	ASEAN Defence Senior Official's Meeting <i>Hội nghị Quan chức Quốc phòng cấp cao ASEAN</i>
ADVANCE	The ASEAN Development Vision to Advance National Cooperation and Economic Integration <i>Chương trình tầm nhìn phát triển ASEAN</i>
AEC	ASEAN Economy Community <i>Cộng đồng Kinh tế ASEAN</i>
AEMM	ASEAN – EU Minister Meeting <i>Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN - EU</i>
AIPO	ASEAN Inter-parliamentary Organisation <i>Tổ chức Liên minh Nghị viện ASEAN</i>
AIPA	ASEAN Inter-parliamentary Assembly <i>Hội đồng Liên minh Nghị viện ASEAN</i>
AJCEP	The ASEAN – Japan Comprehensive Economic Partnership <i>Hiệp định đối tác toàn diện ASEAN – Nhật Bản</i>
APEC	ASEAN – Pacific Economic Cooperation <i>Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương</i>
APSC	ASEAN Political Security Community <i>Cộng đồng chính trị an ninh ASEAN</i>
ARF	ASEAN Regional Forum <i>Diễn đàn khu vực ASEAN</i>
ASCoE	ASEAN Sub Committee on Education <i>Tiểu ban ASEAN về Giáo dục</i>
ASCPoA	ASEAN Security Community Programme of Actions <i>Kế hoạch hành động xây dựng Cộng đồng an ninh ASEAN</i>
ASEAN	Association of South South East Asia Nations <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á</i>
ASC	ASEAN Security Community <i>Cộng đồng an ninh ASEAN</i>
ASEM	Asia – Europe Meetings <i>Diễn đàn hợp tác Á - Âu</i>
ASLOM	ASEAN Senior Law Official's Meetings <i>Hội nghị quan chức pháp luật cao cấp ASEAN</i>
ASCC	ASEAN Social – Cultural Community <i>Cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN</i>
BFA	Boao Forum for Asia

CBMs	<i>Diễn đàn Châu Á Bắc Ngạo</i> Confidence buildings Measures <i>Các biện pháp xây dựng lòng tin</i>
CEPEA	Comprehensive Economic Partnership for East Asia <i>Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện Đông Á</i>
CLMV	Campuchia, Laos, Myanmar, Vietnam Campuchia, Lào, Mianma, Việt Nam
COC	The Code of Conduct in the South of China Sea <i>Bộ qui tắc về ứng xử ở biển Đông</i>
DOC	Declarations on the Conduct of Parties in the South of China Sea <i>Tuyên bố về qui tắc ứng xử của các bên ở biển Đông</i>
EAS	East Asia Summits <i>Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á</i>
EHP	Early Harvest Program <i>Chương trình thu hoạch sớm</i>
EPG	The Eminent Persons Group <i>Nhóm những nhân vật nổi tiếng</i>
EWEC	East – West Economic Corridor <i>Hành lang kinh tế Đông - Tây</i>
JMSU	Joint Marine Seismic Undertaking <i>Thỏa thuận thăm dò địa chấn chung</i>
IAI	Initiative for ASEAN integration <i>Sáng kiến hội nhập ASEAN</i>
IMO	International Maritime Organization <i>Tổ chức Hải quan Quốc tế</i>
ISPS	International Ship and Port Facility Security <i>Tàu biển quốc tế và an ninh cảng biển</i>
MGC	Mekong – Ganga Cooperation <i>Hợp tác Tiểu Vùng sông Mê Kông</i>
MIDA	Malaysian Investment Development Authority <i>Cơ quan phát triển công nghiệp Malaysia</i>
NATO	North Atlantic Treaty Organization <i>Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương</i>
NMD	National Missile Defence <i>Hệ thống Phòng thủ tên lửa quốc gia</i>
NPT	Nuclear Non – Proliferation Treaty <i>Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân</i>
TAC	Treaty on Amity and Cooperation in Southeast Asia <i>Hiệp ước hợp tác và thân thiện</i>
PLA	Peple Liberation Army <i>Quân đội Nhân dân Giải phóng Trung Quốc</i>
PSI	The Proliferation Security Initiative <i>Sáng kiến an ninh chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt</i>
SCO	Shanghai Cooperation Organization

SEAMEO	<i>Tổ chức Hợp tác Thượng Hải</i> Southeast Asian Ministers of Education Organization <i>Hội nghị quan chức cấp cao Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á</i>
SEANWFZ	South East Asia Nuclear Weapon Free Zone Treaty <i>Hiệp ước khu vực Đông Nam Á phi vũ khí hạt nhân</i>
SOM	ASEAN Senior Official's Meeting <i>Hội nghị quan chức cao cấp</i>
TIFA	Trade and Investment Framework Agreements <i>Hiệp định khung về mậu dịch, đầu tư giữa Hoa Kỳ và ASEAN</i>
VAP	Viên Chăn Actions Programme <i>Chương trình hành động Viên Chăn</i>
ZOPFAN	Zone of Peace Freedom and Neutrality <i>Hiệp ước khu vực hòa bình, tự do và trung lập</i>
WCO	World Customs Organisation <i>Tổ chức hải quan thế giới</i>
WEC	West - East Corridor <i>Hành lang Đông - Tây</i>

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Biểu đồ 1.1:** Thay đổi vị trí nền kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2000 -2010
- Biểu đồ 1.2:** Dự báo tỷ trọng GDP của Trung Quốc và Hoa kỳ trong GDP thế giới đến 2016 (Tính theo sự ngang bằng trong sức mua)
- Biểu đồ 1.3:** Chi tiêu quốc phòng và tỷ trọng chi tiêu quốc phòng so với GDP của Trung Quốc và Hoa Kỳ, Nhật Bản
- Biểu đồ 1.4:** Cơ cấu nhập khẩu của các nước ASEAN giai đoạn 1990 -2006
- Bảng 1.5:** Thị phần của Trung Quốc và ASEAN trong thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ
- Biểu đồ 1.6:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung Quốc và ASEAN - 8 (1991 – 2003)
- Biểu đồ 1.7:** FDI của Trung Quốc và ASEAN – 5 (Vốn đăng ký) (1985 – 2003)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

- Tính cấp thiết của đề tài:

Sự trỗi dậy của Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ từ 2001, trở thành một trong những nhân tố chủ yếu định hình trật tự thế giới thế kỷ XXI. Đối với khu vực Đông Á, sự trỗi dậy của Trung Quốc đang tạo nên sự thay đổi trật tự khu vực cả về kinh tế, chính trị và quân sự.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc là một trong những nhân tố không thể không tính đến trong trên con đường phát triển hòa bình và ổn định của khu vực Đông Nam Á.

Việt Nam là láng giềng của Trung Quốc, chịu ảnh hưởng, tác động trực tiếp từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Đồng thời, Việt Nam cũng là một quốc gia thành viên ASEAN, đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra những quyết sách của ASEAN trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Việt Nam là thành viên tích cực trong việc thể hiện quan điểm và phản ứng chính sách của ASEAN trước sự trỗi dậy của Trung Quốc từ 2001 đến nay.

- Tính khoa học của đề tài:

Nghiên cứu về quan điểm và phản ứng chính sách của ASEAN trước sự trỗi dậy của Trung Quốc không chỉ có ý nghĩa thực tiễn cấp bách mà còn có ý nghĩa quan trọng về phương diện khoa học. Đề tài góp phần củng cố những lý luận về quan hệ quốc tế đang được nghiên cứu như các vấn đề về phản ứng chính sách của một khu vực với sự gia tăng quyền lực của một nước, trật tự khu vực mới tại châu Á...

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn nhằm hướng tới nghiên cứu 3 vấn đề cơ bản:

Khái quát sự trỗi dậy của Trung Quốc

Phân tích quan điểm và phản ứng chính sách của ASEAN, với tư cách một thực thể (entity) đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Làm rõ tác động của phản ứng chính sách của ASEAN đối với quan hệ ASEAN – Trung Quốc và đối với hòa bình, ổn định và phát triển ở Đông Nam Á.

3. Tình hình nghiên cứu đề tài

Sự trỗi dậy của Trung Quốc đã là vấn đề nổi lên từ những năm đầu của thế kỷ XXI. Tầm ảnh hưởng và sự tác động mạnh mẽ của việc gia tăng sức mạnh của Trung Quốc đã khiến cho giới học giả các nước và Việt Nam liên tục có những nghiên cứu chuyên sâu về đề tài này.

Có thể kể tới một vài tác phẩm như: Hertbert Yee and Ian Storey, *The China's Threat: Perception, Myths and Reality*, Routledge Courzon, 2002; Henry Rosemont, “Trung Quốc có phải là mối đe dọa” (Is China a threat?), “Chính sách ngoại giao trọng tâm” (Foreign Policy In Focus), Washington, DC, Feb 6, 2008; Bertrant Ateba, “Sự trỗi dậy của Trung Quốc là mối đe dọa an ninh?” (Is the rise of China a security threat?), School of International Studies, Peking University, Polis/R.C.S.P/C.P.S.R. Volume 9, Numero Special 2002; Bill Gert, “Mối đe dọa của Trung Quốc hướng tới Mỹ như thế nào?” (The China's threat: How the People's Republic target American), Renenergy Publlising Inc, Washington, D.C, 2001; Khalid R.Al Rodhan, “Sự khủng hoảng về thuyết mối đe dọa từ Trung Quốc: Phân tích một cách hệ thống” (A Critique of The China Threat Theory: A Sysmtematic Analysis), *Asian Perspective*, Vol.31, No.3, 2007, p 41-46...

Phân tích về mối đe dọa của Trung Quốc từ nhận thức của các nước láng giềng, ta có thể kể tới các tác phẩm xuất bản như: Ming Xia, “Trung Quốc là mối đe dọa hay trỗi dậy hòa bình” (China Threat or a Peacesul Rise of China?); Robert

Sutter, “Sự trỗi dậy của Trung Quốc tại Trung Quốc: Những lời hứa và rủi ro” (China’s Rise in China: Promises and Perils, Rowman & Littlefield), Lanham, MD, 2005...

Tại Việt Nam, nhiều hội thảo, tọa đàm của các nhà khoa học về vấn đề “trỗi dậy của Trung Quốc” đã được tổ chức trong các năm qua. Về các bài nghiên cứu, có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: “*Những vấn đề nổi bật trong chiến lược và chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và dự báo đến 2020*” của TS Lê Văn Mỹ, đề tài cấp bộ năm 2009-2010”; *Sự Trỗi dậy của Kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2011 – 2020 và những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam*, Hà Nội, 2012 của PGS. TS. Nguyễn Kim Bảo, Ths Nguyễn Hồng Vân (Đề tài KH cấp Bộ); PGS, TS Nguyễn Thu Mỹ cũng có nhiều nghiên cứu liên quan đến vấn đề này: “*Xây dựng Cộng đồng Á thành tựu và những vấn đề đặt ra*”, Hội thảo quốc tế Đông Á học lần thứ tư “*Hướng tới Cộng đồng Đông Á thách thức và triển vọng*”, 2006; “*Sự trỗi dậy của Trung Quốc: Nhìn từ phía Mỹ*”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 3/2011; *Quan điểm và phản ứng chính sách của Đông Nam Á trước sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI*, Thông tin nghiên cứu quốc tế, số 4-6/2009.

4. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

Về thời gian: Từ 2001 -2011

Giới hạn nội dung nghiên cứu: Quan điểm và phản ứng chính sách của tổ chức ASEAN đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc.

5. Nguồn tài liệu

Các văn kiện của ASEAN về Quan hệ ASEAN- Trung Quốc

Các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo ASEAN, các nước thành viên và Trung Quốc

Các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước

Các tư liệu thu thập trên báo chí chính thức và các websites của ASEAN, Trung Quốc..

6. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực Quan hệ quốc tế như: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do..., phương pháp nghiên cứu kết hợp logic với lịch sử, phương pháp định lượng, định tính trong nghiên cứu kinh tế và chính sách, phương pháp so sánh, thống kê, phương pháp lượng hóa bằng mô hình, phương pháp tổng hợp và đánh giá.

7. Cấu trúc của luận văn

Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Nhận thức của ASEAN về sự trỗi dậy của Trung Quốc và ảnh hưởng của nó đối với Đông Nam Á

Chương 2: Chính sách của ASEAN trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Chương 3: Tác động của phản ứng chính sách của ASEAN trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Chương 1: NHẬN THỨC CỦA ASEAN VỀ SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á

1.1 Khái quát về sự trỗi dậy của Trung Quốc

Sự trỗi dậy của Trung Quốc là một thuật ngữ đã và đang được nhắc đến ngày càng nhiều trong những nghiên cứu về quan hệ quốc tế trong vài thập niên trở lại đây. Trong bối cảnh Châu Á những năm đầu thế kỷ XXI diễn ra những biến động địa - chính trị quan trọng, tác động không nhỏ tới sự phát triển của khu vực và thế giới, sự trỗi dậy của Trung Quốc vẫn được coi là biến động quan trọng nhất. Ảnh hưởng của nó được cho rằng sẽ phá vỡ cấu trúc hiện có trên bản đồ chính trị quốc tế, làm cho cục diện chính trị thế giới sẽ có những thay đổi đáng kể và cán cân quyền lực trên chính trường quốc tế vì thế không thể duy trì thế cân bằng hiện có. Là đối tác đối thoại quan trọng của ASEAN, sự trỗi dậy của Trung Quốc ảnh hưởng mạnh mẽ tới Đông Nam Á trên nhiều lĩnh vực khác nhau, thậm chí, làm thay đổi chính sách đối ngoại của khu vực này với Trung Quốc và các cường quốc khác nhằm đảm bảo cho Đông Nam Á một khu vực hòa bình, phát triển và thịnh vượng.

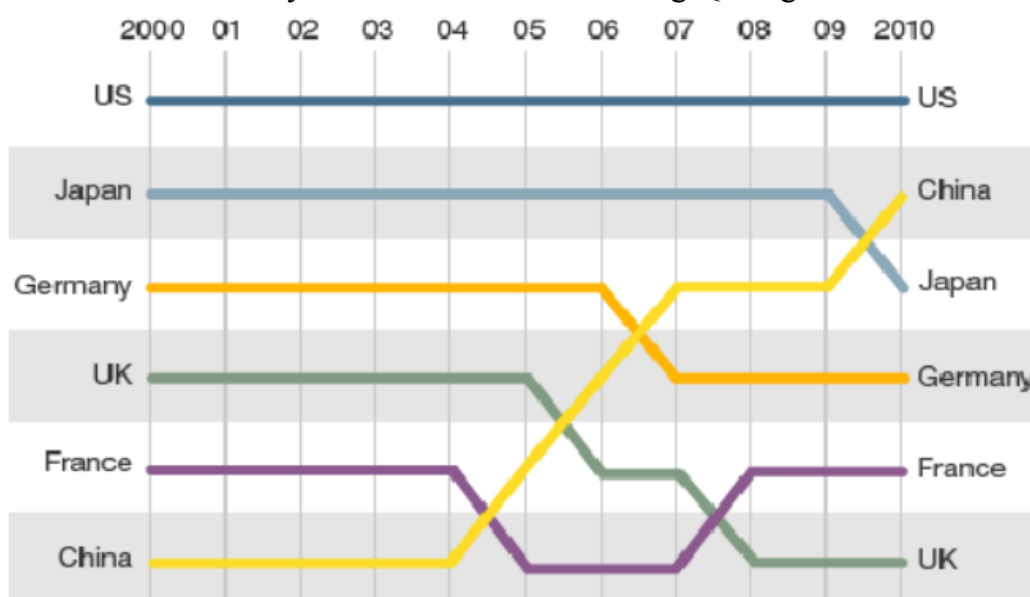
1.1.1 Về kinh tế

Dù bằng bất cứ thước đo nào, sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc là chưa từng thấy, thậm chí là một phép lạ. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng ở mức trung bình 9,6% mỗi năm từ năm 1990 đến 2010. Với tốc độ tăng trưởng liên tục này, Trung Quốc đã lần lượt qua mặt Pháp, Anh, Đức. Sự dồi dào về dự trữ ngoại tệ và dư thừa cán cân thương mại đã cho phép Bắc Kinh củng cố sức mạnh tài chính và trong năm 2010, Trung Quốc đã thế chỗ Nhật Bản để đứng ngay sau nền kinh tế số một thế giới là Hoa Kỳ.

Sau hơn 30 năm thực hiện cải cách mở cửa, tốc độ tăng trưởng kinh tế cho cả năm 2009 của Trung Quốc là 9,5%, cao gấp 6 lần tốc độ của Mỹ và khu vực châu Âu. Năm 2010, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới mở rộng 10,4%[107, tr1].

Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Trung Quốc nằm trong danh sách Top 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới 2011 dựa trên số liệu về tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2010. Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, chỉ sau Mỹ [180, tr1].

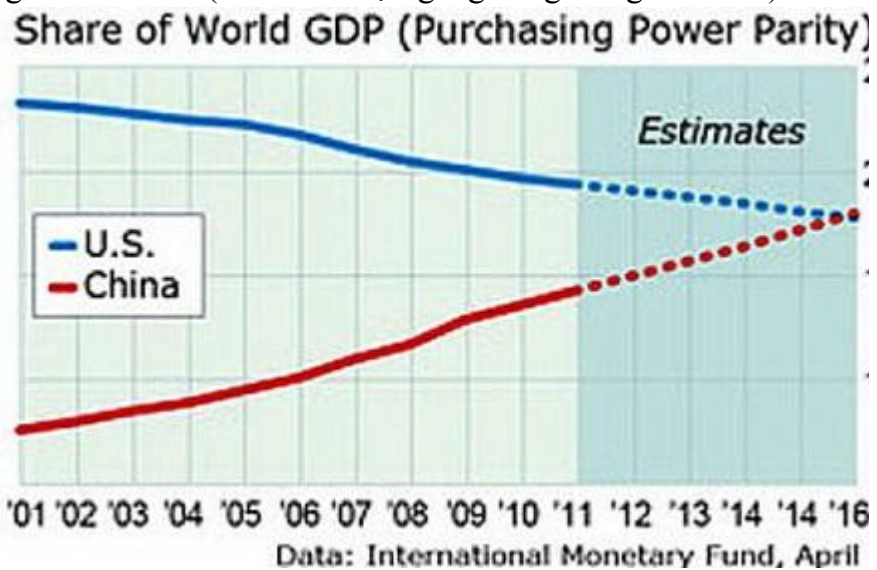
Biểu đồ 1.1: Thay đổi vị trí nền kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2000 -2010



(Nguồn: IMF, 2010)

Năm 2011, Trung Quốc đã thay thế Mỹ trở thành nước đóng góp cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu tới 30% so với 17% (2010) xét từ sản lượng toàn cầu. Vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, Trung Quốc trở thành một trong những nước đặt ra luật chơi và tái cấu trúc kinh tế tài chính toàn cầu. [181, tr 1] Cũng theo IMF, kinh tế Trung Quốc sẽ tăng từ 11,2 nghìn tỉ USD trong năm 2011 đến 19 nghìn tỉ USD trong năm 2016, còn kinh tế Mỹ sẽ tăng từ 15,2 nghìn tỉ lên 18,8 nghìn tỉ. Như vậy, tốc độ tăng trưởng của Mỹ chậm lại và chỉ đạt 17,7% giá trị kinh tế toàn cầu - thấp nhất trong thời hiện đại, trong khi Trung Quốc đạt 18% và vẫn tiếp tục đà tăng. [153, tr 1] (Phân tích của IMF so sánh hai nền kinh tế dựa trên tỉ giá hối đoái và “sự ngang bằng trong sức mua”, nghĩa là so sánh cách người dân hai nước kiếm tiền và tiêu xài)

Biểu đồ 1.2: Dự báo tỷ trọng GDP của Trung Quốc và Hoa Kỳ trong GDP thế giới đến 2016 (Tính theo sự ngang bằng trong sức mua)



IMF dự báo tốc độ giảm của kinh tế Mỹ sẽ chậm đà tăng của Trung Quốc năm 2016 –*nguồn: Daily Mail*

Trong 3 năm gần đây, nếu tính theo tỷ giá hối đoái trên thị trường, GDP của Trung Quốc chiếm khoảng 4,0% tổng giá trị sản lượng toàn cầu, thu nhập đầu người (GDP per capita) của Trung Quốc trong năm 2010 là 4,82 USD. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, Trung Quốc là nước có GDP lớn nhất khu vực từ năm 2002, và duy trì vị trí dẫn đầu tới nay, tăng lên chiếm 39,4% tổng sản lượng khu vực từ 38% năm 2010.[21, tr1] Sự phát triển kinh tế Trung Quốc làm sôi động thị trường thế giới. Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc công bố báo cáo cho biết, năm 2003 đến năm 2011, thương mại xuất nhập khẩu hàng hoá Trung Quốc trung bình mỗi năm tăng 21,7%, năm 2011 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá Trung Quốc vươn lên xếp thứ hai thế giới, liền ba năm trở thành nước xuất khẩu lớn nhất và nước nhập khẩu lớn thứ hai thế giới.[190, tr1] Hiện nay Trung Quốc đang sở hữu 5 trong số 20 cảng hàng đầu thế giới[51, tr1]. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc vừa công bố Báo cáo số liệu thống kê tài chính Quý I năm 2012 của nước này. Theo đó, tổng dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc tính đến cuối tháng 3-2012 đã lên đến 3.305 tỷ USD, đứng thứ nhất trên thế giới.[191, tr1] Vào đầu cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu gần đây, nhiều người đã lo sợ rằng cỗ máy tăng

trường kinh tế của Trung Quốc sẽ từ từ khựng lại. Cuối năm 2008, ngành xuất khẩu Trung Quốc suy sụp, khiến nhiều người lo sợ về tình trạng bất ổn chính trị và dân chúng nổi loạn trong nước. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu rất cuộc cũng chỉ là một ổ gà trên con đường tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc.

Robert Fogel, một nhà kinh tế học được giải Nobel, tin rằng Trung Quốc sẽ tăng trưởng trung bình 8% mỗi năm cho đến năm 2040, vào thời điểm đó TQ sẽ giàu gấp đôi châu Âu (tính theo lợi tức đầu người) và sẽ chiếm 40% GDP toàn cầu (so với con số 14% của Hoa Kỳ và 5% của Liên minh châu Âu). Những nhà kinh tế khác tỏ ra dè dặt hơn một chút. Uri Dadush và Bennett Stancil thuộc tổ chức Carnegie Endowment for International Peace (một viện nghiên cứu chính sách đối ngoại có trụ sở tại Washington, D.C.) tiên đoán rằng Trung Quốc sẽ tăng trưởng 5,6% mỗi năm cho đến hết năm 2050. AFP trích dẫn nhận định của ông Tom Orlik, làm việc tại công ty thông tin kinh tế tài chính Stone & McArthur Research Associates, ở Bắc Kinh như sau: «Giờ đây Trung Quốc có một nền kinh tế rất lớn và những quyết định mà Trung Quốc đưa ra có tác động trên toàn thế giới» [183, tr1].

1.1.2 Về chính trị, an ninh – quân sự

Mặc dù trong thế kỷ XXI, Trung Quốc vẫn thích tự khắc họa mình như một “quyền lực mềm”, một quốc gia “trỗi dậy hòa bình” và không đe dọa hòa bình thế giới. Thông điệp đó được dự định đưa ra để tái đảm bảo với các nước láng giềng rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ không đe dọa các lợi ích kinh tế hoặc an ninh của những nước đó do những ý định hòa bình, những khả năng quốc gia hạn chế, con đường phát triển đôi bên cùng có lợi và định kiến quốc tế đa nguyên của Trung Quốc. Nhưng không thể phủ nhận được sự gia tăng sức mạnh quân sự và chính trị của nước này những thập niên gần đây đang trở thành ám ảnh của rất nhiều quốc gia.

Thế giới đang trải qua “những thay đổi lịch sử” và điều tương tự cũng xảy ra trong quan hệ của Trung Quốc với thế giới. “Sự thần kỳ kinh tế” của Trung Quốc khiến thế hệ lãnh đạo thứ 4 của đảng Cộng sản Trung Quốc, dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, có thể vươn khỏi cương lĩnh ngoại giao nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình là “giữ thế thủ và không bao giờ dẫn đầu” trong các vấn đề quốc tế.[160, tr1] Trung Quốc đã tỏ ý sẵn sàng đóng một vai trò lớn hơn và có thể là xây dựng hơn, trong các vấn đề toàn cầu thông qua một bản kế hoạch đối ngoại - “Quan điểm của Hồ Cẩm Đào về thời đại”- gồm 5 luận điểm về “sự thay đổi sâu sắc (trong bối cảnh thế giới), xây dựng một thế giới hài hoà, cùng phát triển, chia sẻ trách nhiệm và sự tham gia một cách nhiệt tình (vào các công việc toàn cầu)”.

Việc Trung Quốc sẵn sàng gánh vác “trách nhiệm chung” đối với những nghĩa vụ toàn cầu cho thấy quốc gia này đã sẵn sàng trở thành “một cỗ động có trách nhiệm” (theo cách nói của cựu Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ, Robert Zoellick trên nghị trường quốc tế). Sự tham gia nhiệt tình hơn của Trung Quốc vào các vấn đề quốc tế sẽ không ảnh hưởng tới mô hình phát triển của mình và bảo đảm “Trung Quốc có thể tiếp tục con đường tiến lên phía trước mà không cần gây ra những xung đột, va chạm như các cường quốc mới nổi trước đây từng gặp phải”. Các hành động thực tế như: “Tham gia vào hơn 20 lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, tham gia giải quyết vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên, Iran và các cuộc xung đột sắc tộc ở Sudan trong thời gian gần đây cho thấy, Trung Quốc đang “mềm hoá” nguyên tắc “không can thiệp vào công việc nội bộ nước khác”, góp phần vào việc thúc đẩy hoà bình và sự phát triển của nhân loại.

Tư thế của Trung Quốc tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã có sự thay đổi lớn. Trung Quốc là một trong hai uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có tiềm lực kinh tế lớn nhất thế giới.¹ Cũng như Mỹ, Nga, Trung Quốc là một trong ba cường quốc hàng đầu về vũ trụ. Đó là chưa kể, từ lâu Trung Quốc đã là

¹ Nhật Bản là nền kinh tế lớn thứ hai, nhưng không phải là uỷ viên Hội đồng Bảo an. Các nền kinh tế của Anh, Pháp, Nga đều đứng sau kinh tế Trung Quốc

một trong những nước sở hữu hạt nhân trên thế giới. Tiềm lực quân sự của Trung Quốc hiện nay cũng khiến tất cả các cường quốc còn lại trên thế giới phải tính tới phản ứng của Bắc Kinh, trước khi quyết định bất kỳ hành động quân sự ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Bởi vì, hiện nay Trung Quốc có lợi ích ở khắp nơi trên thế giới, kể cả ở Mỹ Latinh, khu vực được xem là sân sau của Mỹ.

Dựa trên quốc lực ngày càng hùng mạnh của mình, từ khi bước vào thế kỷ XXI, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã chính thức từ bỏ chiến lược đối ngoại “Giấu mình chờ thời”, để tham gia vào các công việc khu vực và quốc tế với một tinh thần tự chủ, năng động và quả quyết. Trung Quốc không chỉ có quan điểm độc lập về cải cách Liên hợp quốc,[47, tr 1] đóng vai trò lãnh đạo trong tiến trình đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của Bắc Triều tiên mà còn lập ra Diễn đàn Châu Á Bắc Ngao (*Boao Forum for Asia – BFA*) thu hút sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà lãnh đạo ở châu lục này. Cùng với Nga, Trung Quốc đã sáng lập ra Tổ chức Hợp tác Thượng hải - SCO (2001) nhằm thúc đẩy hợp tác với các nước Trung Á, vốn là các nước Cộng hòa thuộc Liên bang Xô viết trước đây. Sau 8 năm tồn tại, SCO đang thu hút sự chú ý nhiều quốc gia châu Á.

ASEAN cũng đang thăm dò quan hệ với tổ chức này. Sự ra đời và những phát triển nhanh chóng của SCO khiến Mỹ và Tây Âu lo ngại. Không ít người trên thế giới đã cho rằng SCO có thể trở thành một đối trọng với NATO, nếu Mỹ và Tây Âu cứ tiếp tục chèn ép không gian chiến lược của Nga ở châu Âu và Trung Á, nếu liên minh Nhật - Mỹ tiếp tục xiết chặt vòng vây Trung Quốc ở phía Đông và phía Đông Nam Á.

Ngoài việc sáng lập các tổ chức hợp tác khu vực và quốc tế mới, điểm đáng chú ý nữa trong chính sách đối ngoại và an ninh của Trung Quốc là họ đã đề ra được cả những lý thuyết mới nhằm tạo cơ sở lý luận cho hợp tác và kiến tạo trật tự thế giới mới trong thế kỷ XXI. Khái niệm an ninh mới (New Concept of Security – NCS) được các nhà lãnh đạo Trung Quốc chính thức đưa ra vào năm 1998. Khái niệm này chủ trương xây dựng trật tự thế giới đa cực và đề cao vai trò của Liên hợp quốc trong việc giải quyết các tranh chấp thông qua đàm phán.[76, tr138]

Để thúc đẩy hoà bình, an ninh và thịnh vượng trên thế giới, các nhà lãnh đạo Bắc Kinh đang cổ động lý thuyết thế giới hài hoà do Tổng Bí thư, kiêm Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm đào đưa ra.

Trong quan hệ với các nước đang phát triển, Trung Quốc đề ra nguyên tắc hợp tác “cùng thắng”. Theo nguyên tắc này, tất cả các nước đều có thể hưởng lợi từ kết quả hợp tác. Nguyên tắc “cùng thắng” là sự đối lập hoàn toàn với nguyên tắc “bên được, bên thua” (zero and sum) mà các nước phương Tây thường sử dụng trong quan hệ với các nước đang phát triển. Nguyên tắc hợp tác “cùng thắng” của Trung Quốc đã nhận được sự phản ứng tích cực của các nước đang phát triển, trong đó có cả ASEAN.

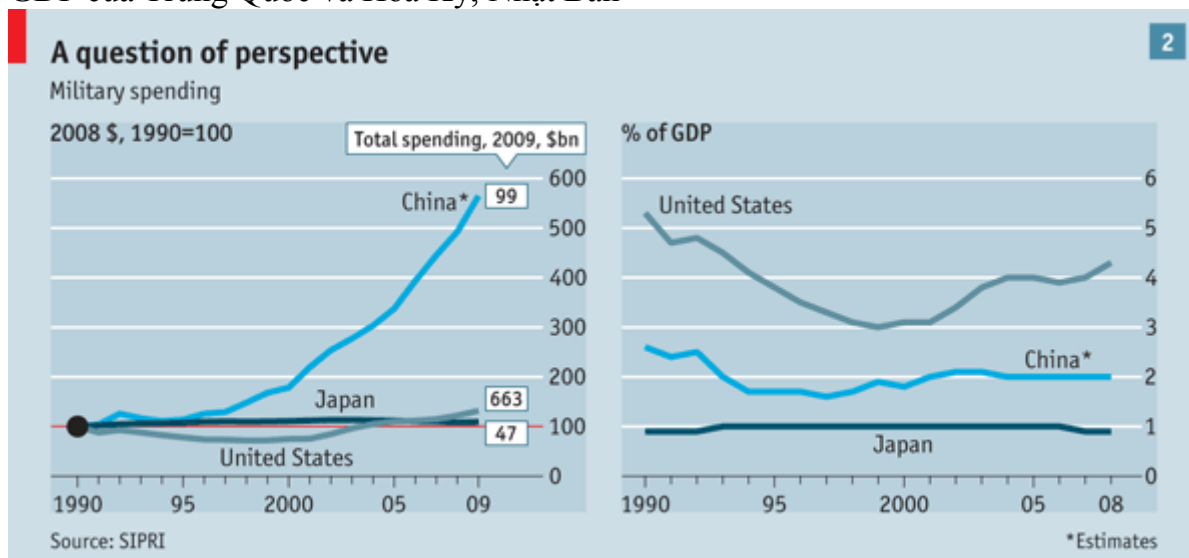
Có được vị thế chính trị như vậy là do Trung Quốc có được một sức mạnh về quân sự đáng nể. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn gần đây trên báo chí Trung Quốc, Bộ trưởng Quốc phòng Lương Quang Liệt tuyên bố: “Yếu tố quan trọng của sức mạnh một cường quốc chính là nền quốc phòng hùng cường”[163, tr 1].

Nhìn lại 5 năm qua, ông Lương Quang Liệt khẳng định đó là quãng thời gian quân đội Trung Quốc phát triển nhanh chóng, đạt được những thành tựu to lớn, mang tính lịch sử. Quân đội Trung Quốc cũng được chuẩn bị tốt hơn cho bất kỳ tình huống xung đột nào có thể xảy ra. Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc ngày càng đáp ứng đủ khả năng tham gia vào các cuộc chiến tranh hiện đại, cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là trong những chiến dịch đòi hỏi khả năng chỉ huy và công nghệ đặc biệt.

Sau khi tăng gấp năm chi phí dành cho quốc phòng tính theo giá trị thực kể từ giữa thập niên 1990 tới nay, Trung Quốc đã hiện đại hóa quân đội ở một tốc độ vượt xa các nước thành viên ASEAN, trong đó có việc họ triển khai tên lửa đạn đạo chống tàu biển và các vũ khí tấn công tàng hình. Theo nhà phân tích Richard Bitzinger, Trung Quốc có vẻ cũng đang theo đuổi “một cuộc cách mạng công nghệ trong lĩnh vực quân sự, do thông tin dẫn dắt”. Với việc phóng tầm sức mạnh hải quân và không quân vào biển Đông và xa hơn nữa, hoạt động hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc đang gây ảnh hưởng trực tiếp lên lợi ích về an ninh của ASEAN.

Vấn đề hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc luôn là chủ đề quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc tế, vì điều này sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc an ninh khu vực cũng như đe dọa vị trí của các siêu cường, đặc biệt là Mỹ tại châu Á –Thái Bình Dương và các quốc gia khác tại khu vực này.

Biểu đồ 1.3: Chi tiêu quốc phòng và tỷ trọng chi tiêu quốc phòng so với GDP của Trung Quốc và Hoa Kỳ, Nhật Bản



Ngân sách của PLA đã tăng theo tỷ lệ GDP trong thập niên qua, sau hai thập niên mà tỷ lệ phần trăm của nó trong số GDP giảm

Có ba lĩnh vực nổi bật trong quá trình hiện đại hoá của PLA. *Trước hết*, Trung Quốc đã tạo ra cái mà Lầu Năm Góc gọi là "chương trình tên lửa đạn đạo và hành trình đặt trên mặt đất tích cực nhất thế giới"[120, tr 1]. Lực lượng pháo binh 2 có khoảng 1.100 tên lửa tầm ngắn hướng về Đài Loan và đã đang mở rộng tầm bắn, tăng cường độ chính xác và trọng tải. Lực lượng pháo binh 2 cũng đang phát triển dàn tên lửa đạn đạo tầm trung, có thể mang được đầu đạn thông thường hoặc đầu đạn hạt nhân. PLA cũng đã triển khai hàng trăm tên lửa hành trình tầm xa phóng từ mặt đất và từ không trung. Và Trung Quốc cũng đang phát triển loại tên lửa đạn đạo chống tàu chiến đầu tiên trên thế giới.

Thứ hai, Trung Quốc đã chuyển hoá và mở rộng hạm đội tàu ngầm của mình, hiện đang neo đậu tại căn cứ vừa hoàn tất trên đảo Hải Nam nằm ở bờ biển

phía Nam Trung Quốc. Trong thời gian 8 năm trước năm 2002, Trung Quốc đã mua từ Nga 12 chiếc tàu ngầm lớp Kilo, một bước tiến lớn so với những tàu ngầm tự chế lớp Minh và Romeo gây nhiều tiếng ồn. Kể từ đó Hải quân Trung Quốc đã có những chủng loại tàu ngầm tầm xa và êm hơn do chính Trung Quốc thiết kế, bao gồm tàu ngầm lớp Tấn chạy bằng năng lượng hạt nhân và mang các tên lửa đạn đạo, và tàu ngầm lớp Thương, một loại tàu tấn công chạy bằng năng lượng hạt nhân. Trung Quốc có khoảng 66 tàu ngầm so với 71 chiếc của Mỹ và tàu của Mỹ tối tân hơn. Theo Viện nghiên cứu Kokoda Foundation của Ôxtrâyliá, tới năm 2030 Trung Quốc có thể sẽ có từ 85-100 tàu ngầm.[120, tr 1]

Thứ ba, Trung Quốc đã tập trung vào cái mà họ gọi là "thông tin hoá", một khái niệm do Giang Trạch Dân đặt ra vào năm 2002 để diễn tả việc PLA cần phải hoạt động như một lực lượng thống nhất, sử dụng các hệ thống cảm ứng, thông tin, chiến tranh điện tử và chiến tranh mạng. Trung Quốc hiện có khả năng biết được những gì xảy ra từ xa đối với Thái Bình Dương nhờ triển khai hàng loạt vệ tinh, radar tầm xa, radar thu sóng tầm trung, máy bay do thám và dàn cảm ứng dưới nước.

Trung Quốc cũng đang phát triển các loại vũ khí chống vệ tinh. Các vệ tinh của Mỹ đã bị "loá mắt" vì những tia laser bắn từ mặt đất. Và năm 2007 một tên lửa đạn đạo phóng từ Trung tâm Vũ trụ Tây Xương ở Tứ Xuyên đã làm nổ tung một vệ tinh theo dõi thời tiết - một thành tựu vượt bậc, dù những quốc gia khác đã nổi giận vì việc này tạo ra hơn 35 nghìn mảnh rác mới trong vũ trụ.

Sách trắng về quốc phòng của chính phủ được công bố gần đây nói rằng Trung Quốc “nhìn chung sẽ đạt được mục tiêu hiện đại hóa quốc phòng và lực lượng quân sự vào giữa thế kỷ 21”. Sách trắng nhấn mạnh đến mong muốn của Trung Quốc phát triển mạnh hơn bộ máy quân sự có trình độ công nghệ tiên tiến, về mặt quân sự, cho phép tiến hành các hoạt động tác chiến quy mô, cách rất xa biên giới của họ và nói rằng Trung Quốc sẽ đạt được nhiều tiến bộ hướng tới mục tiêu này vào năm 2020.[131, tr 1]

Năm 2010 là năm cuối cùng trong kế hoạch quốc phòng 5 năm lần thứ 11 của Trung Quốc (2006-2010). “Chiến lược hiện đại hóa quân đội” của Trung Quốc đang đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa lực lượng vũ trang theo hướng tin học hóa, mang màu sắc Trung Quốc.

1.1.3 Văn hóa, khoa học công nghệ và lĩnh vực khác

Sau khi đã gia tăng được "sức mạnh cứng", cả trên bình diện kinh tế và quân sự, Trung Quốc đang dành mối quan tâm lớn hơn cho "sức mạnh mềm" của mình. Theo đó, việc triển khai gia tăng sức mạnh mềm văn hóa ra thế giới của Trung Quốc, trong đó có khu vực Đông Nam Á được thực hiện trên ba phương thức chính: Thành lập Học viện Khổng Tử; Thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các nước; Xuất khẩu các sản phẩm văn hóa như truyền hình, phim ảnh, âm nhạc... ra toàn thế giới.

Có thể thấy, chiến lược gia tăng sức mạnh mềm của Trung Quốc trong thời điểm này kết hợp song song với "sức mạnh cứng" sẽ giải quyết được ít nhất hai vấn đề. *Thứ nhất*, sự gia tăng sức hấp dẫn văn hóa sẽ khiến cho các nước khác không thấy Trung Quốc là “một mối đe dọa”. *Thứ hai*, thông qua sự lan tỏa ngày càng sâu rộng của văn hóa Trung Quốc, đặc biệt là các giá trị mang tính phổ quát cao của Nho gia, nước này sẽ từng bước tạo thành một loại quyền lực giúp gia tăng hơn sức cạnh tranh quốc tế.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc còn được thể hiện ở sự phát triển nhanh chóng của *khoa học và công nghệ*. Điển hình là Trung Quốc vừa thực hiện thành công phóng tàu vũ trụ "Thần Châu 6", đưa người vào vũ trụ lần thứ hai, trở thành cường quốc chinh phục vũ trụ thứ 3 trên thế giới, sau Nga và Mỹ. Theo Reuters, Trung Quốc dự định sẽ phóng tàu vũ trụ không người lái Hằng Nga 3 lên Mặt trăng vào năm 2013, với sứ mệnh quan sát bề mặt của Mặt trăng. Trung Quốc đã thử nghiệm thành công tên lửa thể hệ mới được sử dụng để phóng tàu vũ trụ Hằng Nga. Nếu sứ mệnh này thành công, tàu vũ trụ Hằng Nga 3 của Trung Quốc sẽ là tàu thăm dò đầu tiên đáp xuống bề mặt của Mặt trăng kể từ lần cuối cùng Liên Xô cũ đưa tàu thăm

dò lên Mặt trăng vào những năm 1970. Trung Quốc cũng dự định sẽ đưa người lên hành tinh này – điều mà chỉ duy nhất Mỹ thực hiện được gần đây nhất vào năm 1972.[140, tr1]

Sự phát triển ngoạn mục của Trung Quốc tác động mạnh đến phần còn lại của thế giới. “Sự lớn mạnh của Trung Quốc ngày nay cũng giống như sự lớn mạnh của Mỹ cách đây một thế kỷ (1870 - 1913). Trong cả hai trường hợp, người ta đều nhận thấy tỷ lệ tăng trưởng mạnh mẽ và đóng góp nhiều hơn vào sự gia tăng GDP toàn cầu. Giống như trường hợp của Mỹ, sự lớn mạnh này không chỉ làm Trung Quốc thay đổi, mà còn làm thay đổi bộ mặt của toàn thế giới”. Trên nhiều lĩnh vực, Trung Quốc đang theo đuổi những chiến lược khác với các quy phạm, quy tắc và các thoả thuận mang tính thể chế hiện thời, kêu gọi “sự đồng thuận Bắc Kinh” thay thế cho “sự đồng thuận Washington”, làm tăng thêm thách thức phải xem xét lại hiện trạng của thế giới.

1.2 Ảnh hưởng sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với Đông Nam Á.

Trong cách nhìn của ASEAN và các nước thành viên, sự trỗi dậy của Trung Quốc vừa tạo cơ hội cho sự phát triển của Đông Nam Á nói chung, các quốc gia trong khu vực này nói riêng, vừa gây nên những thách thức lớn cho khu vực.

1.2.1 Cơ hội phát triển đối với Đông Nam Á từ sự trỗi dậy của Trung Quốc

1.2.1.1 Về kinh tế

Sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc, nhìn chung, được ASEAN và các nước thành viên xem là cơ hội phát triển cho các nền kinh tế Đông Nam Á. Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc “đem lại cơ hội khổng lồ cho tất cả.” [170, tr 1]

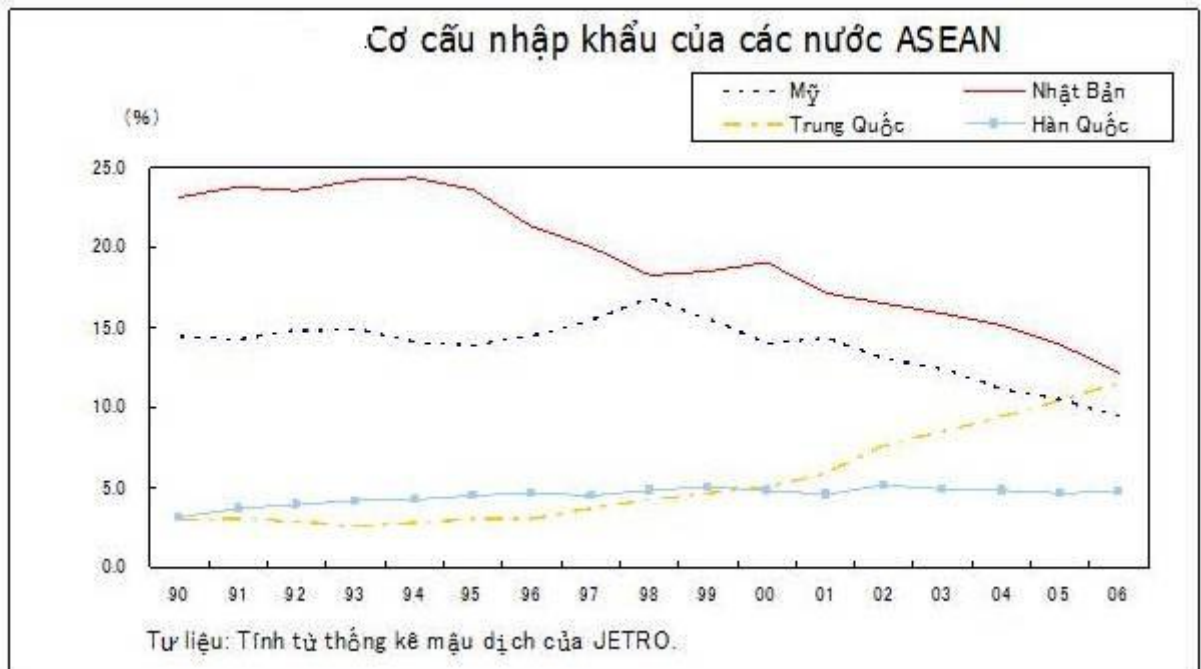
Bộ Ngoại giao Trung Quốc ngày 16/11 công bố sổ tay "Hợp tác Trung Quốc - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) giai đoạn 1991-2011", cho biết thương mại hai chiều Trung Quốc - ASEAN tăng 37 lần trong 20 năm qua và vẫn

giữ đà tăng cao. Theo số liệu trong sổ tay trên, kim ngạch thương mại hai chiều Trung Quốc - ASEAN từ gần 8 tỉ USD năm 1991 đã tăng lên 292,8 tỉ USD năm 2010, tăng trung bình trên 20%/năm. Trong 10 tháng đầu năm 2011, kim ngạch thương mại hai chiều đạt 295,9 tỷ USD, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2010. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN và ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ ba của Trung Quốc. Đáng chú ý, năm 2012, kim ngạch xuất khẩu của ASEAN đạt gần 72 tỷ USD, tăng 64% so với cùng kỳ năm trước. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của nước này trong sáu tháng đầu năm nay. [171, tr 1]

Đối với Đông Nam Á, Trung Quốc là bạn hàng thương mại lớn nhất của ASEAN. Năm 2010, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Trung Quốc - ASEAN đã lên tới 292,8 tỷ USD, tăng 37,5% so với năm 2009, cao hơn 2,8% so với tổng ngoại thương của Trung Quốc.[190, tr 1] Về đầu tư, Trung Quốc đang trên đường trở thành nhà đầu tư lớn của ASEAN; nhiều hợp đồng lớn đầu tư lên tới hàng tỉ USD vừa được ký kết với Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a. Trung Quốc là nước hết sức nhiệt tình tham gia phát triển Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.

Tại một số nước thành viên mới của ASEAN như Lào, Campuchia và Myanmar, Trung Quốc chiếm vị trí khá cao trong cả ODA và FDI. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc diễn ra vào tháng 10/2006, Thủ tướng Hun Sen cho rằng “sự bùng nổ kinh tế của Trung Quốc trong hai thập niên vừa qua đã mang lại lợi ích đáng kể cho ASEAN”. [164, tr 1]

Biểu đồ 1.4:

Cơ cấu nhập khẩu của các nước ASEAN giai đoạn 1990 -2006

Về đầu tư nước ngoài (FDI), ASEAN đã trở thành một trong những điểm đến quan trọng trong dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Trung Quốc. Trong 6 tháng đầu năm nay, tổng số tiền mà các doanh nghiệp này đem đến thị trường ASEAN đã lên tới 1,49 tỷ USD, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2011. Trong chiều ngược lại, đầu tư của các nước ASEAN vào Trung Quốc cũng tăng khá mạnh 27,5%, đạt 4,55 tỷ USD và chiếm 6% tổng vốn thu hút đầu tư nước ngoài của Trung Quốc.[172, tr 1] Tích lượng (stock) FDI của Trung Quốc nhiều nhất là tại Singapore (hơn 300 triệu USD. Ở Singapore đã có 1.500 công ty Trung Quốc đang hoạt động; 77 công ty Trung Quốc niêm yết tại thị trường chứng khoán Singapore...), sau đó tới Malaysia (200 triệu USD) và các nước khác. Thủ tướng Badawi khẳng định : “... ở Malaysia chúng tôi nhìn sự tăng trưởng phi thường của Trung Quốc không chỉ như một thách thức mà còn như một cơ hội. Chúng tôi tin rằng Malaysia cũng như các nước khác trong khu vực và xa hơn có thể có lợi từ sự thịnh vượng của Trung Quốc.”[167, tr 1]

Đáng chú ý là vai trò của Trung Quốc tại Lào, Campuchia và Myanmar. Mấy năm gần đây, Trung Quốc là nước dẫn đầu FDI tại Campuchia (chủ yếu sản xuất hàng may mặc). Tại Lào, tích lượng FDI (từ năm 2000 đến tháng 3 năm 2007) của Trung Quốc xếp hàng thứ hai, sau Thái Lan. Tại Myanmar, về ODA thì Trung Quốc độc chiếm vì các nước khác tiếp tục chính sách chế tài kinh tế đối với Myanmar, trong khi Trung Quốc muốn thừa cơ này củng cố thế lực ở phía tây nam. Từ cuối thập niên 1990, Trung Quốc liên tục viện trợ cho Myanmar, bao gồm nhiều lĩnh vực từ xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác năng lượng đến các dự án phát triển công nghiệp. Theo nhiều nhà nghiên cứu về Myanmar như Ebashi Masahiko (2007), số dự án hợp tác mà Trung Quốc triển khai ở nước này vừa nhiều, vừa có tính chiến lược ở những điểm sau: Thứ nhất, Trung Quốc củng cố được con đường tiến ra Ấn Độ dương mà không phải qua eo biển Malacca. Thứ hai, Trung Quốc khai thác được nhiều nguồn năng lượng, nguyên liệu và bảo đảm nguồn cung cấp lúa gạo trong tương lai. Thứ ba, lập quan hệ gắn bó chiến lược với Myanmar (và với Pakistan), Trung Quốc sẽ từng bước hình thành một mặt trận bao vây, kiềm chế Ấn Độ.[192, tr 1]

Tuy nhiên, gần đây ASEAN ngày càng nhận thấy sự lớn mạnh của kinh tế Trung Quốc cũng đem lại cơ hội thị trường cho mình. ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Trung Quốc, chiếm gần 10% kim ngạch thương mại của Trung Quốc. Nhiều nước ASEAN cũng thành công trong việc xâm nhập vào thị trường Trung Quốc. Hiện nay thị phần của ASEAN trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm độ 10%, tương đương với Mỹ và Hàn Quốc.[174, tr 1]

Với tư cách là một tổ chức hợp tác khu vực, ASEAN nhìn sự phát triển của Trung Quốc là cơ hội phát triển hơn là một thách thức.[35, tr 21] Trong bài viết nhan đề “ASEAN - Trung Quốc: Quan hệ đối tác trong cạnh tranh”, Tổng Thư ký ASEAN Rodolfo C. Severino (1999-2003) cho rằng, việc mở cửa kinh tế Trung Quốc không chỉ làm cho thách thức của Trung Quốc trở nên khủng khiếp với tư cách là người cạnh tranh với ASEAN về vốn đầu tư và thị trường xuất khẩu. Nó

còn là một cơ hội rất to lớn “do đem lại một thị trường rộng và mới cho xuất khẩu của ASEAN, cho các sản phẩm của các công ty đang hoạt động ở ASEAN.”[101, tr 1] Hơn nữa, viễn cảnh về một sự cạnh tranh cao từ Trung Quốc và từ các nơi khác sẽ buộc các nước thành viên ASEAN phải nâng cao sức mạnh và làm đông kết lại điểm yếu của họ. Ít nhất thì sự cạnh tranh đang tăng lên từ phía Trung Quốc và các nước khác sẽ đẩy ASEAN khẩn trương hội nhập thị trường khu vực. Với quan điểm như vậy, ông cho rằng, “Các nước ASEAN không nên quá lo sợ về sự cạnh tranh của Trung Quốc. Trung Quốc không chỉ là đối thủ cạnh tranh mà còn là đối tác của ASEAN. Hiện nay, ASEAN bao gồm tất cả Đông Nam Á có một nửa tỷ dân, bằng gần nửa dân số Trung Quốc. GDP kết hợp của các nước ASEAN bằng cỡ của Trung Quốc. Thị trường khu vực đang hội nhập tới mức gần bằng sự hội nhập của thị trường Trung Quốc. Những sự năng động giữa ASEAN và Trung Quốc với tư cách là những người cạnh tranh và đối tác rồi sẽ chứng tỏ lợi ích cực lớn cho tất cả.”[101, tr 1]

Giáo sư Pra-xít-xúc của Thái Lan cho rằng: Phát triển sau này của các nước ASEAN chủ yếu dựa vào hai cơ hội: Một là sự trỗi dậy của Trung Quốc, hai là nhất thể hoá kinh tế khu vực.[152, tr 1] Quan hệ giữa ASEAN với Trung Quốc đã từ chủ yếu là cạnh tranh chuyển sang chủ yếu là hợp tác cùng có lợi. Hiện nay, các nước ASEAN phần nhiều coi sự trỗi dậy của Trung Quốc là cơ hội phát triển của mình.

1.2.1.2 Chính trị và an ninh-quân sự

Ngoại giao Trung Quốc xác định, Trung Quốc muốn thể hiện với tư cách là người sáng tạo, cùng tham gia quá trình sáng tạo thế giới. Nói cách khác, Trung Quốc khẳng định hình ảnh là một nước có trách nhiệm, đáng tin cậy, tích cực tham gia chấn chỉnh trật tự thế giới và xây dựng hệ thống quốc tế, gánh vác nhiều trách nhiệm quốc tế hơn nữa. Đối với khu vực ASEAN, Trung Quốc thể hiện rõ quan điểm rằng: Các nước đang phát triển là đối tác ngoại giao chính của Trung Quốc, bởi vì Trung Quốc cũng là một quốc gia đang phát triển. Trung Quốc cần đến thế giới thứ ba và thế giới thứ ba cũng cần đến Trung Quốc.

Trung Quốc sẽ thực hiện sự phối hợp hành động khu vực và sự liên kết khu vực, thiết lập quan hệ đối tác với các nước láng giềng, củng cố sự thân thiện, tiến tới bao quanh mình các nước láng giềng thịnh vượng, hữu nghị và an toàn. Trung Quốc cần phải xây dựng khu vực tự do thương mại với ASEAN, đồng thời củng cố sự hợp tác với các nước thuộc Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), giải quyết cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, phát triển các quan hệ hữu nghị truyền thống với Triều Tiên, Mông Cổ, Việt Nam. Trung Quốc coi vùng ngoại biên của mình là đối tượng quan trọng nhất trong chính sách đối ngoại.

Theo quan điểm của các nhà lãnh đạo ASEAN, những hành động đó của Trung Quốc đã cho thấy “ Trung Quốc đang trở thành một người bạn đáng tin cậy và một chủ thể khu vực có trách nhiệm”. [165, tr 1] Trong Tuyên bố của Chủ tịch ASEAN về các Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng ASEAN + 1 tháng 7/2008, ASEAN đã “ghi nhận Trung Quốc là một trong những đối tác đối thoại tích cực nhất của ASEAN”. [103, tr 1]

Tổng Thư ký ASEAN Ong Keng Yong cũng cho rằng: ASEAN và Trung Quốc cần xây dựng quan hệ đối tác toàn diện. Tiền đề tư tưởng của quan hệ đối tác đó là triết lý “làm cho láng giềng của bạn trở nên thịnh vượng (prosper thy neighbour)”. [91, tr 10] Bởi vì, Trung Quốc và ASEAN chia sẻ biên giới, các quan hệ lịch sử văn hoá và đang đối diện với nhiều thách thức và cơ hội chung, chia sẻ những hy vọng chung với tư cách là các nước đang phát triển để đạt tới sự thịnh vượng và nâng cao mức sống của nhân dân. Cùng muốn giải quyết các vấn đề xuyên biên giới. ASEAN và Trung Quốc muốn cùng tồn tại hoà bình và chia sẻ trách nhiệm làm cho khu vực có vị trí tốt hơn và là những công dân toàn cầu tốt hơn.

1.2.2 Thách thức đối với sự phát triển của Đông Nam Á từ sự trỗi dậy của Trung Quốc

1.2.2.1 Về kinh tế

Phần lớn các nước ASEAN cho rằng sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc trong lĩnh vực kinh tế đã làm sâu sắc thêm sự cạnh tranh quyết liệt giữa ASEAN và Trung Quốc về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các thị trường xuất khẩu. Ông Ong Keng Yong, tổng thư ký ASEAN năm 2006 đã từng nói: “Các quốc gia Đông Nam Á đánh giá rất cao sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Trung Quốc và coi đó là cơ hội hợp tác hơn là một mối đe dọa. Tôi cho rằng mối quan hệ hợp tác hai bên cùng có lợi sẽ là lựa chọn tốt hơn khuynh hướng cạnh tranh trực diện.” Tuy nhiên, nhiều nước Đông Nam Á bày tỏ lo ngại về việc Trung Quốc không chỉ thu hút luồng vốn FDI và lấy đi nhiều cơ hội hợp tác của các doanh nghiệp ASEAN, mà còn có sự cạnh tranh vượt trội trong việc xuất khẩu những mặt hàng tiêu dùng như đồ chơi, giày da, hàng dệt may và đồ gia dụng...

- Cạnh tranh tại các thị trường lớn:

Sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc đã gây ra một số hiệu ứng phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Hiện nay, Trung Quốc là nước sản xuất và xuất khẩu nhiều hàng công nghiệp và chiếm một phần không nhỏ của tỷ lệ thế giới, từ đó làm cho hàng hóa và sản xuất của các nước ASEAN đứng trước áp lực cạnh tranh rất lớn. Nền kinh tế của các nước ASEAN và Trung Quốc đều hướng vào xuất khẩu và các đối tác lớn là Mỹ, các nước châu Âu và Đông Bắc Á. Trong khi đó, cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc và nhiều nước ASEAN khá giống nhau nên việc ASEAN chịu sức ép tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật, EU trước sự phát triển mạnh mẽ và hướng ngoại của Trung Quốc là điều tất yếu.

Sức mạnh công nghiệp của Trung Quốc đang tác động đến các nước ASEAN đã có một trình độ phát triển tương đối cao như Thái Lan, Malaysia, Philippin và Ấnônêxia (dưới đây gọi chung là ASEAN-4). Các nước này hiện nay đang đứng

trước thách thức về sự thâm nhập của Trung Quốc tại các thị trường lớn như Nhật Bản và Mỹ.

Như Bảng 1.5 cho thấy, từ năm 1992 đến 2003 (hoặc 2004), vị trí của ASEAN-4 tại thị trường Mỹ và Nhật Bản không thay đổi đáng kể trong khi Trung Quốc tăng thị phần một cách rất ngoạn mục. Tại thị trường Nhật Bản, hàng vải vóc, may mặc nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ có 4 tỷ yên vào năm 1990 nhưng đã tăng lên 1.800 tỷ yên vào năm 2000, làm cho tỷ lệ hàng Trung Quốc trong tổng nhập khẩu của Nhật đối với các mặt hàng này tăng từ 0,2% lên tới 68% trong thời gian đó. Vào năm 1990, Trung Quốc hầu như chưa xuất khẩu đồ điện gia dụng sang Nhật nhưng đến năm 2000 đã chiếm gần 30% tổng lượng nhập khẩu máy điều hoà không khí của nước này, thị phần tương ứng của máy giặt là 30%, tivi và video là 25%. Về các mặt hàng nhiệt điện gia dụng như bàn là, nồi cơm điện, v.v., từ năm 1990 đến năm 2000, thị phần của Trung Quốc trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản cũng tăng nhanh. Trong nhập khẩu của Mỹ về các mặt hàng đồ điện gia dụng, hiện nay Trung Quốc cũng chiếm một tỷ lệ rất lớn.

Bảng 1.5: Thị phần của Trung Quốc và ASEAN trong thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ

Thị phần của Trung Quốc và ASEAN trong thị trường Nhật và Mỹ

%

	Thị phần trong thị trường Nhật				Thị phần trong thị trường Mỹ			
	1992	1996	2001	2004	1992	1996	2001	2003
Xinh-ga-po	1.3	2.1	1.5	1.4	2.5	3.0	1.5	1.2
Thái Lan	2.6	2.9	3.0	3.1	1.4	1.4	1.3	1.2
Ma-lai-xia	2.8	3.4	3.7	3.1	1.8	2.6	2.3	2.0
Phi-líp-pin	1.0	1.3	1.8	1.8	0.9	1.1	1.1	0.8
In-đô-nê-xia	5.5	4.4	4.3	4.1	0.7	0.9	0.9	0.8
ASEAN-4	11.9	11.9	12.8	12.2	4.8	6.1	5.7	4.8
ASEAN-5	13.2	14.0	14.3	13.6	7.3	9.1	7.2	6.0
Trung Quốc	7.3	11.6	16.6	20.7	5.8	7.8	11.0	12.1

ASEAN-5 gồm tất cả 5 nước trong biểu. ASEAN-4 không kể Xinh-ga-po.
Tư liệu: Thống kê mậu dịch Nhật và Mỹ.

- Cạnh tranh trong việc thu hút FDI

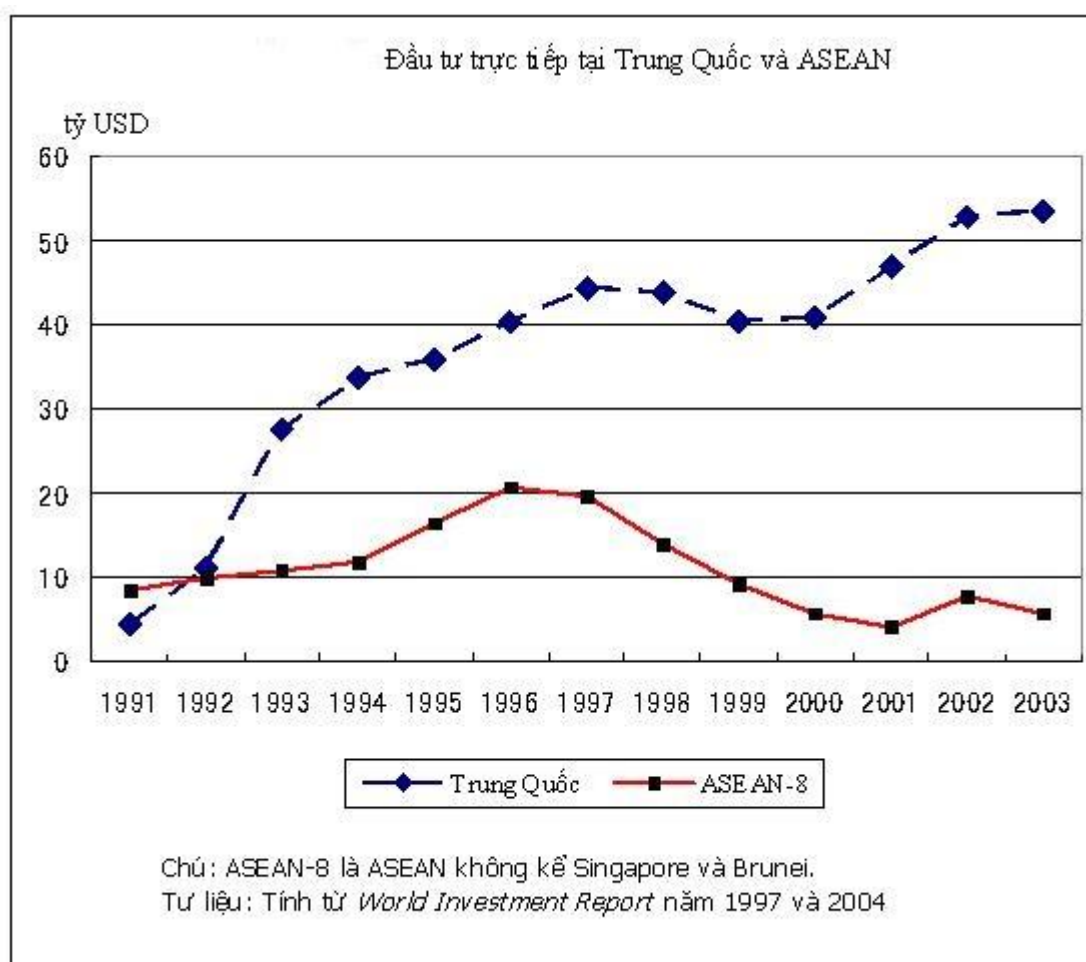
Trong thập niên 1990, dòng chảy FDI vào châu Á đã chuyển từ ASEAN sang Trung Quốc và khuynh hướng đó càng mạnh hơn trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Trên thực tế, FDI vào Trung Quốc tăng đột biến từ năm 2000, nhất là từ khi nước này gia nhập WTO năm 2001. FDI từ các nước Châu Âu và Mỹ vào Trung Quốc tính đến tháng 9/2011 đạt hơn 1,8 tỷ USD; đầu tư của 27 nước thành viên EU vào Trung Quốc đạt trên 4,1 tỉ USD. Theo thông báo Bộ Thương mại Trung Quốc đưa ra, FDI của Trung Quốc trong giai đoạn kế hoạch 5 năm lần thứ mười một (2006-2010) ước đạt 420 tỷ USD. Con số này cao hơn gấp 1,5 lần so với giai đoạn trước đó, khiến Trung Quốc trở thành điểm thu hút nguồn vốn FDI lớn thứ hai thế giới.[141, tr 1] Các nước và vùng lãnh thổ có kim ngạch FDI lớn của Trung Quốc là Hồng Kông, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Các Tiểu vương quốc Arập thống nhất (UAE), Việt Nam, Australia và Đức... Giám đốc Trung tâm nghiên cứu FDI Lu Tiên Dũng thuộc Đại học Ngoại thương Trung Quốc nói: “Tính tới cuối năm 2009, Trung Quốc nắm giữ tổng cộng 1.295 tỉ USD trái phiếu các loại của Mỹ. Như vậy, tổng đầu tư nước ngoài của Trung Quốc đã lên tới 2.000 tỉ USD. Năm 2008 Trung Quốc chi 30,2 tỉ USD để thu mua và sáp nhập công ty nước ngoài ở Trung Quốc; năm 2009 có giảm nhưng vẫn đạt 17,5 tỉ USD. Đến năm 2015 tổng FDI của Trung Quốc ở nước ngoài sẽ lên tới 351 tỉ USD và trở thành nước có FDI lớn nhất thế giới”. [117, tr 1]

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giá nhân công rẻ, hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế đồng bộ... Trung Quốc có lợi thế hơn ASEAN rất nhiều trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đơn cử như năm 2003, nước này đã thu hút tới 54 tỷ USD FDI - tương đương 60% tổng đầu tư nước ngoài vào châu Á.[104, tr 1] Trong khi đó, tỷ trọng thu hút FDI của ASEAN trong tổng số FDI của châu Á lại giảm nhanh chóng. Tăng FDI đã giúp Trung Quốc cải thiện nhanh chóng khả năng cạnh tranh so với ASEAN, từ các sản phẩm có hàm lượng công nghệ

thấp, sử dụng nhiều lao động đến các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như hàng dệt may, giày dép, đồ lắp ráp điện tử...

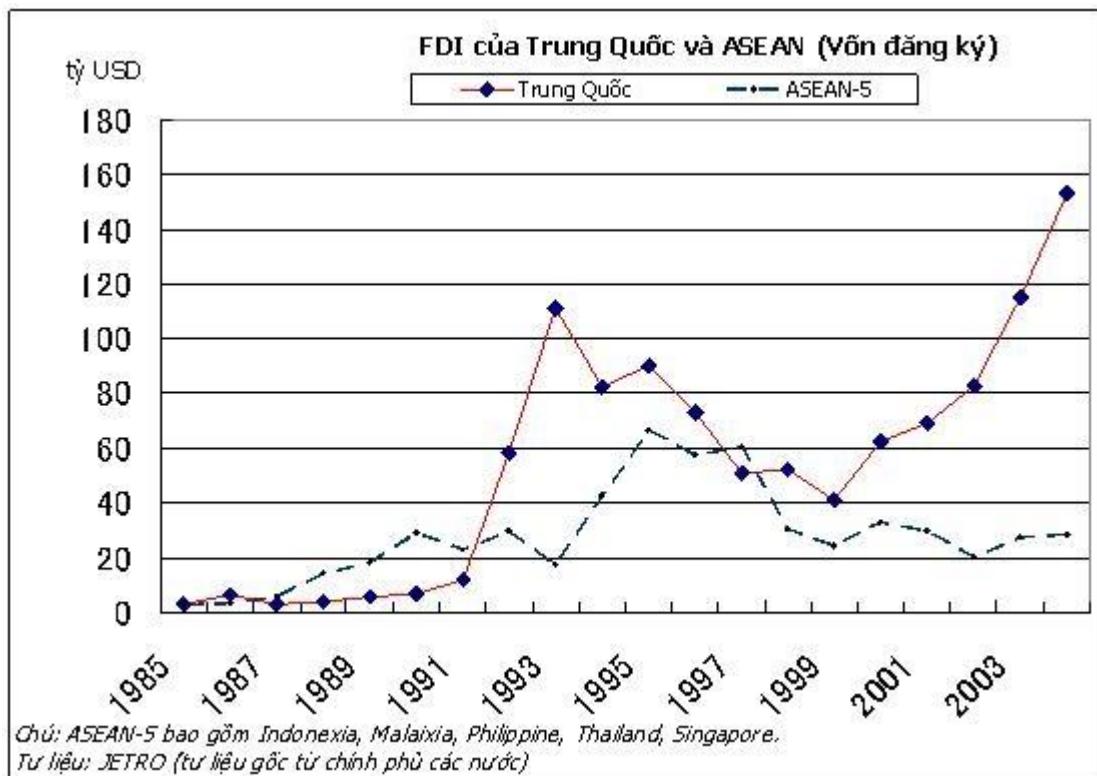
Theo Biểu đồ 1.6, cho đến năm 1992, FDI chảy vào tám nước ASEAN (không kể Singapore và Brunây) nhiều hơn là vào Trung Quốc. Nhưng sau cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á (1997), FDI vào ASEAN giảm liên tục, trong khi đó FDI vào Trung Quốc tăng với tốc độ rất nhanh, tạo ra một khoảng cách lớn giữa hai bên.

Biểu đồ 1.6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung Quốc và ASEAN - 8 (1991 – 2003)



Biểu đồ 1.7 cho thấy, dòng chảy FDI vào Trung Quốc đã gấp năm lần so với dòng chảy vào ASEAN, do đó cho dù trong tổng FDI vào Trung Quốc, chỉ có 1/3 là hướng vào xuất khẩu, nhưng nó cũng trở thành một lực lượng mạnh hơn toàn dòng chảy FDI vào ASEAN.

Biểu đồ 1.7: FDI của Trung Quốc và ASEAN – 5 (Vốn đăng ký) (1985 – 2003)



Như vậy, có thể thấy thách thức của Trung Quốc đối với ASEAN là rất lớn. Để giảm ảnh hưởng của thách thức và tranh thủ cơ hội trước thị trường mở rộng của Trung Quốc, nhiều nước ASEAN đã đưa ra các chiến lược đối phó.

Những thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc đã được ông Lý Quang Diệu, Bộ trưởng cao cấp của Singapore nhấn mạnh hơn. Theo ông, “Trung Quốc sẽ trở thành một đối thủ khủng khiếp trong khu vực. Không có sự kết hợp nào của các nền kinh tế Đông Á: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài loan, ASEAN sẽ có thể cân bằng với họ.” [149, tr 1]

1.2.2.2 Về chính trị, an ninh – quân sự

Mặc dù Đông Nam Á chắc chắn sẽ phải đối đầu với các vấn đề an ninh nội khối – đặc biệt là xung đột giữa các nước thành viên, xung đột ly khai, và các mối quan ngại về an ninh phi truyền thống – nhưng sự trỗi dậy của Trung Quốc có lẽ sẽ là yếu tố lớn nhất ảnh hưởng tới hòa bình và ổn định của ASEAN trong những thập niên tới.

Cùng với sự hiện đại hóa và bành trướng về sức mạnh quân sự, Trung Quốc đã và đang sử dụng nhiều chiêu thức để hiện thực hóa chiến lược đầy tham vọng tại Biển Đông và làm cho khu vực này trở nên ngày càng căng thẳng và khó kiểm soát. Chiến lược trên được thực hiện thông qua việc chiếm đóng bằng vũ lực, chế định các luật pháp, vẽ bản đồ, củng cố dân trên thực địa nhằm mở rộng vùng biển tranh chấp như lắp đặt các thiết bị và đặt biển báo biển, tiến hành các hoạt động thăm dò, bành trướng thế lực hải quân để gây sức ép nhằm đạt yêu sách, vv...

Tranh chấp quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa liên quan đến một số quốc gia thành viên của ASEAN là Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Philippin và Brunêy. Indônêxia không phải là một bên yêu sách trong tranh chấp, nhưng có một thời gian dài đóng góp tích cực vào việc thiết lập các phương thức xây dựng lòng tin với mục tiêu giảm bớt căng thẳng và tránh làm bùng phát bất cứ xung đột nào trong khu vực. Tuy nhiên, việc Trung Quốc gộp cả quần đảo Natura vào yêu sách của mình một vài năm trước đây đã khiến người Indônêxia thực sự bị sốc, họ đã tiến hành một cuộc tập trận lớn nhất xung quanh quần đảo Natura trong vòng ba tuần vào tháng 10 năm 1996 với sự góp mặt của hơn 19.000 binh sĩ, 50 tàu chiến và 41 máy bay bao gồm cả máy bay chiến đấu của ba quân chủng.[129, tr 1] Những thành viên còn lại của ASEAN dù không có bất kỳ sự liên quan nào đối với tranh chấp nhưng đều quan ngại về Biển Đông như một điểm bùng phát xung đột tiềm tàng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Trung Quốc không ngừng tăng cường đòi yêu sách chủ quyền bằng cách uy hiếp và bằng sự kiên trì tới mức được gọi là “tăng cường đòi hỏi từng bước một”,

“tranh chấp cường độ thấp”, hoặc “khôi phục dần lãnh thổ và uy hiếp mập mờ”[146, tr 1].

Mấy năm trở lại đây, Trung Quốc đẩy mạnh mục tiêu chiến lược thông qua nhiều hành động bành trướng và trắng trợn hơn, vi phạm nghiêm trọng Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố ứng xử Biển Đông (DOC) năm 2002 như việc tuyên bố thành lập huyện Tam Sa vào tháng 12 năm 2007, lập các quy tắc hoạt động trên biển nhằm gây trở ngại cho các hoạt động của ngư dân Việt Nam và Philíppin, lên tiếng công bố khu vực biển mà các nước đang có tranh chấp là “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc, đưa yêu sách “đường lưỡi bò” trước Liên hợp quốc hồi tháng 5 năm 2009 với mục đích kiểm soát thực chất trên 80% khu vực Biển Đông, xây dựng và lắp đặt các dàn khoan dầu khổng lồ tại Biển Đông, cắt đường giầy cáp quan sát của tàu Bình Minh 02 trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam hồi tháng 5 năm 2011...

Mối lo ngại Trung Quốc có thể sử dụng sức mạnh quân sự của mình để giải quyết tranh chấp chủ quyền ở biển Đông càng gia tăng khi các nước Đông Nam Á chứng kiến các cuộc tập trận có tính kích động, bao gồm cả thử tên lửa ở eo biển Đài Loan trong thời gian diễn ra cuộc bầu cử Tổng thống ở hòn đảo này ở vào 1996. Những cuộc thử tên lửa này đã được một số nước ở Đông Nam Á hiểu như “sự phô bày ngạo mạn khả năng quân sự của Trung Quốc trong khu vực và như một “bằng chứng trắng trợn về toan tính của Trung Quốc gây ảnh hưởng ở châu Á”. “Sự vụ này đã làm lo ngại nhiều nước Đông Nam Á vì ký ức về chủ nghĩa phiêu lưu quân sự của Trung Quốc vào lúc đỉnh điểm của phong trào nổi dậy cộng sản.”[185, tr 1]

Trung Quốc ngày càng sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự để gây sức ép và ảnh hưởng đối với các đối thủ có tuyên bố chủ quyền trên vùng biển này, đặc biệt là Philíppin và Việt Nam. Đòi hỏi về chủ quyền không phải là điều gì mới mẻ, bởi đó là tranh chấp lâu dài, nơi mà một bên tranh chấp hoặc một nước nào đó có hành động gì thì các bên khác luôn có phản ứng cứng rắn.

Nhưng điều mới mẻ chính là hành động của Trung Quốc, giờ đây lại được hỗ trợ bởi khả năng hải quân hiện đại hơn, cũng như sự thể hiện một tham vọng chủ quyền lớn hơn và tâm lý dân tộc kiên quyết hơn, điều đang được minh chứng là vấn đề gây quan ngại lớn nhất (cho ổn định khu vực).[98, tr 1]

Những hành động của Trung Quốc ở Biển Đông trong hai thập kỷ qua chứng tỏ rằng Trung Quốc chỉ nói suông đối với tiến trình xây dựng lòng tin trên biển, điều mà ARF (Diễn đàn khu vực ASEAN), CSCAP (Hội đồng hợp tác an ninh khu vực Châu Á Thái Bình Dương), những tuyên bố và hoạt động ngoại giao khác nhau của ASEAN cũng như những hiệp định song phương với Trung Quốc đang cố gắng để đạt được. Trung Quốc từ lâu vẫn duy trì quan điểm không thỏa hiệp trong vấn đề chủ quyền đối với Biển Đông; nước này cũng không thật sự chân thành trong vấn đề khai thác chung các nguồn tài nguyên trong khu vực.

Tiểu kết

Thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI có thể coi là thập kỷ của Trung Quốc với sự phát triển vượt bậc và thay đổi thần kỳ trên các mặt kinh tế, chính trị, an ninh... Với tốc độ tăng trưởng liên tục trong nhiều năm khoảng 10%, Trung Quốc đã lần lượt qua mặt Pháp, Anh, Đức. Sự dồi dào về dự trữ ngoại tệ và dư thừa cán cân thương mại đã cho phép Bắc Kinh củng cố sức mạnh tài chính và trong năm 2010, Trung Quốc đã thế chỗ Nhật Bản để đứng ngay sau nền kinh tế số một thế giới là Hoa Kỳ. Do vậy, tiếng nói của Bắc Kinh ngày càng được chú ý, đặc biệt là trong nhóm G20. Giá trị đồng nhân dân tệ được cho là thấp vẫn là chủ đề bao trùm các hội nghị thượng đỉnh. Những quyết định về chính sách tiền tệ của Trung Quốc đã làm rung chuyển các thị trường chứng khoán lớn cũng như thị trường dầu lửa và vàng. AFP trích dẫn nhận định của ông Tom Orlik, làm việc tại công ty thông tin kinh tế tài chính Stone & McCarthy Research Associates ở Bắc Kinh như sau: «Giờ đây Trung Quốc có một nền kinh tế rất lớn và những quyết định mà Trung Quốc đưa ra có tác động trên toàn thế giới».[168, tr 1]

Sự tăng trưởng kinh tế thần kỳ của Trung Quốc là tiền đề giúp cho nước này đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực quân sự. Sự lớn mạnh của quân đội Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI thực sự đẩy lên những lo ngại về nguy cơ chiến tranh trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương mà đặc biệt là vấn đề Biển Đông, vốn tồn tại từ trong quá khứ. Trước sự nghi kỵ của cộng đồng quốc tế về sự trỗi dậy của Trung Quốc có nguy cơ đe dọa tới an ninh khu vực và thế giới, từ năm 2002, giới tinh hoa Trung Quốc, đại diện là Zheng Bijian, từng là Trợ lý cho Chủ tịch Hồ Cẩm Đào bắt đầu phát triển lý thuyết mới về “sự trỗi dậy hòa bình” nhằm giải quyết nguồn gốc sâu xa sự hoài nghi về Trung Quốc của phương Tây nói chung và Mỹ nói riêng. Luận điệu của nước này là Trung Quốc đang đi theo con đường mới được đặc trưng bởi sự gắn kết hơn là tách biệt khỏi tiến trình toàn cầu hóa kinh tế. Sự phát triển của Trung Quốc cần môi trường hòa bình, đổi lại, sự phát triển đó sẽ củng cố hơn nữa hòa bình quốc tế. Tóm lại, sự trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc mang lại những cơ hội hơn là thách thức cho cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, trong thời điểm gần đây, trước những hành động quân sự hiếu chiến của Trung Quốc tại khu vực Biển Đông, cộng đồng quốc tế đã không có căn cứ để tin tưởng vào thuyết “trỗi dậy hòa bình” của nước này.

Đông Nam Á là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của Trung Quốc. Trước sức mạnh ngày càng lên của nước này, mỗi quốc gia trong khu vực đều có những nhận thức và chính sách riêng nhưng tựu chung, các quốc gia Đông Nam Á đều thống nhất quan điểm rằng, sự trỗi dậy của Trung Quốc là thách thức lớn cả về kinh tế và an ninh, chính trị, nhưng bên cạnh đó cũng có cả những cơ hội cho sự phát triển của các quốc gia trong khu vực.

Thách thức lớn nhất trong lĩnh vực quân sự chính là điểm nóng tiềm tàng trong tranh chấp Biển Đông, nơi mà các nước Đông Nam Á đang có tranh chấp với Trung Quốc suốt bao năm qua vẫn chưa tìm được phương án giải quyết. Đông Nam Á không chỉ lo ngại Trung Quốc có thể sử dụng sức mạnh quân sự độc chiếm biển

Đông mà còn lo Trung Quốc có thể tìm cách biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng riêng của họ.

Trong lĩnh vực kinh tế, bên cạnh một số khó khăn như cạnh tranh thu hút FDI hay cạnh tranh thị phần tại các thị trường lớn, thì hầu hết các nước thành viên ASEAN đều có quan điểm tích cực, cho rằng, sự trỗi dậy của Trung Quốc đem lại những cơ hội phát triển cho các nền kinh tế ASEAN ở hai phương diện: *Một là*, cung cấp cho ASEAN một thị trường xuất khẩu hàng hoá và đầu tư rộng lớn. *Hai là*, sức ép cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc sẽ buộc các nước ASEAN phải cải cách cơ cấu và tham gia tích cực vào tiến trình liên kết kinh tế khu vực.

Nhận thức được những tác động đã và có thể tiếp tục diễn ra đối với hoà bình, an ninh và phát triển ở Đông Nam Á, trong những năm qua, ASEAN và các nước thành viên của nó đã tích cực điều chỉnh chính sách nhằm thích ứng với sự trỗi dậy của Trung Quốc và hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Sự điều chỉnh chính sách đối với Trung Quốc của ASEAN và các nước thành viên được tiến hành trên cơ sở những nhận thức mới của họ về Trung Quốc.

Chương 2: CHÍNH SÁCH CỦA ASEAN TRƯỚC SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC

Sự trỗi dậy của Trung Quốc thực sự mang đến nhiều cơ hội cho khu vực Đông Nam Á đầy tiềm năng nhưng cũng tạo nên nhiều nghi ngại của các quốc gia khu vực này đối với sự chi phối ngày càng sâu sắc của Trung Quốc đối với ASEAN. Chính bởi vậy, các quốc gia ASEAN ngay lập tức cũng nỗ lực hết mình nhằm đưa ra những chính sách phù hợp nhằm khai thác tối đa những lợi ích có được từ sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Trung Quốc cũng như khuyến khích Trung Quốc can dự tích cực với hòa bình, an ninh, phát triển ở Đông Nam Á và hội nhập Đông Á.

2.1 Khái quát quan hệ ASEAN – Trung Quốc từ 1991 đến 2000.

Nằm ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Trung Quốc và ASEAN có sự gắn kết chặt chẽ về địa - chính trị, văn hóa truyền thống, quan hệ kinh tế mậu dịch, hai bên có lịch sử giao lưu lâu đời. Từ khi ASEAN thành lập tháng 8-1967 đến năm 1991 Trung Quốc và ASEAN chính thức thiết lập quan hệ, quan hệ song phương đã trải qua chặng đường phát triển từ đối lập, hoài nghi đến quan hệ đối tác chiến lược đối thoại và hợp tác lấy bình đẳng, láng giềng hữu nghị, tin cậy lẫn nhau làm nền tảng. Từ khi chính thức thiết lập quan hệ hợp tác tới năm 2000, quan hệ Trung Quốc - ASEAN đã trải qua các giai đoạn chính sau:

- **Giai đoạn một (1991-1996).** Giai đoạn triển khai hợp tác kinh tế mậu dịch với sáu nước thành viên của ASEAN. Ở giai đoạn này, mặc dù bốn nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar chưa tham gia ASEAN, nhưng Trung Quốc vẫn chú trọng hợp tác hiệu quả với bốn nước này.

- **Giai đoạn hai (1997-2000).** Trung Quốc hỗ trợ ASEAN khắc phục hậu quả do cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra ở châu Á vào năm 1997. Trung Quốc và ASEAN đã ra Tuyên bố chung với phương châm phát triển quan hệ hợp tác láng giềng hướng tới thế kỷ XXI, trên cơ sở tin cậy lẫn nhau, cùng có lợi. Năm 2000,

Trung Quốc ký với ASEAN “Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư”, đưa quan hệ hai bên bước sang một thời kỳ mới.

Về chính trị, bên cạnh sự cải thiện và duy trì quan hệ song phương chặt chẽ giữa từng nước ASEAN với Trung Quốc, quan hệ đa phương giữa hai bên cũng đã phát triển rất nhanh và từng bước được nâng cấp. Từ năm 1994, Trung Quốc bắt đầu tham gia Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và sau đó hợp tham vấn cấp cao ASEAN - Trung Quốc lần đầu tiên. Từ năm 1996, Trung Quốc trở thành đối tác toàn diện của ASEAN. Tháng 12/1997, các nhà lãnh đạo của ASEAN và Trung Quốc đã có cuộc gặp thượng đỉnh không chính thức đầu tiên và ra «Tuyên bố chung xây dựng quan hệ đối tác láng giềng thân thiện và tin cậy lẫn nhau hướng tới thế kỷ 21» tạo khung và lộ trình cho mối quan hệ toàn diện giữa hai bên.

Về an ninh quốc phòng, cho đến những năm 1990, giữa một số nước ASEAN và Trung Quốc vẫn còn đụng độ quân sự nhỏ ở biển Đông và trên khu vực biên giới đất liền. Đặc biệt, năm 1995, Trung Quốc đã âm thầm xây dựng công sự trên đảo Vành Khăn, dẫn đến một cuộc không kích của Philíppin lên đảo này. Giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng liên tục xảy ra va chạm nhỏ ở biên giới đất liền và trên biển. Sau năm 2000, tình hình được cải thiện rõ rệt. Tháng 3/2000, các viên chức cao cấp ASEAN - Trung Quốc lần đầu tiên thảo luận dự thảo về nguyên tắc hành xử ở biển Đông. Lĩnh vực an ninh quốc phòng với tranh chấp biên giới và tranh chấp Biển Đông cũng là hạn chế lớn nhất, cản trở quan hệ hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc.

Về kinh tế, giai đoạn 1991 – 2000, quan hệ kinh tế ASEAN – Trung Quốc cũng đạt được những thành tựu đáng kể.

Về đầu tư, FDI giữa hai bên cũng tăng nhanh trong những năm gần đây. Từ năm 1991-2000, FDI của ASEAN vào Trung Quốc tăng với mức bình quân hàng năm là 28%. Năm 1991, ASEAN mới đầu tư vào Trung Quốc 90 triệu USD, nhưng 10 năm sau (2001) đã đạt con số 26.1 tỷ, chiếm khoảng 7.7% tổng số đầu tư của nước ngoài vào Trung Quốc.[56, tr 70]

Về thương mại, từ 1991 - 2000, kim ngạch thương mại của Trung Quốc tăng bình quân 15% năm. Năm 2000 kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đạt mức 249,2 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 225,1 tỷ USD. Cũng trong thời kỳ này, kim ngạch thương mại của ASEAN tăng trung bình 10,9%/năm. Trong năm 2000, kim ngạch thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc đạt 39,5 tỷ USD so với 7,9 tỷ USD của năm 1991, tăng trung bình 20,4%/năm. Thị phần của ASEAN trong tổng số kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 5,7% (năm 1991) lên 6,9% (năm 2000) đối với xuất khẩu và từ 6% (năm 1991) lên 9,9% (năm 2000) đối với nhập khẩu.[155, tr 1]

2.2 Tăng cường hợp tác với Trung Quốc từ 2001 đến nay.

Bước qua thời kỳ âm đạm, quan hệ ASEAN - Trung Quốc bước sang một chương mới đặc trưng bởi sự phát triển rất nhanh và khá toàn diện của các mối quan hệ hợp tác cả trên phương diện song phương (giữa từng nước thành viên ASEAN với Trung Quốc) lẫn trên phương diện đa phương (giữa khối ASEAN với Trung Quốc trong các khuôn khổ hợp tác ASEAN và ASEAN với các đối tác bên ngoài). Ngày nay, Trung Quốc và ASEAN đã trở thành đối tác đặc biệt quan trọng của nhau trên hầu hết các lĩnh vực như an ninh, chính trị và đặc biệt là kinh tế. Nhận thấy rõ những cơ hội cũng như thách thức trước sự trỗi dậy của Trung Quốc nên các chính sách của ASEAN thời kỳ này đối với Trung Quốc luôn thể hiện hai mặt: Vừa hợp tác, vừa đề phòng.

Giáo sư Pra-xít-xúc của Thái Lan cho rằng: Phát triển sau này của các nước ASEAN chủ yếu dựa vào hai cơ hội: Một là sự trỗi dậy của Trung Quốc, hai là nhất thể hoá kinh tế khu vực.[156, tr 1] Quan hệ giữa ASEAN với Trung Quốc đã từ chủ yếu là cạnh tranh chuyển sang chủ yếu là hợp tác cùng có lợi. ASEAN nhận thấy rõ những cơ hội phát triển cho khu vực một cách rất rõ ràng và đã tăng cường hợp tác với Trung Quốc mạnh mẽ hơn.

ASEAN hiểu rằng, Trung Quốc đang là một cường quốc có tiếng nói quan trọng trên chính trường quốc tế. Trung Quốc là một cường quốc, thậm chí là số một

tại châu Á, lại là láng giềng trực tiếp của ASEAN. ASEAN cũng hiểu rằng, vị trí địa – chính trị của khu vực Đông Nam Á hết sức nhạy cảm và việc các cường quốc trên thế giới liên tục gia tăng ảnh hưởng của mình tại đây sẽ có diễn biến bất lợi hơn cho ASEAN nếu không có sự hiện diện của Trung Quốc. Các vấn đề của châu Á sẽ không thể giải quyết được nếu không có sự tham gia của Trung Quốc. Để thực hiện chiến lược cân bằng tại khu vực Đông Nam Á, ASEAN buộc phải tăng cường hợp tác với Trung Quốc nhằm khuyến khích Trung Quốc can dự tích cực vào các vấn đề hòa bình, an ninh, phát triển ở Đông Nam Á và hội nhập Đông Á.

2.2.1 Hợp tác trong lĩnh vực an ninh, chính trị

Về chính trị: Trung Quốc và ASEAN tiếp tục tăng cường quan hệ đối tác chiến lược và thân thiện thông qua các cuộc đối thoại và tư vấn tại các hội nghị thượng đỉnh, các cuộc gặp các bộ trưởng, các cuộc gặp của quan chức cấp cao và chuyên gia. Trung Quốc khẳng định tiếp tục hỗ trợ ASEAN hội nhập và xây dựng cộng đồng ASEAN cũng như vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác Đông Á và trong những tổ chức như ARF, ASEAN+3 (APT), EAS, ADMM Plus.

Năm 2003, tại Hội nghị Thượng đỉnh Bali, In-đô-nê-xi-a, Trung Quốc trở thành đối tác đối thoại đầu tiên của ASEAN tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC). Sau hội nghị, hai bên ra một “Tuyên bố chung về đối tác chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng”. Sau đó, năm 2004, hai bên thông qua một chương trình hành động để thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược. Những năm qua, mối quan hệ chặt chẽ giữa ASEAN và Trung Quốc không ngừng được củng cố thông qua các hoạt động từ cấp thấp đến cấp cao trong khuôn khổ các cơ chế của ASEAN (ASEAN + 1, ASEAN + 3, PMC) cũng như các cơ chế mà ASEAN giữ vai trò quan trọng như ARF, Đông Á, v.v..

Về an ninh: Vấn đề Biển đông luôn là trở ngại lớn nhất trong hợp tác an ninh giữa ASEAN và Trung Quốc do liên tục xảy ra va chạm nhỏ ở biên giới đất liền và trên biển. Sau năm 2000, tình hình được cải thiện rõ rệt. Tháng 3/2000, các viên chức cao cấp ASEAN - Trung Quốc lần đầu tiên thảo luận dự thảo về nguyên tắc hành xử ở biển Đông. Tháng 11/2002, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Trung

Quốc ở Phnôm Pênh, hai bên đã ký “Tuyên bố về cách hành xử ở biển Đông” (DOC) và từ năm 2004 đã tiến hành các cuộc họp cấp cao để thảo luận tiến trình triển khai.[94, tr 17] Sau hàng loạt các cuộc trao đổi, ASEAN và Trung Quốc đã cho ra một bản hướng dẫn DOC vào 21/7/2011 tại Bali. Sự ra đời của văn bản này đánh dấu một bước đáng kể trong tiến trình thực hiện DOC. Hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc vào tháng 11/2011 tại Bali, Trung Quốc cũng đã đề xuất thiết lập Quỹ hợp tác hàng hải ASEAN – Trung Quốc để thực hiện những dự án trong quá trình thực thi DOC.

Một văn kiện khác liên quan đến an ninh cũng được ký kết vào năm 2002 là “Tuyên bố chung về Hợp tác trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống”. Biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống cũng được ký kết vào tháng 1 năm 2004 tại Băng Cốc. Theo thời hạn trong bản ghi nhớ này, một bản ghi nhớ mới trong giai đoạn 2010 tới tháng 12 năm 2014 cũng đã được ký kết tại Siem Riệp. Đặc biệt, kế hoạch hành động trong hợp tác phi truyền thống ASEAN – Trung Quốc trong việc chống tội phạm xuyên quốc gia đã được đưa ra trong cuộc họp Bộ trưởng ASEAN – Trung Quốc lần thứ 2 vào tháng 12 năm 2011 tại Bali, Indônêxia.

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc lần thứ 14, được tổ chức tháng 11 năm 2011, Trung Quốc cũng tuyên bố sẽ thiết lập Ủy ban của Trung Quốc đối với ASEAN tại Jakarta năm 2012. Trung Quốc đã mở một Phòng những vấn đề ASEAN tại Đại sứ quán Trung Quốc ở Jakarta năm 2010 nhằm thúc đẩy việc phối hợp hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc.

Đáng chú ý là quan hệ song phương giữa các thành viên ASEAN với Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh quốc phòng được thúc đẩy khá mạnh. Trung Quốc lập tùy viên quân sự ở tất cả các nước ASEAN; duy trì tham vấn thường niên với In-đô-nê-xi-a, Philíppin, Singgapo, Thái Lan và Việt Nam; viện trợ quân sự và cung cấp vũ khí, thiết bị quân sự cho Campuchia, Lào, Myanmar, Philíppin và Thái Lan; hợp tác đào tạo và tiến hành diễn tập quân sự với Singapore và Thái Lan.[73, tr 80]

Tuy nhiên, quan hệ ASEAN - Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh quốc phòng cũng có nhiều khó khăn và hạn chế. Lòng tin lẫn nhau tuy được cải thiện hơn, song chưa đạt tới mức cao. Đặc biệt, với việc Trung Quốc tăng cường hiện đại hóa quân đội và lực lượng hải quân, chính thức nêu yêu sách “đường lưỡi bò” đối với biển Đông, tăng cường xây dựng các công trình ở Hoàng Sa và Trường Sa, cứng rắn hơn trong các hoạt động tranh chấp trên biển Đông, trì hoãn triển khai DOC và không mặn mà với đàm phán về một bộ quy tắc ứng xử (COC) mang tính ràng buộc pháp lý... làm tăng sự nghi ngại trong nhiều nước ASEAN về tham vọng của Trung Quốc. Điều này là một cản trở quan trọng cho hợp tác hai bên về an ninh quốc phòng cũng như trong một số lĩnh vực khác.

2.2.2 Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế

Mối quan hệ kinh tế và thương mại là lĩnh vực phát triển vượt bậc trong những năm qua. Hai bên đã đàm phán và ký nhiều văn bản tạo khuôn khổ pháp lý cho quan hệ kinh tế, trong đó đặc biệt là Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc (2002), quy định việc thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) vào năm 2010. Năm 2003, cùng với việc khẳng định sẽ xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược, hai bên đã ký một Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc cắt giảm và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn hàng rào thuế quan đối với một số nhóm mặt hàng nhập khẩu thuộc Chương trình Thu hoạch sớm (EHP). Tại Hội nghị thượng đỉnh tháng 11/2004, hai bên đã ký các Hiệp định về Thương mại hàng hóa (TIG) và Cơ chế giải quyết tranh chấp (DSM) trong khuôn khổ Hiệp định khung. Bên lề Hội nghị, hai bên cũng đã ký một biên bản ghi nhớ về hợp tác giao thông với chủ trương thúc đẩy liên kết giao thông theo hướng tổng thể, toàn diện và gắn kết, và tạo nền tảng vững chắc cho ACFTA. Cho đến năm 2005, đã có ba dự án về hợp tác giao thông giữa ASEAN và Trung Quốc được thực hiện.[94, tr 19] Tại Hội nghị thượng đỉnh tháng 12/2005, hai bên thỏa thuận dành ưu tiên cho 5 lĩnh vực hợp tác nữa là năng lượng, giao thông, văn hóa, sức khỏe cộng đồng và du lịch.

Cộng với 5 lĩnh vực từ năm 2001 là nông nghiệp, công nghiệp thông tin, phát triển nhân lực, đầu tư và phát triển lưu vực sông Mê-kông, tổng cộng là 10 lĩnh vực được ưu tiên. Đến năm 2007, có thêm một lĩnh vực nữa là môi trường. Tại Hội nghị Thượng đỉnh tháng 1/2007, hai bên đã ký Hiệp định Thương mại Dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định khung và một phần đã được đưa vào thực hiện từ tháng 7/2007. Tháng 10/2007, các Bộ trưởng ASEAN và Trung Quốc đã có cuộc họp đầu tiên về kiểm dịch, kiểm tra và giám sát chất lượng với mục đích là tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, thúc đẩy giao thương thực phẩm và bảo vệ quyền của người sử dụng. Đây cũng là một mảng hợp tác để tiến tới ACFTA. Tháng 11/2007, hai bên đã đạt được thỏa thuận về giao thông đường biển và sau đó là một thỏa thuận về hợp tác trong lĩnh vực hàng không nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và du lịch.

Ngoài ra, thông qua cơ chế ASEAN+3, hai bên đã đạt được nhiều bước tiến trong hợp tác tài chính, như tạo lập một mạng lưới để giám sát các dòng vốn, nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm, từng bước xây dựng thị trường trái phiếu quốc gia và khu vực, nâng cao hiệu quả của công tác tổng kết tình hình kinh tế và đối thoại chính sách.[94, tr 19] Tháng 3/2009, các Bộ trưởng Tài chính ASEAN cùng Trung Quốc, Nhật và Hàn Quốc đã đạt được thỏa thuận lập Kho dự trữ ngoại tệ khu vực 120 tỷ đô la (Trung Quốc và Nhật mỗi nước sẽ đóng góp 38,4 tỷ, Hàn Quốc 19,2 tỷ, phần còn lại do ASEAN đóng góp) nhằm hỗ trợ các nước trong khu vực đối phó với khó khăn về thiếu tiền mặt. Ngày 15/8/2009, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định về Đầu tư nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư từ các nước thuộc khu vực, và tiến tới thực hiện tự do hóa đầu tư giữa hai bên trong tương lai.

Các thỏa thuận nói trên đã đặt nền tảng pháp lý một cách khá toàn diện để thúc đẩy hợp tác kinh tế nhiều mặt giữa ASEAN và Trung Quốc. Nhờ vậy, các hoạt động giao thương kinh tế cụ thể giữa hai bên đã phát triển rất nhanh trong thời gian qua.

Về thương mại, quan hệ kinh tế - thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc ngày càng phát triển. Cùng với việc đưa Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) chính thức đi vào hoạt động từ tháng 1/2010, kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng liên tục, Năm 2001, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Trung Quốc và ASEAN chỉ có 7,96 tỉ USD, năm 2010 đã đạt 292,78 tỉ USD, tăng gần 37 lần. Xuất khẩu của ASEAN tới Trung Quốc năm 2009 đạt 81,6 tỷ đã tăng lên 113,5 tỷ đôla trong năm 2010, tăng 39,1%. Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ASEAN. Nhập khẩu tăng 21,8%, từ 96,6 tỷ đô trong năm 2009 lên 117,7 tỷ đô vào 2010. Trung Quốc đã chiếm 11,3% tổng thương mại của ASEAN và là đối tác thương mại lớn nhất của khu vực này. ASEAN cũng là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Trung Quốc, chiếm 9,8% tổng thương mại của Trung Quốc. Cho đến nửa đầu năm 2011, ASEAN đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ ba của Trung Quốc.[102, tr 1]

Về đầu tư, FDI giữa hai bên cũng tăng nhanh trong những năm gần đây. FDI năm 2010 từ Trung Quốc tới ASEAN đã đạt 12,5 tỷ đô, gần bằng 50% chỉ số này trong hai năm trước. Từ năm 2002 đến 2007, FDI từ ASEAN vào Trung Quốc đạt bình quân mỗi năm trên 3 tỷ USD. Như vậy, ASEAN là một nguồn FDI quan trọng của Trung Quốc. Trước năm 2003, FDI từ Trung Quốc vào ASEAN hầu như chưa đáng kể, nhưng từ năm 2003 đến nay, Trung Quốc tăng mạnh đầu tư vào ASEAN, đến cuối năm 2006, tổng số FDI từ Trung Quốc vào ASEAN đạt 11,8 tỷ USD.[56, tr 40] Tuy vậy, cho đến nay đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN cũng còn ở mức khiêm tốn so với tổng đầu tư của ASEAN vào nước này.

Hội chợ thương mại ASEAN – Trung Quốc (CAEXPO) nhằm giới thiệu sản phẩm của hai bên đã được tổ chức thường niên tại Nam Ninh, Trung Quốc kể từ năm 2004. CAEXPO lần thứ 8 được tổ chức từ 21-26/10/2011 có chủ đề Hợp tác bảo vệ môi trường.

Trung Quốc cam kết tăng cường chất lượng nguồn nhân lực của ASEAN trong lĩnh vực nông nghiệp. Năm 2011, Trung Quốc đã đưa ra 4 khóa đào tạo cho

các nước thành viên của ASEAN: Khóa học về an ninh lương thực cho các quốc gia ASEAN, khóa học về quản lý và công nghệ khí ga trong gia đình nông thôn của các nước tiểu vùng sông Mê công, khóa đào tạo về bảo quản, sản xuất rau cho các nước ASEAN và khóa đào tạo kỹ thuật sản xuất khoai tây.

ASEAN – Trung Quốc cũng ký biên bản ghi nhớ về hợp tác trong giao thông vào 11/2004 tại Viên Chăn. Thông qua biên bản này, hai bên cam kết cùng nhau hợp tác trong hầu hết các lĩnh vực của giao thông như cơ sở hạ tầng, giao thông đường hàng không, phát triển nguồn nhân lực, trao đổi thông tin...

Về du lịch, Trung Quốc cung cấp nguồn khách du lịch tiềm năng cho ASEAN. Theo thống kê của ASEAN, trong năm 2010, ASEAN đã đón tiếp 5,4 triệu du khách đến từ Trung Quốc, tăng 28,9% so với năm 2009. Đồng thời, các nước thành viên ASEAN cũng đóng vai trò quan trọng đối với thị trường du lịch của Trung Quốc. Hơn 5,4 triệu khách du lịch ASEAN đã tới thăm Trung Quốc, tăng 4,5% so với năm 2009. Hai bên kỳ vọng khoảng 15 triệu lượt khách vào năm 2015.[102, tr 1]

Trong năm 2009, Trung Quốc đã khởi xướng quỹ Hợp tác đầu tư ASEAN – Trung Quốc trị giá 10 tỷ đô la và 15 tỷ đô tín dụng, bao gồm 1,7 tỷ cho vay ưu đãi nhằm hỗ trợ hơn 50 dự án phát triển hạ tầng tại các nước thành viên ASEAN. Căn cứ vào Kế hoạch tổng thể Kết nối ASEAN (MPAC), Trung Quốc đã đề xuất cung cấp thêm 10 tỷ đô tín dụng gồm 4 tỷ đô cho vay ưu đãi và 6 tỷ đô vay thương mại để hỗ trợ thực hiện MPAC cũng như thiết lập Ủy ban Hợp tác Kết nối ASEAN – Trung Quốc và tăng cường kết nối hàng hải giữa ASEAN – Trung Quốc. Những đề xuất này đã được đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc năm 2011 tại Bali.[102, tr 1]

Hợp tác tiểu vùng ASEAN - Trung Quốc những năm gần đây được quan tâm thúc đẩy mạnh, đặc biệt là từ phía Trung Quốc. Trung Quốc tích cực tham gia vào hợp tác tiểu vùng Mê-kông mở rộng (GMS), đầu tư nhiều vào các dự án cơ sở hạ

tầng, nhất là ở thượng nguồn sông Mê-kông, chủ động và tích cực thúc đẩy triển khai Hành lang Bắc-Nam và hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng. Tuyên bố dành 15 tỷ Đô la cho Quỹ ASEAN - Trung Quốc để hỗ trợ các dự án hợp tác kinh tế giữa hai bên, đặc biệt là các dự án phát triển các cơ sở hạ tầng về giao thông và viễn thông kết nối Trung Quốc với các nước ASEAN. Việc tăng cường hợp tác tiểu vùng có ý nghĩa quan trọng kết nối các nước trong khu vực với nhau, khai thác các nguồn lực và khả năng của các vùng miền để phát triển, đặc biệt, hỗ trợ đắc lực việc thực hiện ACFTA.

2.2.3 Hợp tác văn hóa – xã hội

Trong lĩnh vực hợp tác văn hóa – xã hội, các hợp tác diễn ra trên các lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, khoa học – công nghệ, giáo dục, văn hóa, lao động, an ninh xã hội, môi trường, truyền thống, phát triển xã hội, giảm đói nghèo...

Hợp tác ASEAN – Trung Quốc trong lĩnh vực giáo dục đã đạt được nhiều kết quả tốt. Dự kiến số lượng sinh viên trao đổi từ các nước thành viên ASEAN sang Trung Quốc đạt 100.000 vào năm 2020 và ngược lại. Trước đây, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN-Trung Quốc lần thứ 13 trong tháng 10/2010 tại Hà Nội, Trung Quốc cũng cam kết sẽ cung cấp 10.000 học bổng chính phủ các nước thành viên ASEAN, và mời 10.000 giáo viên trẻ, sinh viên và học giả từ các nước thành viên ASEAN trong vòng 10 năm tới. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-Trung Quốc lần thứ 14 tổ chức tháng 11/2011 tại Bali, Trung Quốc đề nghị thành lập 10 cơ sở giáo dục đào tạo nghề ở Trung Quốc trong ASEAN.

Trung tâm Hợp tác Môi trường ASEAN – Trung Quốc (CAEC) đã được thành lập với Bộ Bảo vệ môi trường của Trung Quốc vào tháng 3/2010. CAEC là một tổ chức độc lập nhằm hỗ trợ Bộ Bảo vệ môi trường của Trung Quốc trong việc thúc đẩy đối thoại chính sách môi trường giữa Trung Quốc và ASEAN, phát triển và thực hiện chiến lược hợp tác về môi trường và kế hoạch hành động.

Như vậy, trong những năm qua, quan hệ ASEAN - Trung Quốc phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Sự nghi kỵ và lo ngại lẫn nhau dần dần nhường chỗ cho sự tin cậy lẫn nhau hơn và hai bên trở thành đối tác toàn diện đặc biệt quan trọng của nhau. So với các quan hệ của ASEAN với các nước đối tác bên ngoài khác thì hợp tác ASEAN - Trung Quốc đã phát triển nhanh hơn cả. Sự phát triển như vậy của quan hệ ASEAN - Trung Quốc không những góp phần vào tăng trưởng và phát triển của mỗi nước thành viên ASEAN và Trung Quốc mà còn thúc đẩy xu hướng hợp tác khu vực và đóng góp vào sự phát triển, ổn định chung của cả khu vực, tăng cường vai trò và vị thế quốc tế của cả ASEAN lẫn Trung Quốc.

2.3. Đẩy mạnh liên kết khu vực, nâng cao sức đề kháng trước những thách thức có thể từ sự trỗi dậy của Trung Quốc.

2.3.1 Cấp độ khu vực

Việc tăng cường sức mạnh nội khối là yêu cầu cấp thiết của các thành viên ASEAN trước những biến động về an ninh, chính trị hết sức phức tạp cùng với trước sự can dự ngày càng sâu của các cường quốc như Trung Quốc, Mỹ, Nhật, Nga... Đẩy mạnh liên kết khu vực là phương thuốc quan trọng hàng đầu của ASEAN nhằm tăng cường sức mạnh nội khối. Đạt được mục tiêu này, ASEAN đã nỗ lực tìm kiếm nhiều giải pháp làm sâu sắc hơn hội nhập khu vực, trong đó, thúc đẩy nhanh tiến trình thành lập Cộng đồng ASEAN (AC) là một trong những giải pháp quan trọng nhất; Đồng thời, việc giữ vững và phát triển vai trò của ASEAN tại Cộng đồng Đông Á cũng được thực hiện một cách khẩn trương và cẩn trọng.

Nâng cao sức đề kháng khu vực thông qua thành lập Cộng đồng ASEAN

Cộng đồng ASEAN là một tiến trình hội tụ sự nỗ lực không ngừng nghỉ của các quốc gia ASEAN nhằm thể hiện sự đoàn kết của các quốc gia ASEAN để giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế. Qua đó, tổ chức này cũng nhằm tăng cường tiếng nói của ASEAN trên trường quốc tế.

Việc xây dựng AC với ba trụ cột là Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng văn hoá - xã hội ASEAN (ASSC) được nhằm vào 3 mục tiêu lớn:

Một là, tăng sức đề kháng khu vực trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá-xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, theo dự định của các nhà lãnh đạo ASEAN, AEC sẽ được thành lập vào năm 2015. Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II nhấn mạnh: Cộng đồng Kinh tế ASEAN là việc thực hiện mục tiêu cuối cùng của hội nhập kinh tế trong "Tầm nhìn ASEAN 2020", nhằm hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao, trong đó hàng hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được chu chuyển tự do, và vốn được lưu chuyển tự do hơn, kinh tế phát triển đồng đều, đói nghèo và chênh lệch kinh tế-xã hội được giảm bớt vào năm 2020. Kế hoạch trung hạn 6 năm lần thứ hai của ASEAN (2004-2010)- Chương trình Hành động Viêng Chăn - đã xác định rõ hơn mục đích của AEC là: Tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hội nhập nhanh hơn, nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của ASEAN. Cộng đồng an ninh – chính trị (APSC) là một trong những hoạt động quan trọng của ASEAN nhằm tăng đề kháng cho khu vực trong lĩnh vực chính trị an ninh. Mục tiêu của APSC nhằm hướng tới 3 mục tiêu chính như sau: Một là, xây dựng một khối thống nhất có giá trị và chuẩn tắc chung, lấy cơ chế pháp lý làm nền tảng; hai là, thành lập một khu vực đoàn kết, hòa bình, ổn định và dựa vào nhau, gánh vác trách nhiệm chung về vấn đề an ninh phức tạp của khu vực; ba là, thành lập một khu vực linh hoạt, mở cửa, tăng cường sự liên kết với thế giới và dựa vào nhau. Nói tóm lại, APSC nhằm đưa hợp tác an ninh, chính trị của ASEAN lên một tầm cao mới. Cùng với các trụ cột về an ninh – chính trị và kinh tế, ASEAN đang nỗ lực xây dựng một bản sắc văn hóa riêng nhằm tăng cường hơn nữa sức đề kháng trong lĩnh vực văn hóa xã hội. Mục tiêu cơ bản của Kế hoạch Tổng thể ASSC là góp phần xây dựng một Cộng đồng ASEAN lấy con người làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tiến tới một bản sắc chung và xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hòa thuận và rộng mở nơi mà cuộc sống,

mức sống và phúc lợi của người dân được nâng cao. Kế hoạch Tổng thể ASCC cũng tập trung vào khía cạnh xã hội của Thu hẹp Khoảng cách Phát triển (NDG) nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên. Kế hoạch Tổng thể ASCC gồm có 6 đặc tính: (i) Phát triển con người, (ii) Phúc lợi và bảo hiểm xã hội, (iii) Các quyền và bình đẳng xã hội, (iv) Đảm bảo môi trường bền vững, (v) Tạo dựng bản sắc ASEAN và (vi) Thu hẹp khoảng cách phát triển và 40 thành tố cùng với 340 biện pháp cần được thực hiện trong giai đoạn 2009-2015 cũng như thể chế thực hiện và giám sát. Sức đề kháng về văn hoá xã hội của ASEAN sẽ được nâng cao khi ASCC được xây dựng xong.

Hai là, tự khẳng định vai trò chủ thể của mình ở Đông Nam Á và nâng cao vị thế của Hiệp hội trong quan hệ với các cường quốc trên thế giới. Nói về tác động của AC đối với ASEAN, trong bài thuyết trình nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập ASEAN, Thủ tướng Lý Hiển Long nhấn mạnh “Bằng sự tự hiện diện một cách gắn kết, chúng ta sẽ tự chứng tỏ khả năng theo đuổi lợi ích của chúng ta và can dự với thế giới. Chúng ta có thể thuyết phục người khác rằng chúng ta có thể được tin cậy để đóng một vai trò tích cực, trung thực và xây dựng trong việc cung cấp một nền tảng cho sự tương tác của họ với Châu Á. Chỉ khi đó, các cường quốc khác mới nhìn nhận chúng ta một cách nghiêm túc. Chỉ khi đó ASEAN mới thiết lập được chỗ đứng và vị trí chính đáng của nó trong khu vực”. [166, tr 1]

Ba là, duy trì vai trò lãnh đạo của các ASEAN trong cấu trúc khu vực đang hình thành ở Đông Á. Hiện nay, ASEAN đang đóng vai trò lãnh đạo trong các tiến trình ARF, ASEAN + 3, ASEAN + 1 và EAS. Mặc dù thừa nhận vai trò lãnh đạo của ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản vẫn tiếp tục theo đuổi ý đồ nắm vai trò lãnh đạo trong tiến trình hội nhập Đông Á. Nếu ASEAN không hội nhập nhanh hơn và sâu hơn, ASEAN sẽ bị mất vai trò lãnh đạo trong một cấu trúc khu vực do chính nó lập ra. “Trung Quốc và Nhật Bản có thể là người cầm lái và kiểm soát tốc độ của Hợp tác Đông Á với ASEAN là một hành khách. Nếu điều đó xảy ra, Hợp tác Đông Á sẽ thất bại”. [128, tr 1]

Để triển khai kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10 tổ chức ở Viên Chăn 11/2004 đã thông qua 3 Chương trình hành động nhằm xây dựng ASC, AEC và ASCC. Hội nghị cũng ký Hiệp định ASEAN về tăng cường liên kết trong các lĩnh vực ưu tiên, xem xét lại các thể chế, các cơ chế hiện có của ASEAN, đưa ra những điều chỉnh cần thiết nhằm phục vụ tốt nhất cho công cuộc xây dựng Cộng đồng ASEAN. Trong Hiệp định nói trên, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thoả thuận đẩy nhanh tiến trình cắt giảm thuế trong 11 lĩnh vực ưu tiên bao gồm: các sản phẩm nông nghiệp, ô tô, điện tử, dệt may, đồ gỗ, thương mại điện tử, hàng không, dịch vụ y tế và du lịch. Các nước ASEAN 6 dỡ bỏ thuế quan trong 11 khu vực trên vào năm 2007, ASEAN - 4 vào năm 2012 đối với các mặt hàng ô tô, dệt may và điện tử. Các loại hàng hoá thuộc loại nhạy cảm hoặc nhạy cảm cao không nằm trong danh sách này.

Ngoài ra, trong hiệp định, các nhà lãnh đạo ASEAN còn đề ra các mục tiêu cụ thể như: Lập chương trình hành động để tiến tới xoá bỏ các hàng rào phi thuế quan vào ngày 31/12/2005; Đẩy nhanh tự do hoá dịch vụ trong các khu vực ưu tiên vào năm 2010; Tăng cường sự hợp tác nhằm công nhận các tiêu chuẩn sản phẩm và các quy định kỹ thuật; Miễn thị thực đi lại trong ASEAN đối với công dân các nước thành viên vào năm 2005; Phát triển các thoả thuận nhằm tạo thuận lợi về đi lại trong ASEAN cho các doanh nhân, chuyên gia, lao động có tay nghề vào ngày 31/12/2005...

Để xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN, việc thể chế hoá hơn nữa các cơ chế hợp tác là một nhu cầu cấp bách. Bởi vì, nếu ASEAN cứ vận hành như cũ, nó sẽ không giúp các nước thành viên đạt được những kỳ vọng mà họ theo đuổi khi tham gia vào tiến trình liên kết khu vực sâu hơn do ASEAN khởi xướng. Nếu ASEAN không thay đổi, sự tồn tại của nó với tư cách một tổ chức hợp tác khu vực sẽ trở nên vô nghĩa. Uy tín quốc tế của ASEAN cũng có thể sẽ bị suy giảm. Do vậy, một số nước thành viên, đặc biệt là Singgapo đã coi sự ra đời của Hiến chương là sự cứu cánh của ASEAN.

Nhận thức được tầm quan trọng và tính cấp bách của việc soạn thảo Hiến chương, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12 tổ chức ở Kuala Lumpur tháng 12/2005, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua chủ trương soạn thảo Hiến chương ASEAN. Sau hơn 2 năm làm việc và trải qua những cuộc thảo luận thận trọng, việc soạn thảo Hiến chương ASEAN đã được hoàn tất và đã được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 tổ chức ở Singgapo ngày 18/11/2007. Sau khi được 10 nước thành viên phê chuẩn, Hiến chương đã có hiệu lực từ ngày 15/12/2008.

Tiếp tục phát triển cấu trúc khu vực ở Đông Á và giữ vững vai trò lãnh đạo của ASEAN trong cấu trúc đó.

Cùng với việc xây dựng quan hệ cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, ASEAN cũng nhận thấy rằng để đảm bảo an ninh cho mình, cần phải quản lý được các hoạt động của các nước lớn trong khu vực. Điều này đòi hỏi ASEAN phải sáng tạo ra các khuôn khổ khu vực có khả năng thu hút sự tham gia của các nước lớn. Việc một tổ chức hợp tác khu vực bao gồm các nước nhỏ và vừa như ASEAN quản lý các hoạt động của các cường quốc lớn như Mỹ, Trung Quốc là điều không thể, nếu khu vực đó trở thành khu vực ảnh hưởng riêng của một cường quốc nào đó. Tuy nhiên, điều này lại là có thể bởi vì ở Đông Nam Á đang có sự hiện diện với những mức độ khác nhau của tất cả các cường quốc trên thế giới. Trong khi Mỹ muốn duy trì ảnh hưởng vốn có của họ ở Đông Nam Á thì Trung Quốc và Nhật Bản lại muốn nâng cao ảnh hưởng của mình trong khu vực. Những tham vọng đối nghịch nhau như vậy làm xuất hiện mâu thuẫn giữa các nước lớn ở khu vực này. ASEAN đã sớm nhận ra mâu thuẫn đó. “Châu Á đã trở thành tiêu điểm mới của trò chơi lớn về các quan hệ quốc tế. Nó là khu vực thịnh vượng và đầy ắp các cơ hội và nhiều quốc gia đang bước vào tranh giành. Các tay chơi trong và ngoài khu vực đang hăm hở can dự, nhưng đồng thời lại đề phòng lẫn nhau”.[128, tr 1] Thực trạng này trong quan hệ giữa các nước lớn ở Đông Nam Á đã tạo cơ hội cho ASEAN “đóng một vai trò xây dựng” đúng như Thủ tướng Lý Hiển Long đã khẳng định.

Để phát huy vai trò của mình và quản lý các hoạt động của các nước lớn trong khu vực, ngay từ 1994, ASEAN đã lập ra diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Tuy nhiên, do ARF chỉ là một cơ chế hợp tác an ninh đa phương lỏng lẻo với trọng tâm hoạt động là xây dựng lòng tin giữa các nước tham gia nên đã không đạt được những kết quả mong đợi từ khi thành lập. Do vậy, vấn đề đặt ra cho ASEAN là phải xây dựng thêm các cơ chế hợp tác khu vực khác, đủ sức kiềm chế bớt hoạt động của Trung Quốc ở Đông Nam Á. Hội nghị thượng đỉnh không chính thức ASEAN lần thứ hai ở Cuala Lumpua tháng 12/1997 chính là cơ hội cho ASEAN xây dựng thêm một cơ chế hợp tác mới với sự tham gia của Nhật Bản, cường quốc kinh tế đang muốn khẳng định vai trò chính trị của mình trên chính trường quốc tế. Cùng với việc phản ứng tích cực trước đề nghị của Nhật Bản, ASEAN đã mời Trung Quốc và Hàn Quốc cùng họp hội nghị thượng đỉnh với ASEAN. Động thái này giúp ASEAN cùng một lúc đạt được 3 mục đích: *Một là*, hiện thực hoá ý tưởng Hợp tác Đông Á do ASEAN đề xuất và cổ vũ từ đầu những năm 90, thế kỷ XX; *Hai là*, cân bằng ảnh hưởng của Nhật Bản, vốn đang gia tăng ở Đông Nam Á, với ảnh hưởng của Trung Quốc và Hàn Quốc; *Ba là*, có thêm khuôn khổ khu vực mới để quản lý sự hội nhập của Trung Quốc vào Đông Nam Á. Hội nghị Thượng đỉnh đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo ASEAN với 3 nước Đông Bắc Á đã khai sinh ra tiến trình ASEAN + 3, nền tảng đầu tiên cho hợp tác đa phương ở Đông Á.

Mặc dù đã lập ra ASEAN + 3, các nhà lãnh đạo Hiệp hội này cũng biết rằng do Trung Quốc và Nhật Bản đang cạnh tranh với nhau trong khu vực, nên sẽ là khó để triển khai các hoạt động hợp tác thực chất trong khuôn khổ ASEAN + 3. Do vậy, sau khi họp thượng đỉnh với cả 3 nước Đông Bắc Á, ASEAN đã quyết định họp riêng với từng nước. Các cuộc họp này đã dẫn tới sự ra đời của cơ chế ASEAN +1 giữa ASEAN với từng quốc gia Đông Bắc Á. Các tiến trình ASEAN + 1 này cũng được xem là một kênh trong Hợp tác Đông Á. Nhiệm vụ của nó là triển khai các quyết định, các kế hoạch về hợp tác Đông Á được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 hàng năm. Trong các tiến trình này, ASEAN với tư cách là người sáng lập, được tất cả các đối tác thừa nhận nắm vai trò chèo lái. Như vậy, với sự

xuất hiện của các cơ chế ASEAN + 3 và 3 cơ chế ASEAN + 1, một cấu trúc khu vực mới do ASEAN sáng lập đã hình thành ở Đông Á.

Tuy nhiên, do Hợp tác Đông Á không có sự tham gia của Mỹ, nên Trung Quốc đã có cơ hội phát huy vai trò của họ trong ASEAN + 3. Vai trò của Nhật Bản và Hàn Quốc trở nên khá mờ nhạt. Nếu tiếp tục tình hình này, thế cân bằng ảnh hưởng giữa các nước lớn mà ASEAN đang cố gắng tạo lập, có nguy cơ bị phá vỡ. Do vậy, vấn đề đặt ra cho các nhà lãnh đạo ASEAN là phải tìm cách thu hút sự tham gia của các cường quốc khác vào hợp tác Đông Á. Ý tưởng hợp Thượng đỉnh Đông Á đã được Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Yung đưa ra và được Malaysia tích cực cổ vũ. Ý tưởng này đã thu hút sự chú ý của Ấn Độ, Australia, Niu Dilân và Nga, những nước không muốn đứng ngoài tiến trình liên kết Đông Á, khu vực mà họ đều có lợi ích quan trọng về chiến lược và kinh tế. Sự quan tâm của các nước lớn tới EAS, một lần nữa, lại tạo cơ hội cho ASEAN. Các nhà lãnh đạo Hiệp hội này đã nhanh chóng nhận thấy thời cơ đã đến để ASEAN buộc các nước lớn thừa nhận TAC, điều họ mong đợi ngay từ khi ký Hiệp ước này ở Bali năm 1976. Để đạt được mục tiêu này, ASEAN đã đề ra một bộ quy tắc về thành viên EAS. Theo đó một quốc gia muốn tham gia Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á đầu tiên phải đáp ứng được 3 điều kiện sau:

- (1) Nước ứng viên phải là đối tác đối thoại của ASEAN.
- (2) Phải thừa nhận TAC và ký bản Hiệp ước này.
- (3) Phải là đối tác kinh tế quan trọng của ASEAN.

Chiếu theo bộ tiêu chuẩn này, thì chỉ các nước đối tác đối thoại có quan hệ hợp tác kinh tế mạnh mẽ với ASEAN và phải thừa nhận TAC mới có thể tham gia Thượng đỉnh Đông Á đầu tiên. Thực tế trên đặt Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ôtxrêilia, NiuDilân trước một sự lựa chọn khó khăn: hoặc họ phải đáp ứng yêu cầu của ASEAN, hoặc sẽ đứng ngoài EAS. Trong số các đối tác đối thoại muốn tham gia vào EAS, chỉ Trung Quốc đáp ứng được yêu cầu trên của ASEAN. Năm 2003, Trung Quốc đã ký TAC và đang là đối tác thương mại lớn thứ 4 của ASEAN. Nếu các đối tác trên không chấp nhận điều kiện của ASEAN, Trung Quốc sẽ là đối tác

đối thoại duy nhất được tham gia vào EAS và có thể nắm vai trò lãnh đạo trong tiến trình này. Một kịch bản như vậy khiến Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ôtxrêilia, NiuDilân, Nga lo ngại. Sau những cân nhắc thận trọng, cuối cùng cả 6 đối tác trên đều chấp nhận ký TAC. Tuy nhiên, chỉ 5 trong số đó được tham gia vào EAS đầu tiên. Matscova bị từ chối với lý do chưa phải “là đối tác kinh tế quan trọng của ASEAN”.

Việc tất cả các thành viên tương lai của EAS - 1 thừa nhận TAC đã mở đường cho việc tổ chức Hội nghị thượng đỉnh Đông Á đầu tiên ở Kuala Lumpur tháng 12/2005. Hội nghị đã thành lập ra tiến trình EAS.

Với sự ra đời của tiến trình mới này, ASEAN đã tạo được một cấu trúc mới cho cấu trúc khu vực của mình. Cấu trúc này là một vòng đồng tâm lớn, nằm trong ARF, nhưng lại nằm ngoài ASEAN + 3 và các ASEAN + 1. Cấu trúc trên tạo ra những kênh mới, thông qua đó, ASEAN thu hút được các nguồn lực bên ngoài để phát triển. Nhưng quan trọng hơn, các vòng tròn đồng tâm được liên kết với nhau theo mô hình trục và nan hoa đã làm dày thêm mạng lưới bảo hiểm an ninh cho ASEAN trước các mối đe dọa từ bên ngoài và khai thác sự hiện diện của Nhật Bản, Ấn Độ, Ôtxrêilia, NiuDilân để kiềm chế bớt ảnh hưởng của Trung Quốc.

Đánh giá về vai trò của cấu trúc trên đối với hoà bình và ổn định ở Đông Nam Á, S.Pushpanathan, người đứng đầu cơ quan quan hệ đối ngoại trong Ban Thư ký ASEAN nói: “ASEAN đã thành công trong việc kiểm soát ARF, trong việc lôi kéo các nước lớn và duy trì sự quan tâm của họ đối với khu vực. Những tổ chức khác như ASEAN + 3, APEC, ASEM, ACD đã giúp xây dựng những vòng tròn đồng tâm để củng cố hơn nữa hoà bình, an ninh và ổn định trong khu vực”. [128, tr 1]

2.3.2 Cấp độ các nước thành viên

Tích cực tham gia xây dựng AC

Phản ứng chính sách của các nước thành viên ASEAN, về cơ bản cũng tương tự như phản ứng của ASEAN với tư cách tổng thể. Các nước ASEAN đều cố gắng

tạo lập và duy trì quan hệ cân bằng với tất cả các nước lớn, đặc biệt là giữa Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, 3 chủ thể quan hệ quốc tế đang cạnh tranh ảnh hưởng gay gắt nhất ở Đông Nam Á. Họ cũng tích cực tham gia vào các tiến trình hợp tác khu vực như ARF, ASEAN + 1, ASEAN + 3, EAS do ASEAN sáng lập.

Hiện nay, các nước ASEAN đang nỗ lực đóng góp vào quá trình hiện thực hoá Cộng đồng ASEAN thông qua việc thực hiện các cam kết đối với ASC, AEC và ASCC. Biểu hiện rõ rệt nhất đối với việc xây dựng ASC là phê chuẩn Hiến chương ASEAN. Tính tới giữa tháng 11/2008, tất cả các nước thành viên đã phê chuẩn bản Hiến chương này.

Đối với việc xây dựng AEC, các nước thành viên ASEAN đã thực hiện nghiêm túc quá trình cắt giảm thuế theo lộ trình xây dựng AFTA. Cho đến năm 2003, thuế quan của 99% sản phẩm trong danh mục cắt giảm theo CEPT của Malaysia đã được cắt giảm xuống còn 0-5%, trong đó 64,12% sản phẩm trong danh mục cắt giảm có mức thuế quan bằng 0. Tỷ lệ thuế quan trung bình của Thái Lan từ mức 17% năm 1999 đã được giảm xuống còn 15% năm 2002 và 10,7% năm 2005. [93, tr 14] Cho tới năm 2006, Lào đã đưa tất cả các sản phẩm thuộc danh mục loại trừ tạm thời (TEL) vào danh mục cắt giảm thuế và chỉ còn 1,9% hàng hoá của Lào trong danh mục nhạy cảm. Nhưng hàng hoá này đã được đưa vào danh mục cắt giảm vào năm 2008.[78, tr 13]

Nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN, các nước thành viên, đặc biệt là các nước thành viên cũ, đã tích cực tham gia vào thực hiện Sáng kiến hội nhập ASEAN (IAI). Một trong những nước đóng góp nhiều nhất vào việc thực hiện IAI là Singapore. Tính tới ngày 1/9/2006, Singapore đã tài trợ 21.554.456 đôla cho 11 dự án phát triển ở các nước CLMV, đứng thứ nhất trong số các nước ASEAN về tổng số tiền tài trợ. Ngoài ra, trên cơ sở song phương, Singapore còn dành 52.495.275 triệu đôla Mỹ cho 9 dự án phát triển của CLMV trong giai đoạn từ 2001-2008, chiếm 32,92% tổng số tiền dành cho các dự án phát triển của CLMV trên cơ sở song phương.[69, tr 68] Trong giai đoạn 2009-2011,

Chính phủ Singapore cam kết đóng góp 30 triệu đôla Singapore cho những nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển bên trong ASEAN.

Đối với việc xây dựng ASSC, các nước thành viên cũng tham gia rất tích cực. Trong vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, Indônêxia đề xuất cải cách thể chế hợp tác giáo dục hiện tại của ASEAN thông qua việc đổi tên Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục ASEAN (SEAMEO) thành Hội nghị cấp Bộ Giáo dục ASEAN (AEMM) và sửa tên ASCOE thành SOM (Hội nghị cấp quan chức cao cấp) cho AEMM. Đề xuất này của Indônêxia được tất cả các nước thành viên khác ủng hộ.²

Các nước thành viên khác của ASEAN cũng tiến hành nhiều hoạt động cụ thể nhằm góp phần thúc đẩy xây dựng ASSC.

Tăng cường khả năng quốc phòng

Sức mạnh của người láng giềng khổng lồ Trung Quốc đang trỗi dậy cùng với tham vọng của một quốc gia có lịch sử chinh phục các vùng đất, đã khiến cho các quốc gia Đông Nam Á luôn cảm thấy bất an và buộc phải tìm mọi cách tăng cường khả năng quốc phòng trước những bất trắc trong môi trường an ninh khu vực. Chiến lược phát triển hướng nam của Trung Quốc đã là một cú hích khởi động hầu hết các chương trình hiện đại hóa quân sự ở các quốc gia Đông Nam Á. Chương trình này đã được tiến hành khẩn trương và đầu tư cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Xu hướng chủ yếu trong các chương trình hiện đại hóa quân đội một số nước trong khu vực là vừa tranh thủ thị trường vũ khí trang bị giá rẻ sau Chiến tranh Lạnh, vừa tiếp cận các thành tựu của cuộc cách mạng mới trong quân sự, đa dạng hóa các nguồn cung cấp vũ khí trang bị. Một số nước trong khu vực (Indônêxia, Thái Lan, Singapore, Philíppin) hiện đại hóa quân đội để có thể hợp tác với Mỹ trong khi tham gia các cuộc diễn tập quân sự chung. Có thể thấy, nguồn cung cấp vũ khí trang bị hiện đại cho một số nước ASEAN khá đa dạng như Mỹ (máy bay F-16,

² Những hoạt động, đóng góp và lợi ích của Indônêxia trong mục này (xây dựng ASSC) đều có nguồn từ 2 văn bản: ASEAN Functional Cooperation, ngày 20/3/2007 và Peran Indônêxia di ASEAN, ngày 29/3/2007.

F-18, F-4, F-5E/F), Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, Nga (MiG-29, MiG-27, Su-30, Su-35, tên lửa phòng không, tàu chiến).

Đáng chú ý gần đây là «cuộc chạy đua vũ trang dưới nước». Theo tin từ báo "Asia News" của Singapore: Các chính phủ Đông Nam Á có vẻ không ngần ngại đề chi cho việc mua một công cụ quân sự đắt nhất. Tàu ngầm có vẻ như là ngôi sao nổi tiếng nhất trong thời điểm này, có thể bị ảnh hưởng bởi quyết định của Trung Quốc do họ thiết lập một căn cứ tàu ngầm ở đảo Hải Nam. Sự bổ sung mới nhất cho "cuộc chạy đua vũ trang dưới nước" đó là Thái Lan. Ngày 28 tháng 3, Thủ tướng Thái Lan Abhisit Vejjajiva chấp thuận mua 6 tàu ngầm đã qua sử dụng của Đức với giá 7,7 tỷ bath (hơn 220 triệu USD).

Cùng với Thái Lan, Malaysia cũng là quốc gia không ngần ngại thể hiện việc đầu tư cho lực lượng hải quân của mình. Ngày 25/10/2009, Hải quân Malaysia sẽ chính thức tiếp nhận chiếc tàu ngầm thứ hai, theo đó ngày 26/01/2010 tàu sẽ xuất phát để trở về Malaysia. Phát biểu trong lễ đón nhận chiếc tàu ngầm lớp Scorpene đầu tiên tại cảng Klang hôm 03/9, Bộ trưởng quốc phòng Malaysia Ahmad Zahid đã nhấn mạnh, Malaysia sẽ đề xuất đóng thêm các tàu ngầm mới trong tương lai nếu cần thiết và tài chính cho phép. Điều này chứng tỏ rằng, việc phát triển một hạm đội tàu ngầm đã và đang được Malaysia tiến hành. Đối với tàu chiến, hiện nay Malaysia đang sở hữu một lực lượng tàu chiến khá lớn. Nhưng Malaysia đã tiếp tục đề ra những chủ trương phát triển mới mẻ hơn. Phát biểu trong lễ đặt tên cho chiếc tàu cuối cùng trong dự án đóng 06 tuần tra hôm 23/7, Đô đốc Tan Sri Abdul Aziz Jaafar, Tư lệnh Hải quân hoàng gia Malaysia tuyên bố, lực lượng hải quân sẽ tiếp tục đề xuất đóng thêm 06 tàu tiếp theo để tăng cường cho hải quân.

Nói đến hiện đại hóa Hải quân không thể không kể tới nỗ lực của Philippin. Dù là một quốc gia nghèo nhưng Tổng thống Gloria Arroyo đã chỉ đạo tìm cách đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa Hải quân, không những để tăng cường bảo vệ an ninh chủ quyền biển, đảo mà còn để gìn giữ môi trường an ninh đại dương. Theo chương trình hiện đại hóa quân đội Philippin, Hải quân có thể được tăng cường thêm các tàu mới vào năm 2017. Tuy nhiên, theo Bộ Quốc phòng Philippin thì sẽ phải mất thêm

2-3 năm để các thiết bị này về tới Philippin và đây là lý do tại sao Tổng thống Arroyo muốn tìm cách để có được các thiết bị phục vụ cho Hải quân trước năm 2017.

Có thể thấy, những diễn biến ngày càng nóng tại khu vực Biển Đông cũng như những động thái không mấy thiện chí của Trung Quốc tại khu vực tiềm tàng những bất ổn này khiến cho các nước trong khu vực buộc phải tham gia vào một cuộc chạy đua vũ trang khu vực đầy tốn kém và cũng đầy nguy hiểm.

Về các lĩnh vực khác, đầu tư mạnh nhất phải nói tới Thái Lan. Nước này trong bốn năm qua, ngân sách quân sự đã tăng 60%. Chính phủ Thái Lan có kế hoạch đầu tư trong thập kỷ tới tổng số tiền hơn 16,5 tỷ đô la Mỹ cho việc mua sắm các trang thiết bị cho lực lượng vũ trang. Sau cuộc đảo chính tháng 9/2006 Hội đồng quân sự Thái Lan đã quyết định tăng 34% ngân sách quốc phòng năm 2007 và 28% năm 2008. Tháng 11/2007, quân đội Thái Lan đưa ra chương trình hiện đại hoá quốc phòng trong 10 năm với tổng kinh phí 9,8%. Thái Lan sẽ bắt đầu thực hiện chương trình này năm 2009 và sẽ đẩy chi phí quốc phòng từ 1,58% trong GDP lên 2% vào năm 2014. Thái Lan Không quân đã chi 630 triệu đô la Mỹ để mua sáu máy bay chiến đấu của Thụy Điển "Gripen". Ngoài ra, quân đội Thái Lan đã bắt đầu nhận hàng giao của Ukraine với tổng giá trị 130 triệu đô la Mỹ cho các phương tiện chiến đấu xe thiết giáp BTR-3EI, và trang thiết bị của máy bay trực thăng do Nga chế tạo loại Mi -17t, và Thái Lan cũng có kế hoạch chi tiêu hơn 230 triệu đô la Mỹ để mua 200 xe tăng mới.

Từ đầu năm 2003, Bộ Quốc phòng Malaysia cũng đã xúc tiến một số dự án mua sắm trang bị như: Dự án mua 18 máy bay chiến đấu Su-30MKM mà Malaysia đã ký với Nga tháng 8/2003 với tổng trị giá 900 triệu USD. Trong đó, 06 chiếc đã nhận hồi tháng 09/2007, tiếp đó nhận 06 chiếc vào tháng 11/2008 và 06 chiếc còn lại sẽ nhận vào cuối năm 2009; dự án mua 12 máy bay trực thăng EC-725 của hãng Eurocopter trước năm 2011 để thay thế số máy bay trực thăng loại Nuri S61A-4 đã hết hạn sử dụng; Từ năm 2013-2014, không quân Malaysia sẽ tiếp nhận 04 máy bay

A-400M của hãng Airbus và một số dự án máy bay khác như: mua 08 máy bay cảnh báo sớm và Chi huy trên không (AEWAC), dự án nâng cấp máy bay F/A-18D.

Tổng thống Indônêxia Susilo BambangYudhoyono cho biết, ngân sách chi cho quốc phòng phải được tăng lên để đáp ứng nhu cầu sẵn sàng hoạt động của quân đội. Theo đó năm 2010, Indônêxia tăng thêm ngân sách quốc phòng lên khoảng 21% khoảng 04 tỷ USD. Trong năm 2009 Indônêxia đã có một số dự án mua một số máy bay chiến đấu Su-30MK2 của Nga, xe chiến đấu bộ binh BMP-3F, trực thăng Mi-17 và Mi-35. Ngoài ra sẽ mua 2 tàu ngầm lớp Kilo của Nga và dự kiến triển khai hoạt động vào năm 2015. Đối với quân đội Indônêxia, ngân sách để duy trì các hệ thống vũ khí chính hiện có chỉ chiếm dưới 10% ngân sách quốc phòng của Indônêxia, đây là ngân sách lý tưởng để duy trì phải chiếm từ 20 đến 25% ngân sách được phân bổ.

Campuchia có kế hoạch tăng chi phí quốc phòng và an ninh từ 223 triệu USD năm 2009 lên 274 triệu USD trong năm 2010 (tăng 23%). Tổng ngân sách nhà nước cho tài khóa 2010 là 1,97 tỷ USD. Điều này cho thấy quân đội Campuchia đã được phân bổ khoảng 14% tổng số chi tiêu ngân sách nhà nước.

Theo kế hoạch Singapore sẽ mua 150 xe Terrex và sẽ bắt đầu huấn luyện các tiểu đoàn bảo vệ và bộ binh sử dụng xe Terrex từ tháng 02/2010. Tháng 02/2009, Không quân Singapore đã tiếp nhận 04 máy bay G550-AEW trị giá khoảng 01 tỉ USD với Hãng Elta của Israel, nhằm thay thế cho thế hệ E-2C Hawkeye đã hết hạn sử dụng. Loại máy bay này có khả năng phát hiện, nhận dạng mục tiêu ở phạm vi xa hơn. Ngân sách của Singapore cho quốc phòng tăng 24% từ 4,6 tỷ năm 2000 lên 5,7 tỷ năm 2006.[193, tr 8]

Việc các nước Đông Nam Á mua sắm vũ khí, tăng ngân sách quốc phòng đã góp phần nâng cao sức đề kháng quốc gia của họ. Tuy nhiên, tình trạng trên cũng có thể dẫn tới một cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực và làm phức tạp thêm quan hệ giữa ASEAN với các nước lớn, đặc biệt là trong quan hệ với Trung Quốc.

2.4. Tăng cường quan hệ với các nước lớn khác nhằm cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc với ảnh hưởng của các nước lớn khác ở Đông Nam Á.

2.4.1 Cấp độ khu vực

Thúc đẩy quan hệ với Mỹ

Trong bài toán cân bằng ảnh hưởng ngày càng gia tăng mạnh mẽ của Trung Quốc đối với Đông Nam Á, các nước ASEAN vẫn buộc phải dựa vào Hoa Kỳ làm nhân tố đối trọng hàng đầu bởi sức mạnh về kinh tế cũng như ưu thế chính trị của siêu cường này trên trường quốc tế. Mỹ vẫn luôn coi Đông Nam Á là khu vực ảnh hưởng của mình và ý thức rất rõ rằng, khi sự nghi ngờ của các nước Đông Nam Á luôn tồn tại và ngày càng lớn thì việc các quốc gia ở khu vực này sẽ luôn phải “cậy nhờ” vào cái bóng của Mỹ để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của láng giềng khổng lồ Trung Quốc là điều tất yếu. Trong lịch sử, vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á có thể khác nhau nhưng chưa bao giờ khu vực này rời khỏi tầm mắt của Mỹ. Đặc biệt, ngay khi bước vào thế kỷ mới, nhận thấy sức mạnh của Trung Quốc và các động thái của quốc gia này ngày càng trở nên mạnh mẽ, lộ rõ mưu đồ can dự ngày càng sâu vào khu vực Đông Nam Á, thì Hoa Kỳ không thể ngồi yên.

Viện cơ phát động cuộc chiến chống khủng bố sau sự kiện 11/9 rung động địa cầu, Mỹ chính thức đánh dấu sự quay trở lại của mình tại Đông Nam Á với những thông điệp mạnh mẽ của tổng thống Bush. Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ được đưa ra tháng 9/2002 xác định ASEAN là một trong những thể chế khu vực ở châu Á mà Mỹ cần phải hợp tác chặt chẽ trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu.[84, tr 40]

Trong bài viết về Trung Quốc và ASEAN, hai tác giả người Mỹ là Dana R. Dillon và John J. Tkacik, Jr. cho rằng, Trung Quốc đang trở thành một cường quốc đầu đàn ở Đông Nam Á và sẽ làm tổn hại đến vị trí của Mỹ cũng như sẽ gây nhiều khó khăn cho các nước bè bạn của Mỹ tại khu vực này, nếu Hoa Kỳ không cố gắng tăng gấp đôi, gấp ba, các hoạt động của mình đối với ASEAN.[114, tr 1]

Trước những nhận định cũng như kêu gọi của giới phân tích và chính khách Mỹ, Mỹ thực sự đã đưa ra những chính sách kịp thời cho quan hệ ASEAN – Mỹ nhằm duy trì ảnh hưởng của mình tại khu vực này. Những chính sách của Mỹ đưa ra đã được ASEAN đón nhận và hợp tác chặt chẽ. ASEAN cũng không ngừng tăng cường hợp tác với Mỹ, thể hiện qua việc ký kết một số văn kiện hợp tác trên các lĩnh vực khác nhau.

Trong số các văn kiện đã ký kết, đáng chú ý là Tuyên bố tầm nhìn chung về quan hệ đối tác tăng cường ASEAN - Mỹ, được ký kết ngày 17/11/2005. Trong bản tuyên bố này, hai bên khẳng định “lợi ích chung trong phát triển ASEAN với tư cách là một thể chế khu vực”. Sự phát triển của ASEAN “sẽ đóng góp một cách hiệu quả đối với hòa bình, thịnh vượng và ổn định ở Đông Nam Á và thế giới”. ASEAN thừa nhận những đóng góp và tầm quan trọng của Mỹ trong việc duy trì hòa bình, ổn định và thúc đẩy thịnh vượng ở Đông Nam Á.[132, tr 1]

Trên cơ sở đó, hai bên “bày tỏ mong muốn gia tăng hơn nữa hợp tác và hữu nghị giữa ASEAN và Mỹ để nắm bắt cơ hội và đối phó với những thách thức của một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau”. Để thúc đẩy hợp tác ASEAN - Mỹ, hai bên thoả thuận thực hiện quan hệ đối tác tăng cường. Bản chất của mối quan hệ này là “toàn diện, hướng vào hành động, hướng ra bên ngoài và bao gồm hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế, hợp tác xã hội và phát triển”.

Nhằm triển khai việc xây dựng quan hệ đối tác tăng cường, trong tuyên bố chung, hai bên đã đề ra các phương hướng hợp tác cụ thể trong tất cả các lĩnh vực từ chính trị - an ninh, kinh tế, xã hội và văn hóa. Bản Tuyên bố đã kêu gọi các nước ASEAN tích cực xây dựng ASEAN thành một cộng đồng hội nhập năng động ở châu Á – Thái Bình Dương như đã đề ra trong Chương trình hành động Viên chẵn (11/2004), đồng thời cũng biến ARF thành diễn đàn chính về an ninh, chính trị trong khu vực. Bản Tuyên bố chung cũng kêu gọi ASEAN và Mỹ cùng hợp tác hơn nữa trong việc chống tội phạm xuyên quốc gia, kể cả khủng bố, chống phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, chống buôn bán người và ma túy bất hợp pháp, đảm bảo an ninh hàng hải... và các vấn đề an ninh phi truyền thống. Lãnh đạo hai nước cũng

nhất trí tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư, ủng hộ Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN (do Mỹ đưa ra), thực hiện đầy đủ những cam kết trong hiệp định thương mại Mỹ và ASEAN nhằm đạt mục tiêu xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2020.[105, tr 1]

Những nội dung trong Tuyên bố chung đã đặt cơ sở mới cho sự hợp tác toàn diện và lâu dài giữa hai bên. Những mục tiêu đề ra trong tuyên bố này vừa bao hàm cả một số ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ cũng như mục tiêu và lợi ích của ASEAN. Triển khai xây dựng Quan hệ đối tác tăng cường, trong những năm gần đây, ASEAN và Mỹ đã tiến hành hàng loạt các hoạt động quan trọng trong tất cả các lĩnh vực.

Về hợp tác kinh tế - thương mại, Theo số liệu thống kê cho thấy, trong những năm đầu thế kỷ XXI, ASEAN và Mỹ ghi nhận quan hệ buôn bán giữa đôi bên đang được duy trì và phát triển mạnh mẽ, khi vẫn là đối tác thương mại lớn thứ tư của nhau. Nhằm tăng cường quan hệ thương mại - đầu tư giữa hai bên, chính quyền Bush đã đưa ra Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN (EAI, tháng 10/2002). Hai bên coi đó như là cơ chế để tăng cường dòng mậu dịch và đầu tư giữa ASEAN và Mỹ. Hai bên thỏa thuận làm việc cùng nhau để ký kết Hiệp định khung về Mậu dịch đầu tư giữa Mỹ và ASEAN (TIFA). Mỹ ủng hộ và cam kết hỗ trợ việc hiện thực hóa Cộng đồng kinh tế (AEC) vào năm 2020, nếu không phải là sớm hơn.[132, tr 1]

Tiếp đó, vào 8/2006, Đại diện thương mại Mỹ và Bộ trưởng kinh tế ASEAN đã ký Hiệp định khung về mậu dịch và đầu tư ASEAN – Mỹ. Một Ủy ban chung đã được thiết lập để chỉ đạo việc thực hiện TIFA. Dưới tác động của TIFA, quan hệ mậu dịch và đầu tư giữa ASEAN và Mỹ đang phát triển mạnh mẽ. Cho tới nay, Mỹ vẫn là một đối tác kinh tế lớn của ASEAN. Đối với Mỹ, ASEAN là một trong những thị trường xuất khẩu tăng trưởng nhanh nhất. Buôn bán hai chiều tăng từ 161 tỷ đô la vào năm 2006 lên hơn 178 tỷ đô la Mỹ trong năm 2008. Tổng vốn đầu tư trực tiếp của Mỹ chảy vào ASEAN đã tăng từ 3,4 tỷ vào năm 2006 lên 6,3 tỷ vào năm 2007.[119, tr 1] Tổng kim ngạch thương mại ASEAN-Mỹ đã phục hồi mạnh trong năm 2010, với mức tăng 24,4%, từ 149,6 tỷ USD năm 2009 lên 186,1 tỷ USD,

trong đó nhập khẩu của ASEAN từ Mỹ tăng 27% lên 85,6 tỷ USD, và xuất khẩu của ASEAN sang Mỹ tăng 22,3% lên 100,5 tỷ USD. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Mỹ vào ASEAN cũng tăng hơn gấp đôi, từ 4,1 tỷ USD năm 2009 lên 8,4 tỷ USD năm 2010, đưa Mỹ lên vị trí nhà đầu tư lớn thứ ba trong ASEAN.[150, tr 1]

Hợp tác phát triển ASEAN được thực hiện thông qua Chương trình Tầm nhìn phát triển ASEAN (ADVANCE) được đề ra ngày 25 tháng 2/2008. Trong chương trình này, chính phủ Mỹ cam kết viện trợ 150 triệu đô la trong 8 năm để hỗ trợ các mục tiêu và mục đích hội nhập của ASEAN tới năm 2015.[156, tr 1] Cho tới nay đã có 4 chương trình và hoạt động đã được xác định thực hiện trong khuôn khổ ADVANCE. Đó là: Hỗ trợ kỹ thuật và phương tiện đào tạo ASEAN- Mỹ giai đoạn 2; Hiệp định mậu dịch song phương Lào - Mỹ; Chương trình cửa sổ đơn nhất ASEAN và Chuỗi cung ứng khu vực/ Chương trình nâng cao khả năng cạnh tranh.

Về an ninh – chính trị, kể từ sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, hợp tác chống khủng bố là lĩnh vực hợp tác trọng tâm và nổi bật nhất trong quan hệ ASEAN – Mỹ. Đối với các nước ASEAN, hoạt động khủng bố được coi là một thách thức an ninh phi truyền thống và là nhân tố gây mất ổn định trong khu vực. Vì vậy, ASEAN nhanh chóng ủng hộ quan điểm chống khủng bố của Mỹ. Tại hội nghị cấp cao lần thứ 7 (11/2001), các nước ASEAN đã đưa ra Tuyên bố ASEAN về hành động chung chống khủng bố năm 2001. Đáng chú ý là tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN cuối tháng 7/2002, ASEAN và Mỹ đã ký thỏa thuận chống khủng bố quốc tế (1/8/2002). Theo thỏa thuận này, các nước ASEAN cùng với Mỹ tăng cường chia sẻ thông tin tình báo và quản lý các vấn đề tài chính cũng như nhập cư để ngăn chặn các hoạt động khủng bố. Thỏa thuận này được coi là tuyên bố mạnh mẽ nhất của ASEAN trong việc ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động. Theo đánh giá của cựu Ngoại trưởng Mỹ C.Powell, thỏa thuận này là “một tuyên bố chính trị gắn kết Mỹ và ASEAN trong mối quan hệ chặt chẽ hơn”. [124, tr 1]

Quan hệ an ninh Mỹ với Đông Nam Á tập trung xung quanh hai hiệp ước đồng minh với Thái Lan và Philippin. Trong năm 2006, Mỹ đã tập trận chung với cả hai nước trên. Cuộc tập trận Rắn Hồ mang vàng giữa Mỹ và Thái Lan là cuộc tập

trận lớn nhất ở Châu Á. Trong cuộc tập trận diễn ra vào tháng 5/2006 đã có 7.800 lính Mỹ và 4.200 lính Thái Lan tham dự [139, tr 1]. Nhật Bản và Singapore cũng được mời tham dự cuộc tập trận trên. Cuộc tập trận Balikatan giữa Mỹ và Philippin năm 2006 cũng thu hút 5.500 lính Mỹ và 2.800 lính Philippin tham gia. Với các cuộc tập trận này và các cuộc tập trận khác trong khu vực, Mỹ đã cải thiện được năng lực phối hợp tác chiến và phản ứng nhanh với các đối tác trong khu vực. Ngoài các hoạt động trên, ASEAN và Mỹ còn hợp tác chặt chẽ trong việc đảm bảo an toàn cho tàu bè qua lại eo Malacca.

Bước đột phá trong quan hệ chính trị - an ninh giữa Mỹ và Đông Nam Á là việc Hoa kỳ ký TAC tại AMM tổ chức ở Phuket, Thái Lan tháng 7/2009. Hoạt động này sẽ mở đường cho Mỹ tham gia vào tiến trình Thượng đỉnh Đông Á trong thời gian tới. Tháng 7/2006, Ngoại trưởng Rice đã ký với Ngoại trưởng các nước ASEAN Kế hoạch hành động vì Quan hệ đối tác tăng cường, nhằm mở rộng sự hỗ trợ của Mỹ cho Kế hoạch hành động Viên chăn (VPA).

Đỉnh cao của quan hệ ASEAN - Mỹ là Hội nghị giữa các nhà lãnh đạo ASEAN- Mỹ tổ chức tại Singapore ngày 15 tháng 11/2009. Đây là cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo cao nhất của hai bên.³ Tại hội nghị này, Tổng thống Obama và 10 nguyên thủ các quốc gia Đông Nam Á đã ra Tuyên bố chung trong đó nhấn mạnh cam kết của hai bên tăng cường hợp tác với nhau trong các lĩnh vực trao đổi giáo dục, khoa học công nghệ, lao động, hợp tác phát triển hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, thu hẹp khoảng cách phát triển, không phổ biến vũ khí hạt nhân, giải trừ quân bị, nghiên cứu về những tác động của biến đổi khí hậu, triển khai thực hiện các chính sách và các biện pháp thích hợp. Ngoài các nội dung trên, tuyên bố khẳng định cuộc họp thượng đỉnh ASEAN – Mỹ lần thứ hai sẽ

³ Trong thời gian cầm quyền (2000-2008) Tổng thống George W. Bush đã gặp gỡ nhiều lần 7 lãnh đạo ASEAN : vào tháng 10 năm 2002 tại Los Cabos, Mêhicô; tháng 12 năm 2005 tại Busan, Hàn Quốc; và tháng 9 năm 2007 tại Sydney, Úc. Thế nhưng, các cuộc tiếp xúc này nằm trong khuôn khổ của Diễn Đàn APEC. Ba nước Campuchia, Lào, Myanmar không được mời tham dự, bởi vì họ không là thành viên của APEC.

được tổ chức vào năm 2010. Điều này có nghĩa là tiến trình Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ sẽ được thể chế hóa.

Như vậy, nhờ thiện chí và nỗ lực của cả hai bên, ASEAN và Mỹ đã thành công trong việc làm cho quan hệ ASEAN – Mỹ gần cân bằng với quan hệ của ASEAN với các cường quốc khác, đặc biệt là quan hệ ASEAN - Trung Quốc.

Quan hệ với Nhật Bản

Quan hệ ASEAN-Nhật Bản là một trong những mối quan hệ quan trọng trong số các đối tác của ASEAN. ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ hai của Nhật Bản và Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 3 của ASEAN với tổng giá trị thương mại hai chiều đạt 203,9 tỷ USD năm 2010. Những cam kết tài trợ phát triển cũng như tăng cường đầu tư thương mại giữa hai bên sẽ là động lực tốt để sớm hình thành Cộng đồng ASEAN và xa hơn là Cộng đồng Đông Á. Trong bối cảnh an ninh khu vực với nhiều biến động phức tạp, vai trò của Nhật Bản đối với hòa bình, ổn định và phát triển của Đông Nam Á càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Phát triển hơn nữa quan hệ với Nhật Bản là một mục tiêu quan trọng trong hợp tác quốc tế của ASEAN từ đầu thế kỷ XXI tới nay.

ASEAN luôn đánh giá cao vai trò của Nhật Bản đối với hòa bình và phát triển của khu vực. Ông Surin Pitsuwan, Tổng thư ký Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) phát biểu: “Nhật Bản là nền kinh tế quan trọng ở châu Á và thế giới, là nguồn vốn, công nghệ và quản lý, góp phần quan trọng tạo nên mạng lưới trao đổi hàng hóa trong khu vực. Để thành lập cộng đồng ASEAN vào năm 2015, ASEAN không thể hành động đơn độc mà cần hợp tác với các nước, trong đó có Nhật Bản. Các nước ASEAN muốn đóng vai trò trung tâm trong hợp tác khu vực và muốn Nhật Bản đóng vai trò đi đầu trong hợp tác khu vực trong tương lai”. [187, tr 1]

Với cương vị là Chủ tịch Tổ chức Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á, Chủ tịch Nguyễn Văn An phát biểu rằng sự hiểu biết lẫn nhau giữa AIPO và Quốc hội Nhật Bản đã và đang là động lực cho sự phát triển của mối quan hệ hợp tác giữa các nước ASEAN và Nhật Bản. "ASEAN luôn coi trọng và đánh giá

cao vai trò của Nhật Bản đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong nội Khối ASEAN, nhất là việc giúp các nước thành viên mới thu hẹp khoảng cách phát triển với thành viên cũ và hội nhập quốc tế".[194, tr 1]

Trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á, thách thức đối với địa vị của Nhật Bản tại khu vực này, Nhật Bản đã có những chiến lược ngoại giao nhằm giành lại ưu thế và sức ảnh hưởng trong khu vực, trong đó, Nhật lấy việc ủng hộ cho ASEAN làm điều kiện chủ đạo, tiên quyết. Tháng 1/1997, thủ tướng Nhật Hashimoyo đi thăm Đông Nam Á và đưa ra đề nghị phát triển quan hệ đối tác toàn diện với các quốc gia Đông Nam Á, lấy trọng tâm lợi ích của Đông Nam Á chuyển từ kinh tế sang các mặt về chính trị, an ninh. Tháng 12/2003, Nhật chính thức gia nhập Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á. Nhật cũng tích cực tham gia vào các cơ chế đối thoại đa phương như ARF, ASEAN+1, ASEAN+3...

Đáng chú ý là trong lĩnh vực an ninh khu vực, Nhật Bản luôn coi Trung Quốc là mối đe dọa tiềm tàng. Thuyết “mối đe dọa Trung Quốc” liên tục được nhắc đi nhắc lại trong sách trắng Quốc phòng của Nhật Bản năm 2000. Sách trắng Quốc phòng của Nhật Bản viết, Trung Quốc cam kết tiếp tục hiện đại hóa quân sự, điều này “tạo nên những tác động ảnh hưởng đối với an ninh của khu vực, đặc biệt là với Nhật Bản, tạo ra sự lo ngại sâu sắc”.[161, tr 1]

Ngày 5/11/2002, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN- Nhật Bản họp ở Phnom Pênh, hai bên đã ra Tuyên bố chung về Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP).[195, tr 1] Thực hiện Tuyên bố chung trên, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản họp ngày 8/10/2003 ở Bali, hai bên đã ký “Khuôn khổ Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Nhật Bản”. Trong khuôn khổ AJCEP, chính phủ Nhật Bản cam kết áp dụng quy chế Tối huệ quốc cho các nước thành viên ASEAN chưa phải là thành viên của WTO. AJCEP, bao gồm cả các yếu tố của một khu vực mậu dịch tự do, sẽ được hoàn thành vào năm 2012, có tính tới mức độ phát triển kinh tế và các lĩnh vực nhạy cảm

ở từng nước, trong đó cho phép các nước thành viên mới có thêm thời hạn 5 năm thực thi các nghĩa vụ của mình.

Nhằm phát triển hơn nữa quan hệ giữa hai bên, ngày 12/12/2003, tại Tokyo, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản kỷ niệm 30 năm ngày thiết lập quan hệ ASEAN - Nhật Bản đã được tổ chức. Hội nghị đã ra “*Tuyên bố Tokyo về quan hệ đối tác năng động và bền vững ASEAN - Nhật Bản trong thế kỷ XXI*”. Trong văn kiện này, hai bên chủ trương thúc đẩy không chỉ hợp tác kinh tế mà cả hợp tác chính trị - an ninh, không chỉ hợp tác song phương giữa hai bên mà còn hợp tác trong các tổ chức hợp tác khu vực và quốc tế, đặc biệt là hợp tác Đông Á.

Ngay trong năm đầu tiên của thế kỷ XXI, Nhật Bản đã tiến hành điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á nói chung, với Đông dương nói riêng. Ngoài việc thúc đẩy quan hệ hợp tác với cả khối ASEAN, Nhật Bản còn đặc biệt quan tâm tới việc giúp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên mới của ASEAN với các nước thành viên cũ. Trong chính sách đối với Đông Dương, Nhật Bản đặc biệt coi trọng việc phát triển Tiểu vùng Mê Kông. Tiểu vùng Mê Kông là khu vực rộng lớn, giàu tiềm năng phát triển, nhưng còn rất nghèo. Nếu phát triển được vùng này, khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên mới với các nước thành viên cũ của ASEAN sẽ được thu hẹp. Như vậy, phát triển Tiểu vùng Mê Kông sẽ là một đảm bảo quan trọng cho sự thành công của tiến trình hội nhập khu vực, vốn được ASEAN coi là ưu tiên cao nhất trong chương trình nghị sự Hậu chiến tranh lạnh của Hiệp hội này.

Do tầm quan trọng của hành lang kinh tế Đông -Tây (WEC), Nhật Bản đã đề xuất biến WEC thành EWEC và tuyên bố dành ưu tiên cao cho dự án này. Để phát triển hành lang kinh tế Đông -Tây, Nhật Bản đã đề xuất nhiều sáng kiến quan trọng và đóng góp tài chính cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hành lang kinh tế quan trọng này. Hợp tác Nhật Bản - Tiểu vùng Mê Kông đã được chính thức hóa với việc thành lập tiến trình Thượng đỉnh Nhật Bản - CLV từ tháng 11 năm 2004, trong khuôn khổ Thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Nhật Bản - CLV họp tại Viên Chăn tháng 11/2004, Thủ tướng Koizumi đã cam kết viện

trợ CLV để xúc tiến đầu tư và thương mại. Tại hội nghị ngoại trưởng ASEAN-Nhật Bản tổ chức ở Philippin tháng 1/2007, Nhật Bản đã đưa ra một sáng kiến mới. Sáng kiến này được nhằm vào 3 mục tiêu :

- Tăng cường quan hệ đối tác Nhật Bản và Tiểu vùng Mê Kông
- Xúc tiến tăng trưởng kinh tế bền vững tiểu vùng Mê Kông
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ vấn đề nhân sinh, sinh tồn và cuộc sống của người dân trong khu vực

Để đạt được những mục tiêu trên, Chương trình chung sức Nhật Bản - ASEAN phát triển Tiểu vùng Mê Kông đã được triển khai. Tháng 1/2008, Hội nghị Ngoại trưởng Nhật Bản - Tiểu vùng Mê Kông đã được tổ chức tại Tokyo. Hội nghị có sự tham gia của Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản và 4 nước tiểu vùng Mê Kông là Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan. Hội nghị đã đề ra kế hoạch hợp tác giữa Nhật Bản và các nước tiểu vùng Mê Kông trong thời gian sắp tới trên cơ sở 4 mục tiêu là các vấn đề toàn cầu và khu vực, ổn định, phát triển và tin tưởng lẫn nhau. Hội nghị quyết định lấy năm 2009 là năm giao lưu Nhật Bản - Mê Kông

Phát triển mới nhất trong hợp tác Nhật Bản - Tiểu vùng Mê Kông là Hội nghị cấp cao Nhật Bản và 5 nước tiểu vùng Mê Kông (Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar) vừa kết thúc tháng 4/2012 với cam kết của Nhật Bản viện trợ 7,4 tỷ USD phát triển cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải trong vòng 3 năm, mở ra nhiều cơ hội hợp tác giữa 5 nước này với Nhật Bản. Ngoài ra, Nhật Bản cũng công bố 57 dự án phát triển cơ sở hạ tầng khác trong khu vực với tổng số tiền là 2.400 tỷ yen (28,3 tỷ USD).[196, tr 1] Cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải là nền tảng phát triển cho các nước tiểu vùng Mê Kông, chính vì vậy, Nhật Bản đã chọn hai lĩnh vực này làm trọng tâm, tạo điều kiện để cải thiện mức sống người dân trong khu vực, giúp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước trong khu vực ASEAN. Do chiến tranh nên khu vực hạ lưu dài 4.800 km dọc theo sông Mê Kông gần như bị tách biệt với thế giới bên ngoài và là khu vực nghèo hơn nhiều nơi khác ở Đông Nam Á. Nhận thấy được điều này, Nhật Bản cho rằng việc phát triển giao thông, trong đó có hành lang kinh tế Đông-Tây và hành lang kinh tế phía Nam là động lực chính để kết

nổi các nước tiểu vùng Mê Kông, tăng cường giao lưu kinh tế với bên ngoài. Phát biểu với báo giới, Thủ tướng Nhật Bản Yoshihiko Noda cho rằng: “Sự ổn định và phồn vinh của Đông Á không thể có được nếu tiểu vùng Mê Kông không có ổn định và thịnh vượng”. Ông cũng cho rằng tiểu vùng Mê Kông là trọng điểm trong viện trợ phát triển của Nhật Bản. Đặc biệt, trong hội nghị này, Nhật Bản cũng quyết định xóa nợ 3,7 tỷ USD cho Myanmar cũng như nối lại viện trợ phát triển cho nước này.[196, tr 1]

Để thúc đẩy hợp tác Nhật Bản - Mê Kông, Hội nghị đã thông qua một Chương trình hành động gồm 63 điều nhằm cụ thể hóa các lĩnh vực hợp tác giữa Nhật Bản và năm nước tiểu vùng sông Mê Kông (Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam) như phát triển hạ tầng cứng và mềm; phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, quản lý nguồn nước; ứng phó các thách thức như đói nghèo dịch bệnh, thiên tai và tăng cường giao lưu nhân dân...

Cũng tại Hội nghị, các nhà lãnh đạo đã thống nhất tổ chức Hội nghị Cấp cao Mê Kông – Nhật Bản định kỳ 3 năm một lần tại Nhật Bản và tại các nước tiểu vùng sông Mê Kông vào các dịp Hội nghị cấp cao ASEAN. Bên cạnh đó, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Mê Kông – Nhật Bản sẽ được tổ chức hàng năm tại nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông đang giữ chức Chủ tịch ASEAN, trong khi Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế sẽ được tổ chức hàng năm nhằm thúc đẩy hợp tác dựa trên sáng kiến hợp tác Kinh tế Công nghiệp Mê Kông – Nhật Bản. Năm 2010, với tư cách là nước Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đảm nhiệm việc tổ chức Hội nghị Cấp cao Mê Kông – Nhật Bản lần 2.

Cùng với việc hỗ trợ ASEAN thu hẹp khoảng cách phát triển, Nhật Bản còn tích cực tham gia vào việc duy trì các tuyến đường giao thông hàng hải chạy qua biển Đông, đặc biệt là chống cướp biển ở eo Malácca. Trong hợp tác chống cướp biển với các nước Đông Nam Á, Nhật Bản áp dụng cách tiếp cận tôn trọng chủ quyền của các nước ven bờ. Họ chú trọng tới việc giúp đỡ các nước đó nâng cao năng lực thực thi pháp luật. Các tàu của Lực lượng bảo vệ duyên hải của Nhật đã tuần tra vùng biển Đông Nam Á và diễn tập chung với các đối tác dân sự ở

Indônêxia, Malaysia, Singapore và Thái Lan. Cơ quan hợp tác quốc tế của Nhật (JICA) đã tài trợ cho các hội thảo để đào tạo các cơ quan có thẩm quyền về biển ở Đông Nam Á. Viện trợ của Nhật Bản đã giúp thành lập cơ quan tuần tra biển của Philippin và Indônêxia, vốn là những nước còn thiếu năng lực trong lĩnh vực này.

Ngoài ra, Nhật còn cung cấp tài chính cho Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) để theo dõi và nghiên cứu các vụ cướp biển. Phối hợp với lực lượng đặc nhiệm chống khủng bố của APEC, Nhật đã hỗ trợ cho Hội nghị Những người đứng đầu các cơ quan bảo vệ duyên hải, tổ chức ở Tôkyô tháng 6/2004. Quỹ Tàu và Đại dương của Nhật (Ship and Ocean Foundation) cũng cung cấp tiền cho Trung tâm chống cướp biển được IMO trao quyền ở Cuala Lumpua. Tháng 3/2005, Nhật đã tài trợ cho Hội thảo ASEAN - Nhật Bản lần thứ hai về an ninh hàng hải và chống cướp biển ở Tokyo. Mục đích của hội nghị là nhìn lại những tiến bộ của các nước ASEAN trong việc thực hiện Luật An toàn các tiện ích cảng và tàu (ISPS). Không những thế, Nhật Bản còn tiến hành các khoá đào tạo cho các sỹ quan thực thi luật biển của ASEAN và Hàn Quốc.

Tại một hội nghị của IMO tổ chức ở Cuala Lumpua tháng 9/2006, Nhật Bản đề nghị chia sẻ tự nguyện những chi phí về an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường với 3 nước ven bờ (Indônêxia, Malaysia, Singapore), các nước sử dụng eo biển và một số chủ thể khác. Cũng tại hội nghị trên, Tôkyô còn đề nghị một Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp bóc vũ trang chống lại tàu bè ở châu Á (ReCAAP). Hiệp định tập trung tiêu điểm vào việc chia sẻ thông tin về các tàu bị nạn do cướp biển và cướp bóc vũ trang, nhưng không bao trùm lên các tội ác trên biển khác như di cư bất hợp pháp, buôn lậu và khủng bố. Phạm vi của sáng kiến chia sẻ thông tin bao trùm lên cả các vụ cướp biển trong vùng hải phận quốc tế và cướp bóc trong những vùng nước thuộc lãnh thổ quốc gia 16 quốc gia bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Băngđalét, Sri Lanca và 10 nước ASEAN đã tham gia vào đàm phán và đã thông qua thoả thuận về sáng kiến ReCAAP vào tháng 11/2004. Trong số các nước tán thành ReCAAP, có 10 nước đề nghị hiệp định sớm có hiệu lực. Vào tháng 9/2006, ReCAAP đã có hiệu lực. Tuy nhiên, Trung Quốc, Indônêxia và Malaysia đã không phê chuẩn hiệp định. Việc

thực thi ReCAAP đã thay đổi phương thức đóng góp tài chính của Nhật Bản. Hiện nay, Bộ Ngoại giao (MOFA) của nước này đang rót tài trợ để xây dựng năng lực thông qua ReCAAP và chuyển viện trợ về thiết bị qua các kênh song phương. Việc Nhật Bản tích cực tham gia vào các hoạt động chống cướp biển ở eo Malacca đã giúp ASEAN kiềm chế hoạt động của bọn cướp biển ở eo biển chiến lược này.

Nhật Bản đang ngày càng khẳng định vị trí của mình trên chính trường quốc tế. Nhật không muốn chỉ là người khổng lồ về kinh tế mà còn muốn trở thành một cường quốc có sức mạnh chính trị như Mỹ và Trung Quốc hiện nay.

Thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ

Trong nhận thức của ASEAN, Ấn Độ là một cường quốc khu vực đang trỗi dậy ở châu Á. Hiệp hội này và các thành viên của nó coi những nỗ lực gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực là có lợi cho an ninh và ổn định của Đông Nam Á. Chính sách cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực mà ASEAN đang thực thi, sẽ không thành công, nếu không nâng được quan hệ với Ấn Độ lên ngang bằng với quan hệ của ASEAN với các nước lớn khác. Với những cân nhắc như vậy, ASEAN đang thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ với Ấn Độ. Trong những năm qua, quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ và các nước Đông Nam Á ngày càng mở rộng và trở nên sâu sắc hơn. Vào cuối năm 2003, Ấn Độ và ASEAN đã Hiệp định khung để xây dựng Khu mậu dịch tự do giữa hai bên vào năm 2011. Sau 3 năm nỗ lực đàm phán, ngày 7/8/2008, Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ đã được ký kết.⁴ Thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN đạt gần 20 tỉ đô la Mỹ vào năm 2007 và tăng đến 30 tỉ đô la vào năm 2010.

⁴ Các quan chức kinh tế cao cấp của ASEAN (SEOM) đã gặp phái đoàn Ấn Độ tại cuộc hội đàm ASEAN-Ấn Độ trong khuôn khổ hội nghị SEOM lần thứ 39 tổ chức ở Brunei. ASEAN và Ấn Độ đã ký hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện vào tháng 10-2003, dự định kết thúc đàm phán vào tháng 6-2006 và thỏa thuận mậu dịch tự do sẽ có hiệu lực từ ngày 1-1-2007. Tuy nhiên, những vướng mắc về vấn đề nông sản đã ngăn cản tiến trình, Ấn Độ từ chối giảm thuế nhập khẩu dầu cọ, tiêu, trà và cà phê trong khi các thành viên ASEAN, nhất là Indônêxia và Malaysia, yêu cầu được mở rộng đường xuất khẩu dầu cọ vào nước này. Giai đoạn đầu, Ấn Độ đưa ra một danh sách đặc cách gồm 1.414 sản phẩm nhằm bảo hộ ngành dệt may và nông nghiệp trong nước nhưng sau giảm xuống còn 560 sản phẩm

Ngoài hợp tác kinh tế, thương mại với ASEAN, Ấn Độ còn hợp tác với một số nước Đông Nam Á lục địa (Thái Lan, Lào, Campuchia, Mianma, Việt Nam) trong Diễn đàn hợp tác Mê Kông - Ganga (*Mê Kông - Ganga Cooperation Forum - MGC*) được thành lập ở Viên Chăn ngày 10/11/2000. Ở giai đoạn hiện nay, các nước tham gia sẽ hợp tác về du lịch, văn hoá và giáo dục, sau đó mở rộng sang các lĩnh vực giao thông, truyền thông và hạ tầng cơ sở.

Trong lĩnh vực chính trị- an ninh, hợp tác giữa Ấn Độ và ASEAN cũng được triển khai mạnh mẽ. Ấn Độ đã tham gia một loạt các tiến trình hợp tác khu vực do ASEAN lập ra để khẳng định vai trò của Ấn Độ. Năm 1996, Ấn Độ tham gia Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF); Năm 1997, Ấn Độ trở thành đối tác đối thoại đầy đủ của ASEAN. Năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên Ấn Độ - ASEAN đã được tổ chức. Từ sau hội nghị đó, tiến trình ASEAN +1 giữa Ấn Độ và ASEAN chính thức được thành lập. Năm 2004, Ấn Độ đã ký TAC và tham gia vào tiến trình Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, thành lập tại Cuala Lumpua tháng 12/2005.

Tăng cường quan hệ đối với Nga

Những thập niên gần đây, mối quan tâm của Nga đối với Đông Nam Á đã tăng lên rõ rệt. ASEAN và các nước thành viên của nó hoan nghênh sự hiện diện của Nga trong khu vực. Bởi vì, sự hiện diện đó giúp ASEAN thực hiện được chủ trương cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực. ASEAN đánh giá cao vai trò quan trọng của Nga và mong muốn Nga tham gia sâu rộng hơn vào một cấu trúc khu vực đang định hình, vì lợi ích chung là hoà bình, an ninh và phát triển ở khu vực.

Tháng 7/1991, quan hệ ASEAN- Nga đã chính thức được thiết lập. Năm năm sau, cùng với Trung Quốc, Nga trở thành đối tác đối thoại đầy đủ của ASEAN. Từ đó tới nay, quan hệ ASEAN- Nga tiếp tục phát triển, tuy không sôi động bằng quan hệ ASEAN- Trung Quốc.

Nga tham gia tích cực vào các tiến trình hội nhập chính của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN đã ủng hộ Nga tham gia vào các diễn đàn khu vực liên quan do ASEAN giữ vai trò chủ đạo, trong đó có Cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị

Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM +), hoan nghênh quyết định của Cấp cao Đông Á mời Tổng thống Nga tham dự EAS kể từ năm 2011, mong muốn Nga đóng góp tích cực và xây dựng và hợp tác khu vực trên cơ sở các mục tiêu, nguyên tắc, thể thức và ưu tiên của diễn đàn.

Ngày 19/6/2003 tại Hội nghị ASEAN + 1 (cấp Bộ trưởng) ở Phnôm pênh, Nga và ASEAN đã ký Tuyên bố chung về hoà bình, an ninh, thịnh vượng và phát triển ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Tuyên bố chung này đã tạo không khí thuận lợi và tạo đà cho Nga và ASEAN tiếp tục tăng cường hợp tác về chính trị an ninh, kinh tế cho những năm kế tiếp.

Nhằm đẩy mạnh hợp tác khu vực trong lãnh vực chống tội phạm xuyên quốc gia, tại cuộc họp PMC + 1, tổ chức vào tháng 7 năm 2004, Nga và ASEAN đã ký một tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố quốc tế. Phiên họp đầu tiên của các quan chức cấp cao (SOM) Nga và ASEAN đã được tổ chức ngày 29/9/2004 tại Brunei Darussaleem đã nhất trí triển khai thực hiện tuyên bố chung trên. Đỉnh cao trong quan hệ Nga-ASEAN là sự kiện Nga ký TAC với các nước ASEAN tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN-Nga ngày 29/11/2004 ở Viên Chăn.

Tại Hội nghị thượng đỉnh Nga-ASEAN được tổ chức ngày 13/12/2005 ở Kualalumpua, hai bên đã ra Tuyên bố chung và ký Chương trình hợp tác hành động trong giai đoạn 2005-2015, trong đó cam kết phát triển hơn nữa quan hệ đối tác đối thoại nhằm củng cố sự hợp tác phát triển kinh tế bền vững, thịnh vượng và tiến bộ xã hội cho cả hai bên trên nguyên tắc bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm, cùng có lợi, thúc đẩy hơn nữa xu thế hoà bình ổn định, an ninh ở Đông Nam Á nói riêng và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung.

Trên cơ sở các Tuyên bố, các Hiệp định, các Chương trình hợp tác trên giữa Nga và ASEAN, kim ngạch buôn bán Nga - ASEAN đã tăng dần hàng năm. Theo Ngoại trưởng Lavrov, kim ngạch trao đổi hàng hóa giữa Nga và 10 nước ASEAN ngày càng tăng trong thời gian qua và đã đạt mức 15 tỷ USD/năm. Các bộ, ngành hữu quan của Nga đã soạn thảo xong lộ trình hợp tác kinh tế-thương mại và đầu tư với các nước ASEAN, trước hết trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông-vận tải,

viễn thông, vũ trụ, công nghiệp và nông nghiệp. Năm 2011, Nga đã tăng khoản đóng góp hàng năm cho Quỹ đối tác-đối thoại Nga-ASEAN lên mức 1,5 tỷ USD đồng thời Nga cùng Belarus và Kazakhstan là ba đối tác trong Liên minh hải quan, đang nghiên cứu khả năng thành lập khu vực mậu dịch tự do (FTA) với Việt Nam và New Zealand với định hướng sau này thành lập FTA với toàn bộ 10 nước ASEAN.[197, tr 1]

Hợp tác trong các lĩnh vực khác cũng được hai bên tích cực thúc đẩy. ASEAN đã hoan nghênh ý định của Nga tham gia vào tất cả các cơ chế ngành trong khuôn khổ EAS, bao gồm cả các cuộc tham vấn cấp bộ trưởng kinh tế; cho rằng cùng với việc Nga là Chủ tịch APEC năm 2011, thì việc tham gia EAS của nước này sẽ tăng cường vai trò của ASEAN và APEC trong cấu trúc khu vực đang định hình ở châu Á-Thái Bình Dương. Với sự tham gia của Nga vào EAS, EAS tiếp tục là diễn đàn để các nhà lãnh đạo trao đổi và đối thoại về các vấn đề có tầm quan trọng chiến lược liên quan tới hòa bình, an ninh và phát triển ở khu vực, trong đó có các lĩnh vực chính trị - an ninh như an toàn hàng hải, ứng phó thiên tai, phòng chống hải tặc, tội phạm xuyên quốc gia... Bên cạnh đó, EAS cần tiếp tục thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực ưu tiên đã xác định như tài chính - kinh tế, năng lượng, thiên tai..., hỗ trợ triển khai liên kết ASEAN, từ đó tăng cường liên kết và kết nối ra toàn khu vực...

Những hoạt động trên của ASEAN trong những năm qua đã giúp Hiệp hội này xây dựng được những quan hệ khá cân bằng với các nước lớn. Tuy nhiên, so sánh quan hệ của ASEAN với Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Hàn Quốc, quan hệ với EU, Nga còn chưa đáp ứng được mong muốn của ASEAN. Điều này chủ yếu là do các nước lớn trên chưa coi Đông Nam Á là một ưu tiên trong chiến lược của họ và do đó, chưa phản hồi tích cực trước những nỗ lực hợp tác quốc tế của ASEAN.

2.4.2 Cấp độ các quốc gia thành viên

Cùng với sự biến đổi chính sách của ASEAN nhằm thích ứng với bối cảnh khu vực nhiều biến động, từng nước trong khu vực Đông Nam Á cũng đưa ra những điều chỉnh chính sách đối ngoại thích hợp nhằm đạt được những mục tiêu đối ngoại của quốc gia mình. Dù mỗi quốc gia có chính sách đối ngoại riêng nhưng mẫu số chung đều là: Đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, thúc đẩy quan hệ với các nước lớn đang có cạnh tranh ảnh hưởng gay gắt nhất tại đây là Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản, nhằm phát triển đất nước, giữ vững độc lập tự chủ dân tộc cũng như duy trì hòa bình, an ninh trong khu vực.

Tăng cường quan hệ với Trung Quốc

Trước hết, cùng với sự khẳng định về vai trò quan trọng của Trung Quốc đối với khu vực ASEAN nói chung và các quốc gia Đông Nam Á nói riêng, các nước cũng đồng loạt thực hiện chính sách tăng cường quan hệ đối ngoại với Trung Quốc.

Trước tiên là Indônêxia, qua bốn đời tổng thống kể từ 1999, nước này đã nỗ lực tìm mọi phương cách nhằm cân bằng ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây, hạn chế việc các lực lượng nước ngoài làm xói mòn chủ quyền của Indônêxia.[80, tr 35] Vai trò quan trọng của Hoa Kỳ - lực lượng nắm giữ lượng lớn ngoại tệ tại Indônêxia và quá trình phục hồi kinh tế tại đất nước này đã buộc Indônêxia phải lựa chọn việc thiết lập và tăng cường quan hệ với Trung Quốc là một trong những chính sách ngoại giao hàng đầu. Hai bên tăng cường mở rộng trên tất cả các lĩnh vực hợp tác, đặc biệt là nông nghiệp và năng lượng. Năm 2004, Trung Quốc trở thành đối tác mậu dịch lớn thứ 5 của Indônêxia. Trong năm đó, xuất khẩu của Indônêxia sang Trung Quốc tăng 232 % so với 2003, đạt 12,6 tỷ đô la. Tổng buôn bán hai chiều giữa hai nước lên tới 16,8 tỷ vào năm 2005.[198, tr 2] Quan hệ Indônêxia - Trung Quốc đã lên tới đỉnh cao khi Tổng thống Yudhoyono và Chủ tịch Hồ Cẩm Đào ký hiệp định thiết lập Quan hệ đối tác chiến lược vào ngày 25/ 4/ 2005. Trong chuyến thăm Trung Quốc tháng 7/2005, hai bên đã ký một số hiệp định quan trọng bao trùm không chỉ lên các lĩnh vực truyền thống như mậu dịch, đầu tư mà cả trong hợp tác an ninh và công nghệ quốc phòng.

Khác với Indônêxia, Thái Lan, một quốc gia nổi tiếng với nguyên tắc ngoại giao “cây tre”, thực hiện chính sách tăng cường quan hệ với Trung Quốc là nhằm tìm kiếm một lực lượng mới nổi làm chỗ dựa an ninh mới cho đất nước trong thời kỳ này. Thái Lan xác định Trung Quốc là một thế lực đang lên ở Đông Á. Thân với Trung Quốc, Thái Lan không những khai thác được tiềm lực của Hoa Kiều tại đất nước này để phục vụ công cuộc phát triển kinh tế mà Thái Lan còn khiến cho mối quan hệ Mỹ - Thái vốn đang trầm lắng trở nên “ấm” hơn, “nhiệt tình” hơn. Thái Lan bày tỏ sự coi trọng quan hệ với Trung Quốc trong cả lĩnh vực kinh tế và an ninh, chính trị. Với việc tham gia nhiệt tình vào kế hoạch xây dựng khu Mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN do Trung Quốc khởi xướng, Băng Cốc thực sự muốn thắt chặt mối quan hệ kinh tế với nước này. Quan hệ quân sự giữa Thái Lan và Trung Quốc cũng phát triển rất nhanh, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI tới nay. Hợp tác quân sự Trung - Thái tiến hành trên 4 lĩnh vực: Quan sát tập trận quân sự của nhau; Khôi phục bán vũ khí cho Thái Lan, trao đổi giáo dục; Phối hợp đào tạo và huấn luyện. Hai bên đã thảo luận về một lộ trình tăng cường quan hệ song phương. Đó là Kế hoạch hành động chung quan hệ chiến lược Trung –Thái. Trong kế hoạch trên, 15 lĩnh vực hợp tác đã được hai bên thoả thuận trong giai đoạn 2007- 2011. Có thể thấy, mặc dù tăng cường quan hệ với Trung Quốc nhưng mối quan hệ này không thể so sánh với quan hệ Mỹ - Thái gắn bó từ lâu.

Phi-líp-pin cũng giống như các nước khác, liên tiếp có những hoạt động nhằm tăng cường quan hệ với Trung Quốc, đáng kể nhất là những hoạt động trong lĩnh vực quân sự. Trong hội nghị lần thứ ba của Nhóm chuyên gia xây dựng lòng tin Trung Quốc- Philippin họp tại Manila vào năm 2001, hai bên đã thoả thuận tập trận về tìm kiếm cứu hộ. Cuộc tập trận nhằm xây dựng sự tin cậy lẫn nhau và dọn đường cho việc ký Hiệp định hợp tác về biển vào 27/4/2005. Vào tháng 11/2004, Bộ trưởng Quốc phòng Philippin Avelino Cruz và Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Trì Hạo Điền ký Bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng. Phía PLA đề nghị trao đổi quân sự nhiều hơn, lập cơ chế tham khảo, tăng cường hợp tác chống khủng bố và các mối đe dọa bên trong khác. Trung Quốc cũng đồng ý viện trợ quân sự không gây sát

thương cho Philippin 10 triệu Nhân dân tệ.[96, tr 7] Kết quả là quan hệ quốc phòng giữa AFP và PLA đã được cải thiện quan trọng. Quan hệ thương mại giữa hai bên cũng tăng lên nhanh chóng khi Trung Quốc đầu tư lớn vào khu vực nông nghiệp và khai mỏ Philippin và đã bỏ 450 triệu đô la để tái định cư hệ thống đường sắt Bắc Luzon[137, tr 1]. Có thể thấy, quan hệ Philippin - Trung Quốc đã bước vào “thời kỳ vàng”, một điều rất khó tưởng tượng chỉ 1 thập niên về trước. Vào năm 2005, Tổng thống Arroyo và Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tuyên bố quan hệ giữa hai nước đã tiến tới quan hệ đối tác. Hiện nay hai bên khẳng định rằng việc cải thiện hơn nữa các quan hệ song phương sẽ phục vụ không chỉ cho những lợi ích cơ bản của mỗi nước mà còn cho hoà bình, ổn định và thịnh vượng trong khu vực.[85, tr 10] Tuy nhiên, gần đây, có dấu hiệu cho thấy quan hệ Philippin – Trung Quốc đang chững lại. Sau khi thành công trong việc khuyến khích quyền lực mềm trong khu vực, Trung Quốc đã nhanh chóng mở rộng quyền lực cứng của họ và khiến cho chính sách của Philippin cũng có chiều hướng thay đổi.

Với quan điểm tích cực về sự trỗi dậy của Trung Quốc, Malaysia chủ trương “cùng làm việc với Trung Quốc theo một cách thức có thể bổ sung cho nhau, trong các lĩnh vực khác nhau và cùng có lợi cho đất nước và nhân dân hai nước”. [165, tr 1] Ngoài quan hệ kinh tế và chính trị, Malaysia muốn quan hệ mở rộng trong lĩnh vực khác. Với niềm tin rằng “Trung Quốc là một người bạn và đối tác mà đối với họ chúng tôi có thể hợp tác theo tinh thần tin cậy và tôn trọng lẫn nhau”. [165, tr 1] Thủ tướng Badawi cho rằng Malaysia và Trung Quốc “... cần hợp tác và cộng tác vì môi trường quốc tế đang thay đổi và vì tính phức tạp của những các vấn đề toàn cầu đòi hỏi các nước phát triển cần làm việc cùng nhau chặt chẽ hơn”. Trong diễn văn đọc tại buổi chiêu đãi Thủ tướng Ôn Gia Bảo tổ chức ngày 15/12/2005, Thủ tướng Badawi đã đề ra các lĩnh vực hợp tác mới mà hai bên có thể thúc đẩy như chống khủng bố, tội phạm xuyên biên giới, bệnh dịch truyền nhiễm... Quan hệ kinh tế giữa hai nước đang ngày càng được đẩy mạnh. Trung Quốc là đối tác mậu dịch lớn thứ 4 của Malaysia với tổng giá trị buôn bán vào 19 tỷ USD vào năm 2004. Malaysia trở thành đối tác thương mại lớn nhất trong số các nước ASEAN của

Trung Quốc. Hiện nay, Malaysia chỉ chiếm 1,3% giá trị nhập khẩu của Trung Quốc.[165, tr 1]

Là nước cuối cùng trong ASEAN thiết lập quan hệ với Trung Quốc nhưng trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Singapore đã có những bước tiến vượt bậc trong việc thắt chặt quan hệ với Trung Quốc. Tháng 9/2001, Tổng thống Singapore Nathan đã tới thăm Trung Quốc và đánh giá về quan hệ hợp tác giữa hai nước là “rất tích cực”, “rất chặt chẽ” và “đã cân bằng”. Quan hệ Singapore - Trung Quốc “đã phát triển trên nhiều bình diện khác nhau ở cấp độ lãnh đạo chính trị, cấp độ doanh nghiệp, cấp độ nhân dân với nhân dân và giữa thanh niên với nhau.”[162, tr 1] Quan hệ mậu dịch Trung Quốc - Singapore phát triển nhanh chóng trong những năm vừa qua. Singapore là đối tác mậu dịch lớn nhất của Trung Quốc ở ASEAN. Mậu dịch song phương đạt 8,154 tỷ vào năm 1998 và 8,56 tỷ vào năm 1999 và 10,821 tỷ vào năm 2000. Singapore là đối tác mậu dịch lớn thứ 7 trên thế giới của Trung Quốc, Trung Quốc là đối tác thứ 6 của Singapore. Singapore là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 5 tại Trung Quốc.[130, tr 1]

Trải qua hơn nửa thập kỷ thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ Campuchia – Trung Quốc đã trải qua nhiều thăng trầm do những biến động chính trị xã hội ở hai nước tác động. Tuy nhiên, từ đầu thập niên này đến nay, quan hệ Campuchia – Trung Quốc bước sang một giai đoạn phát triển mới trên mọi lĩnh vực từ kinh tế đến an ninh, chính trị. Năm 2000, hai nước đã thiết lập Ủy ban hợp tác kinh tế và thương mại. Năm 2002, tổng giá trị thương mại giữa hai nước đạt 270 triệu USD. Năm 2005, các công ty nhà nước và tư nhân của Trung Quốc đã đầu tư vào Campuchia 450 triệu USD, tăng 450% so với năm 2004.[53, tr 9] Hiện nay, Trung Quốc là nhà đầu tư lớn nhất tại Campuchia. Lãnh đạo hai nước hy vọng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước đạt con số 1 tỷ USD vào năm 2010. Ngoài đầu tư và thương mại, Trung Quốc cũng là quốc gia cung cấp viện trợ lớn nhất cho Campuchia. Trong chuyến thăm Campuchia vào năm 2006, Thủ tướng Ôn Gia Bảo hứa sẽ viện trợ cho Campuchia 600 triệu USD,[52, tr 6] phần lớn số tiền viện trợ này sẽ được đầu tư vào các dự án thủy điện và xây dựng đường xá, cầu cống và trụ

sở chính phủ. Quan hệ đối ngoại của hai nước được thể hiện rõ nhất qua các cuộc viếng thăm chính thức của cấp cao hai bên. Trong cuộc tiếp Ngoại trưởng Trung Quốc, Thủ tướng Campuchia đã khẳng định rằng: “Campuchia tiếp tục củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị với Trung Quốc, đây là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Campuchia”. [110, tr 1] Mới đây, trong chuyến thăm Campuchia của Ngoại trưởng Trung Quốc Dương Khiết Trì, Thủ tướng Campuchia Hun Sen đã bày tỏ: “sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc đã đóng một vai trò quan trọng giúp cho Campuchia phát triển và đảm bảo độc lập và chủ quyền dân tộc”. [110, tr 1] Ngoài các lĩnh vực nêu trên, Campuchia và Trung Quốc còn hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác, đặc biệt là an ninh quốc phòng. Trong chuyến thăm Campuchia của Thủ tướng Ôn Gia Bảo vào năm 2006, hai nước đã ký kết 11 văn kiện hợp tác trong các lĩnh vực như kinh tế, kỹ thuật, y tế, viện trợ, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia... Qua quan hệ chính trị, ngoại giao, thương mại, đầu tư và viện trợ giữa hai nước, chúng ta có thể thấy rõ Campuchia đánh giá cao quan hệ song phương Campuchia – Trung Quốc cũng như sự trỗi dậy và gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới.

Điều chỉnh và tăng cường quan hệ với Mỹ

Thái Lan là đồng minh an ninh truyền thống của Mỹ. Trong khi thi hành chính sách thân Trung Quốc, nội các Thaksin và các nội các kế nhiệm sau đó vẫn tiếp tục duy trì quan hệ với Mỹ nhằm chia sẻ những lợi ích chung về kinh tế và an ninh. Bởi vì, họ hiểu rằng việc suy giảm ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực chỉ là tạm thời. Giữa Thái Lan và Mỹ lại có lợi ích chung trong cuộc chiến chống khủng bố. Mỹ là một trong những đối tác thương mại và là nguồn FDI lớn của Thái Lan. Thái Lan đã tự chứng tỏ là một đối tác quan trọng của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương thông qua hợp tác chặt chẽ với Mỹ trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Trong quá trình hợp tác chống khủng bố, Thái Lan đã cho phép Mỹ quyền sử dụng sân bay Utapao để tiếp nhiên liệu cho máy bay chiến đấu trong cuộc chiến tại Afghanistan, căn cứ hải quân Sóng Khơ la làm căn cứ đồn trú cho lực lượng đặc nhiệm Mỹ bảo vệ các tàu chiến của Mỹ qua eo biển Malacca. Năm 2002,

Mỹ đã chuyển cho Thái Lan quyền sử dụng các kho vũ khí của Mỹ ở Thái Lan trị giá 22 triệu USD. Mỹ cũng cho Thái Lan vay hàng trăm triệu USD mua trang thiết bị quân sự hỗ trợ lực lượng đặc nhiệm 399, lực lượng an ninh nội địa..... với tư cách đồng minh ngoài NATO (từ năm 2003 Thái Lan đã gửi quân đội và hỗ trợ Mỹ trong các hoạt động quân sự tại Afghanistan và Iraq. Trong lĩnh vực kinh tế, từ tháng 6 năm 2004, hai bên đã bắt đầu đàm phán về FTA song phương. Điều này cho phép Thái Lan tham gia vào mạng lưới các thỏa thuận mậu dịch tự do giữa Mỹ và các đồng minh chính trị.

Philippin cũng như Thái Lan, là một trong những đồng minh chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á. Quan hệ giữa hai nước được đặt cơ sở trên nhiều hiệp ước, hiệp định trong đó quan trọng nhất là Hiệp ước tương trợ về an ninh ký vào năm 1951. Theo hiệp ước này, Mỹ cam kết bảo vệ Philippin trong trường hợp an ninh của nước này bị đe dọa. Để bảo vệ Philippin, Mỹ đã xây dựng trên lãnh thổ nước này hai căn cứ quân sự khổng lồ là căn cứ không quân Clac và căn cứ hải quân Xu bích. Sau sự kiện 11/9/ 2001, Mỹ cũng muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác với Đông Nam Á, biến khu vực này thành mặt trận chống khủng bố thứ hai do Mỹ lãnh đạo. Tháng 11/2001, Tổng thống Arryo và Tổng thống Bút đã hội đàm về việc quân đội Mỹ có thể giúp đào tạo quân đội và cung cấp hậu cần, tin tức tình báo và hỗ trợ về liên lạc cho Philippin trong các chiến dịch chống Nhóm khủng bố Hồi giáo Abu Sayyaf. Hai bên đã lập kế hoạch huấn luyện, cung cấp thiết bị cần thiết để tăng cường sự cơ động của AFP và lập ra cơ chế tham khảo phòng thủ song phương. Mỹ cam kết tăng viện trợ quân sự từ 1,9 triệu lên 19 triệu vào năm tài chính 2002.[96, tr 10] Hưởng ứng lời kêu gọi của Mỹ, Philippin đã gửi một quân tham gia vào các hoạt động tái thiết I rắc. Tuy nhiên, sau khi các lực lượng đối lập I rắc bắt một vài binh sỹ Philippin làm con tin và đòi chính phủ nước này rút hết quân khỏi I rắc, nếu không sẽ giết hại các binh sỹ đó, Tổng thống Arryo đã quyết định đáp ứng yêu cầu của bọn bắt cóc. Năm 2004, tất cả binh lính Philippin đã được rút khỏi I rắc. Hành động trên của chính phủ Philippin đã đẩy quan hệ của họ xuống thấp chưa từng thấy. Gần đây, trước những hoạt động mới của Trung Quốc ở biển Đông, Manila cũng đang cân

nhắc tới mối quan ngại của Oasinhton về ảnh hưởng đang gia tăng của Trung Quốc. Do phụ thuộc vào Mỹ về thương mại và quân sự, Manila sẽ phải thận trọng trong quan hệ với Mỹ, Trung Quốc và với cả Nhật. Chuyến đi thăm Mỹ của Tổng thống Arryo đầu năm 2008 là một động thái cho thấy Philíppin đang cố lấy lại cảm tình và sự ủng hộ của Mỹ đối với họ cả trong lĩnh vực an ninh lẫn kinh tế.

Indônêxia cũng thi hành chính sách tăng cường quan hệ với Trung Quốc kể từ thời Tổng thống Megawati cho đến tận ngày nay. Hai bên thường xuyên tiến hành các chuyến trao đổi cấp cao. Hai bên đã thảo luận về các vấn đề thuộc mối quan ngại chung, đặc biệt là về chủ nghĩa khủng bố. Hai bên còn trao đổi về các vấn đề khác, đặc biệt là những phát triển mới ở châu Á và tình hình Trung Đông. Tổng thống Mỹ, G. W. Bush từng tuyên bố: "... Trong việc bảo vệ tự do, thúc đẩy sự bao dung và dân chủ, Indônêxia sẽ có một đồng minh vững chắc trong chính phủ Mỹ. Các bạn sẽ có tình hữu nghị và sự tôn trọng của nhân dân Mỹ".[96, tr 5] Quan hệ Indônêxia - Mỹ tiếp tục được củng cố và phát triển sau khi ông Susilô Bambang đắc cử Tổng thống Indônêxia vào năm 2005. Theo Tổng thống G. W. Bush, "Indônêxia sẽ sớm có ghế ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc".[96, tr 5] Cùng với những phát triển mới trong quan hệ chính trị, hợp tác quân sự giữa Indônêxia và Mỹ cũng được đẩy mạnh hơn. Indônêxia đang có nhu cầu lớn về vũ khí để đối phó với các cuộc bạo loạn, các hoạt động li khai khủng bố. Trong 2008, đã có nhiều cuộc hội đàm quốc phòng giữa hai nước trong nỗ lực tăng cường hợp tác về quân sự.[143, tr 1] Washington gần như đã tăng gấp 3 lần tài chính ngoại giao quân sự (FMF) với Indônêxia. Năm 2006, tổng FMF là 990 nghìn đô la Mỹ và nhảy vọt lên 6,5 triệu đô la Mỹ trong năm 2007.[143, tr 1] Ngày 25/2/2008, trong chuyến thăm Giacácta, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates đã cam kết sẽ giúp quân đội Indônêxia tăng cường sức mạnh quốc phòng.

Malaysia là một trong những quốc gia Đông Nam Á có sự điều chỉnh chính sách ngoại giao với Mỹ rõ rệt nhất. Vào những năm 90, Malaysia thi hành chính sách "Nhìn về phương Đông", thiết lập quan hệ với Trung Quốc, đẩy mạnh quan hệ với Nhật Bản. Chính sách đó của Malaysia khiến cho quan hệ của họ với Mỹ và EU

luôn căng thẳng. Tuy nhiên, trước những biến đổi địa - chính trị trong thập niên đầu thế kỷ XXI, Malaysia đã nhận thấy vai trò không thể thiếu của Mỹ và tầm quan trọng của quan hệ ASEAN – Mỹ đối với hoà bình và phát triển của Đông Nam Á. Với mục đích thúc đẩy quan hệ ASEAN- Mỹ, vào năm 2005, Thủ tướng Malaysia đã đưa ra 3 đề nghị:

- Trước hết và quan trọng nhất Mỹ cần thừa nhận sự đa dạng về văn hoá giữa các nước ASEAN. Các nước này cũng khác nhau về trình độ phát triển kinh tế, xã hội và chính trị. ASEAN luôn luôn thực hiện cách tiếp cận từng bước và vận động phù hợp với tất cả.
- Mỹ đừng như chỉ quan tâm thúc đẩy theo hướng các FTA song phương thay vì liên kết ASEAN như một nhóm trong vấn đề này.
- Thừa nhận TAC. Bước tiến này có thể được xem như tượng trưng cho cam kết chính trị đối với khu vực của Mỹ.

Cùng với những đề nghị trên, Thủ tướng Badawi còn đề ra những biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy quan hệ ASEAN – Mỹ. Với quan điểm tích cực về vai trò của Mỹ trong khu vực, Malaysia đã thúc đẩy quan hệ song phương với Mỹ. Những lời mạt sát Mỹ đã giảm xuống. Thủ tướng Badawi đã tới thăm Mỹ, điều mà người tiền nhiệm của ông không nghĩ tới. Hoa kỳ đang là một trong những đối tác mậu dịch và đầu tư hàng đầu của Malaysia.

Đánh giá về quan hệ với Singapore, tại Hội nghị hàng năm của Viện nghiên cứu Chiến lược quốc tế ở Singapore (gọi là Đối thoại Shangri- La), tổ chức vào tháng 6/2004, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld đã gọi Singapore là “những người bạn kiên định” của Mỹ trong bối cảnh đối phó với chủ nghĩa khủng bố và thách thức khác. Mỹ xem Singapore là đối tác có tính sống còn ở Đông Nam Á. Quan hệ với Singapore là một quan hệ thực chất và đa diện nhất mà Mỹ có ở Đông Nam Á. Ngược lại, Singapore rất coi trọng sự hiện diện của Mỹ trong khu vực và tầm quan trọng của Mỹ đối với an ninh và phát triển của Singapore, đặc biệt, trong bối cảnh của những năm đầu thế kỷ XXI với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc cực đoan của một số nhà lãnh đạo Malaysia.

Do vậy, thúc đẩy quan hệ hợp tác với Mỹ luôn luôn là một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Singapore. Về chính trị, các cuộc trao đổi cấp cao giữa hai nước diễn ra thường xuyên. Singapore đã ủng hộ Mỹ xâm chiếm Irắc, cho phép các lực lượng Mỹ quá cảnh qua Singapore trên đường tới Ápganittăng và Irắc. Singapore cũng đóng góp nhất định cho chiến tranh ở Irắc, trong đó có huấn luyện cảnh sát, máy bay vận tải... Năm 2003, Singapore cũng đồng ý tham gia vào liên minh không chính thức hỗ trợ cho Sáng kiến an ninh về phổ biến (PSI) của Mỹ, được thiết kế để chặn trước việc vận chuyển nguyên liệu hạt nhân. Cũng trong năm đó, Singapore ký một Hiệp định về dịch vụ hải quan với Mỹ, được gọi là Sáng kiến an ninh Côngtơng, cho phép Mỹ kiểm tra trước các tàu chở hàng tới Mỹ. Trong năm 2004, Singapore và Mỹ tiếp tục đàm phán về Hiệp định khung Chiến lược Singapore – Mỹ, trong đó xác định rõ hơn các mối quan hệ quân sự và an ninh. Trong lĩnh vực quân sự, Singapore mua hầu hết thiết bị phòng thủ từ Mỹ. Dù thắt chặt quan hệ quân sự với Mỹ nhưng Singapore không trở thành đồng minh chính thức của Mỹ do cân nhắc tới các nước láng giềng liền kề. Việc liên minh với Mỹ có thể bị coi là mối đe dọa đối với Malaysia và Indônêxia. Singapore cũng ý thức được vấn đề nội bộ có thể nảy sinh từ quan hệ liên minh với Mỹ. Trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, quan hệ Singapore- Mỹ cũng rất phát triển. Năm 2003, Mỹ và Singapore đã ký Hiệp định Khu mậu dịch tự do Singapore- Mỹ (USSFTA). Đó là FTA đầu tiên Mỹ ký với một nước châu Á. Buôn bán hai chiều Singapore – Mỹ năm 2002 đạt 31 tỷ đô la Mỹ, trong đó Mỹ xuất khẩu 12 tỷ, như vậy thặng dư thuộc về Singapore. Tổng số vốn đầu tư của Mỹ ở Singapore là 25 tỷ.[99, tr 1] Singapore là trụ sở tự nhiên để các công ty Mỹ tìm cách bước vào thị trường khu vực.

Thúc đẩy quan hệ với Nhật Bản

Không chịu dừng chân ở vị thế người khổng lồ về kinh tế, Nhật Bản ngày càng nỗ lực khẳng định vị thế của mình trên vũ đài chính trị thế giới. Khu vực sân nhà, Châu Á, Đông Nam Á chính là điểm quan trọng nhất của nước này trên con đường thiết lập ảnh hưởng của mình nhằm củng cố sức mạnh chính trị của mình. Cùng với Mỹ và Trung Quốc, Nhật Bản là quốc gia đang có cạnh tranh ảnh hưởng

gay gắt nhất ở Đông Nam Á. Sự đe dọa về chính trị và quân sự của quốc gia này so với Trung Quốc và Mỹ thực sự không phải là mối bận tâm của các nước ASEAN. Tuy nhiên, những lợi ích về kinh tế, thương mại mà quốc gia này mang lại cho các quốc gia Đông Nam Á lại là một cơ hội không thể bỏ qua. Nhận thức được những lợi ích có được từ mối quan hệ với Nhật Bản, các quốc gia Đông Nam Á đều tăng cường thúc đẩy quan hệ ngoại giao với Nhật Bản trên mọi lĩnh vực.

Một trong những quốc gia rất coi trọng quan hệ với Nhật Bản là Indônêxia. Quan hệ chính trị của hai nước được thắt chặt thông qua các cuộc trao đổi cấp cao thường xuyên được diễn ra. Trong vòng 9 năm, từ 1998 tới 2007, các Tổng thống kế tiếp nhau ở Indônêxia đã 7 lần đi thăm Nhật.⁵ Về phía Nhật, các chuyến thăm của Thủ tướng tới Indônêxia cũng lên tới 7 lần trong cùng thời kỳ. Trên cơ sở phát triển của quan hệ chính trị, hai bên đã ra Tuyên bố chung về “Quan hệ đối tác chiến lược vì tương lai hoà bình và thịnh vượng”. Trong bản Tuyên bố chung trên, hai bên đã nhìn lại những tiến bộ trong quan hệ hợp tác giữa hai bên từ năm 2005 và đề ra các phương hướng hợp tác mới trong khuôn khổ của Quan hệ đối tác chiến lược. Trong lĩnh vực an ninh, Indônêxia và Nhật Bản đã hợp tác chặt chẽ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Cơ sở của sự hợp tác này là Tuyên bố chung Nhật Bản –Indônêxia về cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, được công bố tại Tokyo ngày 24/6/ 2003. Hai nước tái khẳng định tầm quan trọng của việc tiếp tục thúc đẩy sự bao dung và hiểu biết giữa các dân tộc, các nền văn hoá và văn minh; cam kết thúc đẩy hợp tác với nhau trong các diễn đàn đa phương như ASEAN + 3, ARF, APEC... Trong lĩnh vực kinh tế, Nhật Bản và Indônêxia là những đối tác quan trọng của nhau. Nhật Bản là đối tác mậu dịch lớn nhất của Indônêxia cả về xuất khẩu (19,06%) cả về nhập khẩu (13,07%) vào năm 2004.[118, tr 1] Năm 2007, Indônêxia đã xuất khẩu hàng hoá trị giá 23,6 tỷ đô la sang Nhật, trong khi Nhật nhập khẩu của Indônêxia trị giá 6,5 tỷ . Tổng giá trị buôn bán giữa hai nước là 30,1 tỷ đô la Mỹ.[72, tr 4] Nhật Bản cũng là nước cung cấp ODA lớn

⁵ Tổng thống Wahid đi thăm Nhật trong các năm 1999-2000; Trong 4 năm cầm quyền, Tổng thống Megawati thăm Nhật 3 lần trong các năm 2001 và 2003; Tổng thống Susilo Bambang thăm Nhật vào năm 2005, 2006.

nhất cho Indônêxia. Trong thời gian năm tài chính 1996-2005, Nhật Bản đã cho Indônêxia vay tổng số tiền là 16,3 tỷ đô la Mỹ. Viện trợ không hoàn lại của Nhật cho Indônêxia trong khoảng thời gian trên lên tới 1,7 tỷ đô la Mỹ. Viện trợ kỹ thuật là 28,8 tỷ đô la Mỹ.[72, tr 4] Về phần mình, Indônêxia là nguồn cung cấp năng lượng quan trọng cho Nhật. Vào tháng 6/ 2005, tại Tokyo, Thủ tướng Nhật Bản và Tổng thống Indônêxia đã ra Tuyên bố bắt đầu thương lượng về “Hiệp định Quan hệ đối tác kinh tế Indônêxia- Nhật” (JIEPA). Quan hệ đối tác kinh tế bao trùm lên lĩnh vực môi trường, y tế, mậu dịch tự do và mở đường cho đầu tư.

Tăng cường quan hệ với Nhật Bản cũng là một trong những chính sách quan trọng của Thái Lan, ngay cả khi quan hệ Trung – Nhật căng thẳng. Các thủ tướng và Hoàng gia hai nước thường xuyên tiến hành thăm lẫn nhau. Trong 6 năm, ông Thaksin đã 5 lần tiến hành chuyến thăm cấp cao tới Nhật. Những chuyến thăm liên tục và thường xuyên của Thủ tướng Thái Lan cho thấy tầm quan trọng mà nước này gán cho quan hệ Thái Lan – Nhật bản. Vua, Hoàng hậu và các thành viên của Hoàng gia Nhật cũng thường xuyên thăm Thái Lan và gặp gỡ Hoàng gia Thái. Quan hệ kinh tế giữa hai nước cũng tiếp tục phát triển. Về thương mại năm 2007, Thái lan xuất sang Nhật khối lượng hàng hóa trị giá 17,98 tỷ USD. Nhập khẩu từ Nhật trị giá 23,87 tỷ USD. Trong buôn bán với Nhật, Thái lan luôn bị thâm hụt trong các năm 2005, 2006, 2007 lần lượt là 10.94, 9.28, và 10.41 tỷ USD.[138, tr 1] Về đầu tư, đầu tư của Nhật ở Thái Lan chiếm 1,2% tổng đầu tư ra nước ngoài của Nhật trong năm 2008 và đứng thứ tư ở châu Á sau đầu tư vào Trung Quốc, Singapore và Indônêxia. Năm 2006, tổng số dự án đầu tư được phê chuẩn của Nhật ở Thái Lan là 353 dự án với tổng số vốn lên tới 1.152.000 triệu бат; các con số tương ứng của năm 2007 là 330 dự án và 1.643.000 triệu бат. [138, tr 1] Viện trợ phát triển của Nhật Bản cho Thái Lan chiếm khoảng 80% của các nước thành viên Ủy ban Viện trợ phát triển (DAC).[138, tr 1]

Nhật Bản là đối tác truyền thống của Philippin. Quan hệ giữa hai nước được xây dựng trên cơ sở Hiệp ước hoà bình với Nhật Bản và Hiệp định bồi thường giữa Nhật Bản và Cộng hoà Philippin ký tháng 6 năm 1956. Trước những biến đổi địa –

chính trị và trật tự quyền lực ở Đông Nam Á những năm đầu thế kỷ XXI, Philippin càng nhận thấy tầm quan của Nhật Bản và quan hệ hợp tác với Nhật Bản..

Các nhà lãnh đạo , các quan chức cao cấp hai nước thường xuyên tiến hành các chuyến trao đổi. Trong chuyến thăm vào tháng 12/2006, hai bên đã ra tuyên bố chung : “Quan hệ đối tác giữa các nước láng giềng gần gũi vì hợp tác toàn diện”. Chỉ trong vòng 6 năm từ 2001- 2007, Tổng thống Arroyo đã tiến hành 5 chuyến thăm tới Nhật Bản (2001,2002, 2003, 2004, 2007). Hai bên ra Tuyên bố chung: “Củng cố quan hệ đối tác chiến lược vì tương lai giữa các nước láng giềng gần gũi”. Trong bản tuyên bố trên, hai bên bày tỏ quyết tâm thúc đẩy hợp tác để tăng cường hơn nữa quan hệ kinh tế và vượt qua cuộc khủng hoảng hiện nay thông qua việc sử dụng khuôn khổ JPEPA, đặc biệt là khuyến khích đầu tư từ Nhật Bản tới Philippin. Chuyến thăm Nhật Bản của Tổng thống Arroyo đánh dấu một sự điều chỉnh đáng chú ý trong chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Philippin. Trong giai đoạn căng thẳng Trung - Nhật (2005-2006), bà Arroyo đã không tiến hành chuyến thăm nào tới Nhật Bản. Động thái này có thể là do Philippin không muốn làm Trung Quốc phật ý, nhất là trong khi quan hệ giữa hai bên đang trong “thời kỳ vàng”.[173, tr 1] Chỉ khi quan hệ giữa hai nước có dấu hiệu đi xuống do những sức ép bên trong Philippin, Tổng thống nước này mới khởi động lại một cách mạnh mẽ quan hệ với Nhật Bản. Cử chỉ này phải chăng còn là một thông điệp mà Manila muốn gửi tới Oasinhton nhằm cải thiện quan hệ, vốn đang bị đóng băng sau quyết định rút quân đội Philippin khỏi Iraq hồi 2004? Trong lĩnh vực kinh tế, quan hệ Philippin – Nhật Bản cũng có những bước tiến có tính đột phá. Tháng 12/2006, Philippin và Nhật ký Hiệp định quan hệ đối tác kinh tế. Nhật Bản là đối tác mậu dịch lớn nhất của Philippin. Vào năm 2006, Philippin xuất sang Nhật Bản một khối hàng hoá trị giá 925,7 tỷ yên và nhập khẩu từ Nhật Bản 1.047,9 tỷ yên. Philippin là địa điểm đầu tư lớn thứ hai của Nhật Bản sau Mỹ. Đầu tư trực tiếp của Nhật Bản ở Philippin vào năm 2005 được Cơ quan đầu tư Philippin phê chuẩn là 11,6 tỷ Peso. Ngoài ra Cơ quan Khu vực kinh tế Philippin còn phê chuẩn 15,7 tỷ peso FDI từ Nhật Bản.[178, tr 1] Về hợp tác kinh tế, tính tới 2005, Nhật Bản đã cho Philippin vay 2.032,67 tỷ

Yên. Tài trợ không hoàn lại tính tới năm 2005 là 249,1 tỷ Yên[178, tr 1]. Hiện nay chính phủ Philippin đang dự kiến bán trái phiếu tại Nhật Bản với giá trị khoảng 1 tỷ đô la gọi là Trái phiếu Samurai để giải quyết khó khăn về ngân sách.[178, tr 1]

“Chính sách nhìn về phương Đông đã đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Malaysia”. [133, tr 1] Do vậy, quan hệ với Nhật Bản vẫn là một ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại của nước này. Các nhà lãnh đạo hai nước vẫn liên tục tiến hành các chuyến thăm lẫn nhau. Năm 2007, hai bên đã ra tuyên bố chung trong đó bày tỏ “quyết tâm xây dựng quan hệ hợp tác mới để cùng đối phó với những vấn đề mà cộng đồng khu vực và quốc tế đang đối diện, đồng thời thúc đẩy hơn nữa hợp tác về phát triển nguồn nhân lực và các quan hệ kinh tế mật thiết hơn, vốn đã tạo nền tảng cho quan hệ Malaysia – Nhật Bản”. [133, tr 1] Để đạt được mục đích này, hai nhà lãnh đạo đã bày tỏ sẵn sàng thúc đẩy hơn nữa hợp tác trong 5 lĩnh vực đặc biệt dưới ngọn cờ “Tình hữu nghị lâu dài và quan hệ đối tác sâu rộng hướng tới tương lai chung”. Về chính trị - an ninh, Malaysia và Nhật Bản sẽ tăng cường hợp tác để: (1)Thúc đẩy hội nhập ASEAN và hợp tác khu vực. (2) Thiết lập hoà bình ở Mindanao. (3) Hợp tác liên quan tới giữ gìn hoà bình. (4) Đảm bảo an toàn và an ninh hàng hải. (5) Hợp tác chống khủng bố. Trong lĩnh vực kinh tế, hai bên thúc đẩy việc thực hiện Hiệp định quan hệ đối tác kinh tế Nhật Bản - Malaysia. Hai bên bày tỏ mong muốn sớm ký kết Hiệp định quan hệ đối tác toàn diện ASEAN - Nhật Bản và thúc đẩy hợp tác nghiên cứu về Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện Đông Á (CEPEA), lập Viện nghiên cứu kinh tế ASEAN và Đông Á (ERIA). Đối với vấn đề Bắc Triều tiên, hai bên cho rằng Bắc Triều tiên phải tiếp tục các hoạt động hướng tới phi hạt nhân hoá bán đảo Triều tiên, khẩn trương thực hiện Tuyên bố chung 19/9/2005 và Các hoạt động bước đầu để thực hiện Tuyên bố chung, ngày 13/2/2007 của Vòng Đàm phán 6 bên. Tuyên bố chung Malaysia - Nhật Bản tháng 8/2007 đã thúc đẩy quan hệ hợp tác truyền thống và mở ra triển vọng hợp tác chặt chẽ hơn giữa hai nước trong thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI. Từ năm 2000, Nhật Bản là 3 nước đầu tư hàng đầu vào nền kinh tế Malaysia. Trong năm 2006 và 2007, Nhật Bản đã vươn lên vị trí thứ nhất. Tính tới tháng 10/2007, đầu tư của Nhật Bản

được Cơ quan phát triển công nghiệp Malaysia (MIDA) phê chuẩn là 1,75 tỷ đô la Mỹ, tăng 39 % so với 2006. Các sự án đầu tư của Nhật được MIDA phê chuẩn chiếm 20% tổng đầu tư vào khu vực chế tạo của Malaysia. Hiện có 1.400 công ty Nhật đang kinh doanh ở Malaysia. Về quan hệ mậu dịch song phương, Nhật Bản là đối tác mậu dịch lớn thứ ba của Malaysia. Quan hệ buôn bán hai chiều chiếm 10% tổng buôn bán của Malaysia. Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Malaysia.[135, tr 1]

Vốn có quan hệ truyền thống lâu đời, sự tôn trọng lẫn nhau và những lợi ích chung trong hoà bình và phát triển đã là những nhân tố quan trọng tạo nên xung lực cho sự phát triển quan hệ giữa Singapore và Nhật Bản trong những năm đầu thế kỷ XXI. Về quan hệ chính trị - ngoại giao, hai bên thường xuyên tiến hành các chuyến thăm cấp cao. Trong các chuyến thăm trên, các nhà lãnh đạo, các quan chức Nhật Bản và Singapore đã thoả luận về những vấn đề khu vực và quốc tế hai bên cùng quan tâm và ký kết các hiệp định hợp tác song phương. Đối với Singapore, Nhật Bản là một đối tác kinh tế lớn. Một điểm đáng chú ý là các công ty đa quốc gia của Nhật đặt ở Singapore để sản xuất hàng hoá xuất khẩu sang thị trường Mỹ và các nước thứ ba, vì họ tìm thấy lợi trong FTA Mỹ – Singapore. Mức độ tương hợp giữa hai nước tốt đến mức Singapore đã trở thành nước đầu tiên được Nhật Bản đàm phán FTA gọi là Hiệp định đối tác kinh tế Nhật Bản –Singapore (JSEPA) vào tháng 11/2002. Trong quan hệ an ninh, Singapore ủng hộ Hiệp ước an ninh Nhật- Mỹ và sự đóng góp tích cực của nó đối với an ninh khu vực. Hai nước hợp tác chặt chẽ trong việc kiểm soát cướp biển ở eo biển Singapore. Singapore chấp nhận dần và ngày càng tăng vai trò của an ninh của Nhật Bản trong khu vực. Singapore không phản đối tàu chiến Nhật có mặt ở Ấn Độ dương để ủng hộ các hoạt động tác chiến của Mỹ ở Áp-ga-nít-xtăng trong năm 2002. Nhật Bản tìm thấy ở Singapore một đối tác tốt để đề xuất một số kiến. Về quan hệ kinh tế, năm 2006, xuất khẩu của Singapore sang Nhật Bản đạt 870 triệu Yên , trong khi đó nhập khẩu từ Nhật là 2.502 triệu Yên[75, tr 5]. Nhật là đối tác mậu dịch lớn thứ ba và là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ hai của Singapore với tổng số vốn là 375 triệu đô la Mỹ vào năm

2006. Đầu tư của Singapore vào nền kinh tế Nhật Bản cùng thời gian trên là 1,062 tỷ đô la Mỹ.[75, tr 10]

Là nước thực hiện chính sách “Một Trung Quốc” một cách triệt để nhất trong số các nước Đông Nam Á, Campuchia vẫn rất coi trọng Nhật Bản và quan hệ với Nhật Bản. Hai nước đã thường xuyên trao đổi các chuyến thăm cấp cao. Trong “Tuyên bố chung về Quan hệ Đối tác Mới giữa Campuchia và Nhật Bản” (được ký kết trong chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Hun Sen (6/2007), hai bên tái khẳng định quan hệ chặt chẽ giữa Nhật Bản và Campuchia và cho rằng quan hệ đối tác giữa hai nước đã bước vào một giai đoạn mới. Campuchia cũng tích cực ủng hộ đối với sự phục hồi kinh tế và tham vọng chính trị của Nhật Bản. Trong bản Tuyên bố chung trên “Campuchia đánh giá cao vai trò tích cực của Nhật Bản trong việc thực hiện hòa bình và thịnh vượng trên toàn thế giới... bao gồm việc ủng hộ UNTAC trong việc gìn giữ hòa bình ở Campuchia” và “Nhật Bản đánh giá cao sự ủng hộ của Campuchia đối với việc Nhật Bản trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc”. Cũng về những vấn đề toàn cầu mà Nhật Bản tham gia, “Campuchia tán dương Nhật Bản về sáng kiến trong việc thúc đẩy an ninh con người bằng việc đi đầu trong việc giải quyết những vấn đề xuyên biên giới như nghèo đói, bệnh truyền nhiễm, môi trường, xây dựng hòa bình, giải giáp vũ khí, buôn người” và “Campuchia đánh giá cao đề nghị gần đây của Nhật Bản về thay đổi khí hậu”. Mọi quan hệ Nhật Bản - Campuchia được thể hiện trong nhiều mặt kinh tế, văn hoá, xã hội nhưng có thể nói quan hệ kinh tế vẫn là quan trọng nhất. Nhật Bản cũng là nước cung cấp viện trợ rất lớn cho Campuchia, viện trợ của Nhật Bản cho Campuchia thông qua hai kênh song phương (viện trợ trực tiếp cho Campuchia) và đa phương (thông qua các dự án tiểu khu vực như GMS, Tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam). Để cung cấp viện trợ cho Campuchia một cách có hiệu quả, Nhật Bản đã đưa ra “Chính sách viện trợ của Nhật Bản cho Campuchia” với những nội dung cụ thể về tầm quan trọng của viện trợ của Nhật Bản cho Campuchia; định hướng viện trợ; những lĩnh vực ưu tiên và chính sách cho từng lĩnh vực cụ thể... Chỉ tính trong giai đoạn 1992-2006, Nhật Bản đã viện trợ cho

Campuchia 115,5 tỷ Yên, cũng trong giai đoạn này Nhật Bản cho Campuchia vay tổng số tiền là 16 tỷ Yên.[200, tr 1] Về quan hệ mậu dịch, tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước năm 2006 đạt 23,5 tỷ Yên. Đặc biệt, trong chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Hun Sen vào tháng 6 năm 2007, hai nước đã ký kết Hiệp định Tự do hóa, xúc tiến và bảo hộ đầu tư, Hiệp định này có hiệu lực kể từ tháng 7/2008. Về mặt chính trị, Nhật Bản cũng có vai trò đáng kể ở Campuchia. Mới đây nhất, Nhật Bản đã cử một phái đoàn 25 người đến giám sát cuộc bầu cử Quốc hội ở Campuchia vào ngày 27/7/2008.[200, tr 1] Quan hệ Campuchia – Nhật Bản đã được nâng lên một tầm cao mới khi hai nước ra Tuyên bố chung về Quan hệ đối tác mới vào năm 2007 nhân chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Thủ tướng Campuchia Hun Sen.

Tiểu kết

Trước sự trỗi dậy ngày càng mạnh mẽ của Trung Quốc, trong bối cảnh quốc tế phức tạp với nhiều nguy cơ tiềm tàng đe dọa an ninh khu vực cũng như nhiều cơ hội cho sự phát triển kinh tế của các quốc gia đang phát triển, ASEAN và các nước thành viên trong thập kỷ vừa qua thực sự đã nỗ lực đưa ra đối sách của quốc gia mình nhằm tận dụng được những cơ hội cũng như hạn chế tối đa những thách thức từ sự trỗi dậy của cường quốc này.

Với tư cách một tổ chức hợp tác khu vực, ASEAN đã chủ trương thiết lập quan hệ cân bằng với tất cả các nước lớn, nhằm tạo ra sự cân bằng ảnh hưởng của các quốc gia này đối với khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc, Mỹ hay Nhật Bản không thể vượt mặt nhau để độc chiếm Đông Nam Á, coi Đông Nam Á là sân sau của mình. Đồng thời, ASEAN cũng tìm cách kiềm chế tham vọng của các nước đó trong các khuôn khổ khu vực do ASEAN lập ra và đóng vai trò chèo lái. Cùng với các hoạt động trên, Hiệp hội này và các thành viên của nó còn nỗ lực thúc đẩy quá trình liên kết khu vực nhằm nâng cao sức đề kháng khu vực và sức đề kháng quốc gia, coi đó như giải pháp cơ bản nhất để đảm bảo an ninh cho Đông Nam Á.

Phản ứng của các nước thành viên ASEAN về cơ bản cũng tương tự như phản ứng chính sách chung của Hiệp hội. Tuy nhiên, giữa các nước ít nhiều có sự khác nhau trong quan hệ với các nước lớn. Thái Lan dưới thời Thaksin và các Thủ

tướng kế nhiệm đã tỏ ra ưu tiên quan hệ với Trung Quốc hơn. Chính sách thân Trung Quốc là một trong những nguyên nhân chính khiến các lực lượng chính trị đối lập ở Thái Lan lật đổ Thaksin và những thủ tướng kế nhiệm có cùng quan điểm chính trị. Chính phủ mới ở Thái Lan do Đảng Dân chủ thân Mỹ đóng vai trò chủ chốt đang điều chỉnh chính sách đối ngoại của nước này. Nhưng dù điều chỉnh thế nào, Thái Lan cũng không thể coi nhẹ quan hệ với Trung Quốc. Bởi vì, Băng cốc đang thu lợi từ quan hệ kinh tế với Bắc kinh. Hơn nữa, chìa khóa an ninh nội địa của Thái Lan hiện nay vẫn nằm trong tay Trung Quốc. Nếu Băng cốc chuyển sang chính sách thù địch với Trung Quốc, Bắc kinh có thể sử dụng các công cụ sẵn có của họ ở nước này (các lực lượng chính trị có lợi ích trong quan hệ với Trung Quốc, cộng đồng người Hoa thân Đại lục...) để gây nên các vấn đề bên trong Thái Lan.

Trong khi triệt để khai thác các cơ hội từ sự phát triển kinh tế của Trung Quốc, Singapore dành ưu tiên cho quan hệ chính trị - an ninh với Mỹ. Về cơ bản, Philippin thi hành chính sách thân Mỹ. Tuy nhiên, khi Mỹ trả đũa Philippin vì nước này rút quân khỏi I rắc để xoa dịu sự phản đối của dư luận trong nước vì chính sách theo đuôi Mỹ, Manila đã ngả sang Trung Quốc. Sự xích lại gần Trung Quốc trong các năm 2004-2008 không có nghĩa là Manila quyết định đi vào quỹ đạo của Bắc kinh. Những cử chỉ này chỉ nhằm khai thác những lợi ích từ quan hệ kinh tế với Trung Quốc và buộc Mỹ phải hòa giải quan hệ với họ. Ấn Độ và Malaysia coi trọng quan hệ với Trung Quốc, nhưng không để mối quan hệ này lấn át quan hệ với các cường quốc khác.

Các nước thành viên mới, đặc biệt là Mianma coi Trung Quốc là chỗ dựa về an ninh và kinh tế. Nhìn bề ngoài, có vẻ như Campuchia đang thi hành chính sách thân Trung Quốc, nhưng trong thực chất, chính sách của Campuchia là cân bằng ảnh hưởng và quyền lợi giữa các nước lớn ở nước họ cũng như ở Đông Nam Á.

Mặc dù các nước thành viên cũ của ASEAN vẫn coi trọng và thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc, nhưng có dấu hiệu cho thấy nhiệt tình của họ đối với Trung Quốc nói chung, với ACFTA nói riêng, đang giảm xuống. Thực tế này không hoàn

toàn do các nước trên đang nhận thấy những thua thiệt của họ sau khi ACFTA chính thức có hiệu lực mà còn do tác động của sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với khu vực. Khi Mỹ hướng sự quan tâm đặc biệt tới Đông Nam Á thì ngay lập tức, các nước ASEAN cũng có những thay đổi trong chiến lược ngoại giao với Trung Quốc. Đông Nam Á giờ đây hoàn toàn có quyền lựa chọn “bạn chơi” với ưu thế của một khu vực đang được quan tâm bởi hai cường quốc lớn trên thế giới.

Dù thân Trung Quốc hay thân Mỹ, tất cả các nước thành viên ASEAN đều coi trọng vai trò của Nhật Bản và Ấn Độ trong khu vực. Các nước này đều công khai ủng hộ Nhật Bản trở thành ủy viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và khuyến khích Ấn Độ tăng cường sự hiện diện về kinh tế trong khu vực.

Chương 3: TÁC ĐỘNG CỦA PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH CỦA ASEAN TRƯỚC SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC

3.1 Thúc đẩy Trung Quốc điều chỉnh chính sách đối với ASEAN

Trước những phản ứng chính sách của ASEAN, đặc biệt là việc tăng cường quan hệ với Mỹ, đối thủ cạnh tranh số một của Trung Quốc ở Đông Nam Á cũng như trên trường quốc tế và các nước lớn khác, Trung Quốc đã buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại đối với ASEAN nhằm giữ được vai trò ảnh hưởng của mình tại khu vực có vị trí địa - chính trị quan trọng này. Những điều chỉnh đó được thực hiện qua các hoạt động sau:

3.1.1 Thỏa hiệp với một số yêu cầu của ASEAN

3.1.1.1. Về kinh tế:

Từ khi Mỹ chính thức trở lại Đông Nam Á với những thay đổi to lớn trong chính sách đối ngoại nhằm “lấy lòng” các nước ASEAN để gia tăng ảnh hưởng tại khu vực này, Trung Quốc đã gặp phải rất nhiều bất lợi. Đặc biệt, gần đây, khi khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc cho thấy một số tác động tiêu cực đối với kinh tế và thương mại của một số nước ASEAN, đặc biệt là Indônêsiá., các lực lượng thân Mỹ ở các nước đã tìm cách thổi phồng những tác động tiêu cực đó nhằm chống lại chính sách thân thiện và hợp tác với Trung Quốc của chính phủ nước họ đồng thời làm suy giảm uy tín và ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á.

Để đối phó với tình hình này và giữ vững ảnh hưởng của mình trong khu vực, Trung Quốc đã buộc phải tiến hành một số biện pháp làm giảm những tác động tiêu cực từ ACFTA. Một trong những biện pháp đó là tăng cường đầu tư trực tiếp vào các nền kinh tế ASEAN.

Trước năm 2003, FDI từ Trung Quốc vào ASEAN hầu như chưa đáng kể, nhưng từ năm 2003 đến nay, Trung Quốc tăng mạnh đầu tư vào ASEAN. Đến cuối năm 2006, tổng số FDI từ Trung Quốc vào ASEAN đạt 11,8 tỷ USD.[56, tr 7]

Riêng năm 2010, FDI của Trung Quốc vào ASEAN đã lên tới 2,57 tỷ USD. [201, tr 1]

Tháng 3/2009, các Bộ trưởng Tài chính ASEAN cùng Trung Quốc, Nhật và Hàn Quốc đã đạt được thoả thuận lập Kho dự trữ ngoại tệ khu vực 120 tỷ đô la (Trung Quốc và Nhật mỗi nước sẽ đóng góp 38,4 tỷ, Hàn Quốc 19,2 tỷ, phần còn lại do ASEAN đóng góp) nhằm hỗ trợ các nước trong khu vực đối phó với khó khăn về thiếu tiền mặt. Ngày 15/8/2009, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định về Đầu tư nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư từ các nước thuộc khu vực, và tiến tới thực hiện tự do hóa đầu tư giữa hai bên trong tương lai.[121, tr 1]

Trung Quốc cũng tham gia tích cực hơn vào Hợp tác tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) bằng việc đầu tư nhiều vào các dự án cơ sở hạ tầng, nhất là ở thượng nguồn sông Mê-kông, chủ động và tích cực thúc đẩy triển khai Hành lang Bắc-Nam và hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng. Hội nghị cấp cao các nước tiểu vùng lần thứ 4 được tổ chức tháng 11/2011 tại Mianma đã thông qua "Khung chiến lược thập kỷ mới hợp tác kinh tế Tiểu vùng Mê-công mở rộng giai đoạn 2012-2022". Ông Vương Ngọc Chủ, Chủ nhiệm Phòng Nghiên cứu Hợp tác khu vực Viện châu Á- Thái Bình Dương thuộc Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc cho rằng, "Khung chiến lược" đã nói lên ý tưởng tham gia hợp tác của Trung Quốc. Ông nói: "Trước hết, Trung Quốc luôn dốc sức cho tiến trình nhất thể hoá Tiểu vùng...".[147, tr 1] Mới đây, khi trả lời phỏng vấn của phóng viên Tân Hoa xã, Bộ trưởng Tài chính Trung Quốc Tạ Húc Nhân bày tỏ, Trung Quốc nguyện cùng các bên phối hợp thúc đẩy tiến trình nhất thể hóa Tiểu vùng, thúc đẩy phát triển và phồn vinh khu vực trong "Khung Chiến lược hợp tác mới GMS giai đoạn 2012 - 2022".[178, tr 1]

Trung Quốc tuyên bố dành 15 tỷ USD cho Quỹ ASEAN - Trung Quốc để hỗ trợ các dự án hợp tác kinh tế giữa hai bên, đặc biệt là các dự án phát triển các cơ sở hạ tầng về giao thông và viễn thông kết nối Trung Quốc với các nước ASEAN. Việc tăng cường hợp tác tiểu vùng có ý nghĩa quan trọng kết nối các nước trong khu vực

với nhau, khai thác các nguồn lực và khả năng của các vùng miền để phát triển, đặc biệt, hỗ trợ đắc lực việc thực hiện ACFTA.

Các nghiên cứu phân tích chỉ ra rằng Trung Quốc đang trở thành nhà cung cấp viện trợ lớn ở Đông Nam á. Tại khu vực này, tổng số viện trợ của Trung Quốc đã vượt Hoa Kỳ. Thí dụ, năm Năm 2006, viện trợ của Trung Quốc cho Philíppin đã gấp 4 lần của Mỹ dành cho nước này. Dựa vào sức mạnh của một cường quốc kinh tế mới nổi, lợi dụng tối đa xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra, việc cung cấp cho ASEAN hàng loạt viện trợ kinh tế đã khiến cho các nước này giảm bớt sự phụ thuộc quá sâu vào Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Cùng với việc tăng cường đầu tư vào ASEAN, Trung Quốc cũng thực hiện nhiều hoạt động khác mang tính nhượng bộ đối với khu vực này. Điều này được thể hiện rõ trong việc đề xuất ý tưởng xây dựng Khu mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc. Ý tưởng trên đã được ASEAN chấp nhận và được chính thức công bố trong Tuyên bố chung về Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN- Trung Quốc ký tại Campuchia tháng 11/2002.

Điểm nổi bật trong dự án xây dựng ACFTA là Trung Quốc đã nhượng bộ tối đa, đưa ra những nhượng bộ hấp dẫn chưa từng có để các nước ASEAN dễ chấp nhận. Trong Tuyên bố chung, Trung Quốc đã chủ động lập ra “ Chương trình Thu hoạch sớm (Early Harvest Program) để cắt giảm thuế ngay từ 1/1/ 2004) đối với những mặt hàng nông phẩm, vốn là thế mạnh của đa số các nước thành viên ASEAN 6. . Trong EHP, Trung Quốc cũng tuyên bố dành sự đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) cho cả các nước thành viên ASEAN chưa gia nhập WTO, trì hoãn nghĩa vụ thực hiện AC FTA đối với các thành viên mới, viện trợ 5 triệu USD cho chương trình phát triển lưu vực sông Mê Kông, phụ đảm 1/3 phí tổn xây đường cao tốc nối Côn Minh với Bangkok. Tóm lại, Trung Quốc đơn phương mở cửa thị trường trước cho hàng hoá của ASEAN và chịu phụ đảm nhiều hơn cho các chương trình xây dựng hạ tầng kinh tế khu vực.[193, tr 1]

Có thể thấy, để đạt được cái lợi trong chính trị Trung Quốc đã không ngần ngại hi sinh một vài lợi ích về kinh tế. Nói như Bộ trưởng Bộ Công Thương Singapore George Yao, Trung Quốc nhượng bộ ASEAN, hy sinh cái lợi về kinh tế, đến nỗi lúc đầu nhiều nước ASEAN chóng ván (shock) trước đề án ACFTA. [193, tr 5]

3.1.1.2. Về an ninh – chính trị:

Sự hiện diện quân sự của Mỹ trong chiến lược trở lại Đông Nam Á với những tuyên bố phản đối việc sử dụng vũ lực tại Biển Đông đã là một nguyên nhân quan trọng buộc Trung Quốc phải điều chỉnh lập trường của họ đối với cuộc tranh chấp chủ quyền ở biển Đông. Từ chỗ không công nhận có tranh chấp chủ quyền ở vùng biển (vì cho rằng chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo Hoàng sa và Trường sa là không cần bàn cãi), Trung Quốc đã phải thừa nhận thực tế tranh chấp.

Vào tháng 11/2002, Trung Quốc đã phải ký “Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC) tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc ở Phnôm Pênh. Từ năm 2004, Trung Quốc đã tiến hành các cuộc họp cấp cao để thảo luận tiến trình triển khai. [86, tr 40] Thiện ý của Trung Quốc khi chấp hành bản dự thảo là một phần trong chính sách được gọi là “chiến dịch quyến rũ” (charm offensive) với Đông Nam Á, đây là chiến dịch ngoại giao nhằm trấn an các quốc gia trong khu vực rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc là một cơ hội về kinh tế, không phải là nỗi đe dọa chiến lược; từ đó, đánh bóng hình ảnh Trung Quốc và đối trọng với vai trò ngày càng tăng về ngoại giao và an ninh của Mỹ tại Đông Nam Á sau sự kiện ngày 11/9/2001. [154, tr 1]

Năm 2003, tại Hội nghị Thượng đỉnh Bali, Indônêxia, Trung Quốc trở thành đối tác đối thoại đầu tiên của ASEAN tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC). Sau hội nghị, hai bên ra một “Thông cáo chung về đối tác chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng”. Một văn kiện khác liên quan đến an ninh cũng được ký kết vào tháng 11/ 2002 là “Tuyên bố chung về Hợp tác trong lĩnh vực an ninh phi

truyền thống”. Một số năm gần đây, Trung Quốc thể hiện vai trò tích cực và năng động hơn trong ARF, chủ động thúc đẩy đối thoại an ninh quốc phòng, xây dựng lòng tin, tham gia hợp tác về an ninh phi truyền thống...

Đáng chú ý là quan hệ song phương giữa các thành viên ASEAN với Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh quốc phòng được thúc đẩy khá mạnh. Trung Quốc lập tùy viên quân sự ở tất cả các nước ASEAN; duy trì tham vấn thường niên với In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam; viện trợ quân sự và cung cấp vũ khí, thiết bị quân sự cho Campuchia, Lào, Myanmar, Phi-líp-pin và Thái Lan; hợp tác đào tạo và tiến hành diễn tập quân sự với Xing-ga-po và Thái Lan.[73, tr 40]

3.1.2 Đẩy mạnh thực hiện chính sách chia để trị

Một mặt thúc đẩy quan hệ đa phương ASEAN – Trung Quốc nhưng mặt khác, Trung Quốc đang thực hiện chính sách khác nhau đối với các nước ASEAN nhằm đạt được mục tiêu chia để trị. Chính sách này được thực hiện thông qua các biện pháp sau:

3.1.2.1. Ưu tiên thúc đẩy quan hệ với các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam)

Các nước CLMV (còn gọi là ASEAN 4) là nhóm nước kém phát triển, cũng là những nước có quan hệ lịch sử lâu đời và chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Quốc. Ba trong số các nước trên chia sẻ biên giới trên bộ với Trung Quốc. Riêng Việt Nam là một trong 4 nước Đông Nam Á tranh chấp chủ quyền ở biển Đông với Trung Quốc. Các nước CLMV có vị trí rất quan trọng đối với an ninh và phát triển của Trung Quốc.

Về phương diện an ninh, những biến đổi địa - chính trị ở các nước này đều tác động trực tiếp tới các an ninh của các tỉnh phía Nam Trung Quốc (Quảng Tây, Vân Nam). Do vậy, ngay từ khi CHND Trung Hoa được thành lập cho tới hiện nay, Trung Quốc vẫn thực hiện một chính sách nhất quán đối với các nước trên bán đảo

Đông dương là biển các nước đó thành vùng đệm an ninh giữa Trung Quốc và vùng ảnh hưởng của Mỹ ở Đông Nam Á hải đảo.

Về phương diện kinh tế, CLMV là những nước giàu tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng thị trường tương đối lớn. Đây sẽ là nguồn cung cấp nguyên liệu thô và sản phẩm sơ chế cho các ngành công nghiệp chế biến đang phát triển mạnh, nhưng đòi nguyên liệu của Trung Quốc. Do mức sống của nhân dân các nước CLMV chưa cao, các hàng hóa tiêu dùng giá rẻ của Trung Quốc sẽ dễ dàng tiêu thụ ở các thị trường này. Nhờ đó, các công ty địa phương vừa và nhỏ của Trung Quốc sẽ có được động lực để phát triển.

Do sự gần gũi về phương cách tư duy và khuynh hướng thụ hưởng văn hóa, các sản phẩm của các ngành công nghiệp văn hóa của Trung Quốc cũng dễ dàng thâm nhập vào thị trường các nước CLMV hơn vào các nước khác. Điều này vừa góp phần tạo xung lực cho sự phát triển công nghiệp văn hóa của Trung Quốc, vừa tạo cơ hội phát huy “sức mạnh mềm” trên bán đảo Đông Dương.

Do tầm quan trọng đó của các nước CLMV, trong những năm gần đây, Trung Quốc liên tục rót đầu tư, tăng viện trợ cho nhóm nước này. Thậm chí, tại một số nước, viện trợ của Trung Quốc vượt xa của Mỹ. Lượng viện trợ dành cho Lào của Trung Quốc gấp 3 lần viện trợ của Mỹ. Trung Quốc đang được coi là “nhà bảo trợ kinh tế chính” của Campuchia, Lào và Myanmar – ba quốc gia nhỏ nhưng quan trọng về mặt chiến lược. Các số liệu thống kê chính thức cho thấy, năm 2011, Trung Quốc đã đầu tư vào Campuchia 1,9 tỷ USD trong năm 2010, gấp đôi số tiền đầu tư của các nước Asean còn lại và gấp 10 lần so với mức đầu tư của Mỹ.[109, tr 1] Ngoài ra, Trung Quốc còn được coi là nhà cung cấp viện trợ lớn thứ hai cho Việt Nam sau Nhật Bản. Gần đây, Trung Quốc đã cung cấp trên 10 triệu USD cho chính phủ Myanmar để tái thiết khu vực bị phá hủy bởi cơn bão Nargis vào năm 2008.

Tại một số nước thành viên mới của ASEAN như Lào, Campuchia và Myanmar, Trung Quốc chiếm vị trí khá cao trong cả ODA và FDI. Hiện nay, Trung Quốc trở thành nhà đầu tư và cung cấp viện trợ phát triển số 1 ở Campuchia và có thể trở thành nhà đầu tư số 1 tại Myanmar và Lào trong một, hai năm tới. Năm

2011, tổng kim ngạch thương mại song phương Trung Quốc - Campuchia cũng tăng 40% và các ngân hàng Trung Quốc đã cho Lào vay 3 tỷ USD cùng lời hứa sẽ đầu tư 7 tỷ USD giúp nước này xây dựng đường sắt tốc độ cao[109, tr 1] Tại Lào, tích lượng FDI (từ năm 2000 đến tháng 3 năm 2007) của Trung Quốc xếp hàng thứ hai, sau Thái Lan. Tại Myanmar, về ODA thì Trung Quốc độc chiếm . Việc các nước phương Tây thi hành chính sách bao vây, cấm vận đối với Myanmar⁶. đã cung cấp cơ hội cho Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng ở nước này. Trung Quốc liên tục viện trợ cho Myanmar, bao gồm nhiều lĩnh vực từ xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác năng lượng đến các dự án phát triển công nghiệp. Theo nhiều nhà nghiên cứu về Myanmar như Ebashi Masahiko (2007), số dự án hợp tác mà Trung Quốc triển khai ở nước này vừa nhiều vừa có tính chiến lược ở những điểm sau: *Thứ nhất*, Trung Quốc củng cố được con đường tiến ra Ấn Độ dương mà không phải qua eo biển Malacca. *Thứ hai*, Trung Quốc khai thác được nhiều nguồn năng lượng, nguyên liệu và bảo đảm nguồn cung cấp lúa gạo trong tương lai. *Thứ ba*, lập quan hệ gắn bó chiến lược với Myanmar (và với Pakistan), Trung Quốc sẽ từng bước hình thành một mặt trận bao vây, kiềm chế Ấn Độ.

3.1.2.2. Lôi kéo Thái Lan nhằm đưa Thái Lan vào khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc

Nhằm chuẩn bị cho sự tương tác trong tương lai về cả phương diện song phương và qua khối Asean, Thái Lan và Trung Quốc đã nhanh chóng tiếp cận nhau và phản ứng một cách tích cực về các mục tiêu an ninh chung như thể hai nước đã là đồng minh lâu năm.[199, tr 1]

Hai bên đã ra Tuyên bố chung nhất trí thiết lập "Quan hệ đối tác chiến lược hợp tác toàn diện". Tuyên bố chung khẳng định hai bên đã tiến hành trao đổi sâu những quan điểm về các mối quan hệ song phương cũng như các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm trong bầu không khí chân thành, xây dựng và hiệu quả. Hai bên tái khẳng định sẵn sàng phát triển hơn nữa quan hệ đối tác cũng như hợp tác bền chặt, đồng thời bày tỏ hài lòng về mối quan hệ hiện nay giữa hai nước. Hai bên

⁶ Gần đây, việc cấm vận Mianma đã được Mỹ và các nước phương Tây nói lỏng nhằm khuyến khích xu hướng dân chủ hóa đang diễn ra tại nước này

nhất trí thúc đẩy hợp tác hơn nữa trong các lĩnh vực an ninh truyền thống và phi truyền thống, hợp tác chống khủng bố, buôn lậu và di cư bất hợp pháp. Hai bên thỏa thuận tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư hai chiều và tiếp tục khuyến khích sử dụng đồng nội tệ trong đầu tư và giao dịch thương mại song phương. Hai bên cũng cam kết củng cố hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường... Thái Lan cam kết ủng hộ "chính sách một Trung Quốc" và ủng hộ phát triển hòa bình trong các mối quan hệ giữa hai bờ Eo biển.[179, tr 1]

Hiện tại đối với các tranh chấp ở Biển Đông, Thái Lan giữ quan điểm chung chung, cũng giống nhiều quốc gia khác trong khu vực, là các bất đồng phải được giải quyết một cách hòa bình, thông qua thương lượng và tuân thủ luật pháp quốc tế.

Trung Quốc rất muốn lôi kéo Thái Lan về phía mình vì Bắc Kinh muốn tham gia vào quá trình soạn thảo Quy tắc Ứng xử của các nước tại Biển Đông (COC) với ASEAN ngay từ bước đầu.

3.1.2.3. Gia tăng quan hệ với In-đô-nê-sia, nước thành viên quan trọng nhất của ASEAN.

Những năm gần đây, Trung Quốc là nhà đầu tư lớn vào nền kinh tế Indônêxia. Kim ngạch buôn bán giữa hai nước đã tăng trung bình 20%/năm, kể từ năm 2001. Trung Quốc trở thành nước nhập khẩu lớn nhất và là địa chỉ xuất khẩu lớn thứ ba của Indônêxia. Đại sứ Trung Quốc tại Indônêxia Zhang Qiyue mô tả quan hệ giữa hai nước đã trải qua “vòng đời của một con người” và nay bước vào “vòng mới của tình hữu nghị”. [144, tr 1]

Năm 2005, Trung Quốc và Indônêxia nhất trí nâng quan hệ giữa hai bên thành “Quan hệ đối tác chiến lược”, đánh dấu bước đột phá trong quan hệ hai nước. Theo đó, quan hệ song phương được mở rộng trên lĩnh vực chính trị, văn hóa, an ninh quân sự. Đặc biệt, nó cho phép 2 nước có thể hỗ trợ lẫn nhau nhằm phát triển nền công nghiệp quốc phòng, thiết lập cơ chế tư vấn quân sự và tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật cũng như ngành tình báo của mỗi nước trong

cuộc chiến chống lại các mối đe dọa an ninh xuyên biên giới. Trong chuyến thăm Trung Quốc năm 2005 của TTh Indônêxia, 2 nước đã ký một bản ghi nhớ về hợp tác công nghệ quân sự nhằm phát triển tên lửa tầm ngắn và tầm trung. Jakarta cũng đặt hàng Trung Quốc tên lửa chống tàu loại YJ-82/C-802 trị giá 11 triệu USD. Năm 2006, 2 nước bắt đầu các cuộc đàm phán về tư vấn an ninh quốc phòng. Tháng 3/2007, lần đầu tiên trong vòng 12 năm, Trung Quốc cử 2 tàu chiến thăm Indônêxia. Một bản dự thảo về hợp tác quân sự được ký kết sau cuộc gặp lần 2 về tư vấn an ninh quốc phòng giữa 2 nước, bao gồm cả hợp tác công nghệ quân sự, trao đổi sinh viên quân sự và khả năng Trung Quốc bán thêm vũ khí cho Indônêxia. Tháng 1/2008, 2 nước đồng ý tăng cường hợp tác của ngành công nghiệp quốc phòng nhằm cùng phát triển thiết bị vận chuyển vũ khí và máy bay. Một công ty Trung Quốc cũng đã ký với một công ty Indônêxia cùng phát triển một loại bộ phóng tên lửa cùng đạn dược.[184, tr 1] Trung Quốc tuyên bố sẵn sàng thúc đẩy mối quan hệ đối tác chiến lược với Indônêxia vì hòa bình và phát triển của khu vực cũng như trên thế giới.

Năm 2012, khi tình hình Biển Đông đang căng thẳng, Trung Quốc và Indônêsia lại có hàng loạt những hành động gia tăng sự lo ngại của các bên. Indônêxia và Trung Quốc đang tiến hành đàm phán về việc sản xuất loại tên lửa chống tàu C-705 như một phần nỗ lực để Indônêxia có thể trở nên độc lập hơn trong việc sản xuất các loại vũ khí. Kế hoạch hợp tác sản xuất tên lửa giữa hai nước bắt đầu được triển khai tháng 7/2012 và thỏa thuận hợp tác sản xuất tên lửa sẽ được ký giữa Indônêxia và Trung Quốc vào tháng 3/2013. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Indônêxia Michael Tene khẳng định thỏa thuận hợp tác này là một phần của mục tiêu lớn hơn nhằm phát triển các khả năng quân sự của Indônêxia.[145, tr 1] Động thái này của Trung Quốc và Indônêsia được coi là hành động nhằm chia rẽ ASEAN và làm căng thẳng thêm mâu thuẫn tại khu vực Biển Đông.

3.2 Thúc đẩy các nước lớn khác điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á

Để giành được ảnh hưởng ưu thế ở Đông Nam Á, các nước lớn đều tìm cách tranh thủ ASEAN, tổ chức hợp tác khu vực của 10 trong số 11 quốc gia ở Đông Nam Á. Cuộc tranh giành ảnh hưởng ở Đông Nam Á của các nước lớn hiện nay thực chất là tranh giành cảm tình và sự chấp nhận của ASEAN. Để đạt được mục tiêu này, tất cả các nước lớn đều điều chỉnh chính sách đối với ASEAN. Những phân tích dưới đây sẽ cho thấy điều đó .

3.2.1 Chính sách mới của Mỹ đối với ASEAN

Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á trong những năm gần đây đã làm nhiều nhà nghiên cứu chiến lược và chính khách lo ngại. Một số nhà phân tích chiến lược, trong đó có bà Elizabeth Economy, Giám đốc chương trình nghiên cứu Châu Á tại Hội Đồng Đối Ngoại của Mỹ nhấn mạnh rằng Mỹ không nên ỷ lại vào những thành tích trong quá khứ mà phải năng động hơn trong quan hệ với các nước ASEAN.

Những lời kêu gọi trên của giới phân tích chiến lược của Mỹ đã tác động nhất định tới các nhà hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ. Từ sau sự kiện 1/9/2001, chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á đã dần dần được điều chỉnh. Dưới danh nghĩa giúp các nước Đông Nam Á chống chủ nghĩa khủng bố, Mỹ đã khởi động lại các quan hệ liên minh an ninh với Philippin, Thái Lan và tăng cường quan hệ quân sự với Indônêxia, Malaysia và Singapore.

Tuy nhiên, phải đợi tới năm 2005, khi ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á đã trở nên quá mạnh, chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á mới có những điều chỉnh cơ bản. Để kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc, vị trí của Đông Nam Á đã trở nên quan trọng hơn trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ^{*}. Những

^{*} Nói về tầm quan trọng mới của Đông Nam Á, trong cuộc điều trần trước Quốc hội Mỹ ngày 21 tháng 9 năm 2005, ông Eric G. John, Trợ lý Thứ trưởng ngoại giao phụ trách khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nhấn mạnh: “Đông Nam Á là, sẽ và vẫn là khu vực quan trọng nhất”. Xem thêm : Ngô Vĩnh Long: Đông Nam Á trong quan hệ Mỹ, Nhật, Trung Quốc và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam. Tạp chí Thời đại, số 8/2006. http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai8_NgoVinhLong.htm

điều chỉnh mới trong chính sách Đông Nam Á của Mỹ được phản ánh trong một nghiên cứu tiến hành vào năm 2005 của Quốc Hội Mỹ. Trong bản nghiên cứu này, Hoa Kỳ đã xác định mục tiêu chiến lược của tại Đông Nam Á như sau:

- Ổn định khu vực và cân bằng lực lượng với mục tiêu chiến lược là không cho ai làm bá chủ tại Đông Nam Á.
- Không để bị loại ra khỏi khu vực bởi một cường quốc hay một liên minh nào.
- Tự do lưu thông hàng hải và bảo vệ các đường biển.
- Bảo vệ quyền lợi mậu dịch và đầu tư của Mỹ.
- Ủng hộ đồng minh và các nước bạn.
- Truyền bá dân chủ, chủ nghĩa pháp quyền, nhân quyền, và tự do tín ngưỡng.
- Không để khu vực trở thành căn cứ địa bàn của bọn khủng bố.[66, tr 4]

Từ những nội dung trong chính sách trên có thể thấy ưu tiên hàng đầu của Mỹ ở Đông Nam Á sau 2005 là cân bằng ảnh hưởng và quyền lợi với các nước lớn khác và giữ vững vị trí của Mỹ trong khu vực.

Triển khai chính sách trên, Hoa Kỳ đã thực thi hàng loạt các hoạt động trên tất cả mọi phương diện kinh tế, chính trị, ngoại giao... tại khu vực Đông Nam như: Tích cực can dự vào các vấn đề của khu vực, đặc biệt là việc tuyên bố lập trường rõ ràng về cuộc tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông; tích cực giúp đỡ ASEAN hiện thực hóa ý tưởng AC và hợp tác sâu rộng trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội và khoa học, công nghệ.

3.2.2. Điều chỉnh chính sách đối với ASEAN của Nhật Bản trong những năm gần đây

Những hoạt động ngoại giao liên tục trên của Trung Quốc từ những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI đã làm hài lòng các nhà lãnh đạo ASEAN. Ảnh

hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á lên cao chưa từng thấy, lấn át vai trò của Nhật Bản. Nếu Tokyo đã phản ứng chậm chạp trước những sáng kiến hợp tác khu vực do ASEAN đưa ra như thời kỳ trước đây, Đông Nam Á có thể trở thành vùng ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong một diễn tiến như vậy, Nhật Bản sẽ có thể không chỉ mất vai trò và ảnh hưởng ở khu vực này mà còn phải đối diện với tình trạng bị bao vây và cô lập với đồng minh thân cận là Mỹ. Nhận thức được mối nguy hiểm trên, ngay trong năm đầu tiên của thế kỷ XXI, Nhật Bản đã tiến hành điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á nói chung, với Đông dương nói riêng .

Ngay khi ACFTA giữa Trung Quốc và ASEAN được khởi động thì Nhật Bản đã tiến hành các hoạt động mới để giành lại ảnh hưởng đối với ASEAN. Một trong số đó là Hội nghị Thượng đỉnh Nhật – ASEAN diễn ra vào tháng 12/2003 tại Tokyo. Theo Tuyên ngôn Tokyo được ký kết trong Hội nghị Thượng đỉnh này, Nhật và các nước ASEAN quyết tâm tiếp tục mở rộng, đẩy mạnh hợp tác trên tinh thần đối tác chiến lược (strategic partnership). Nhật sẽ đặt ưu tiên cao cho nỗ lực giúp các nước ASEAN phát triển và hội nhập (integration) với nhau hơn nữa. Trong phương châm đó, Nhật sẽ ưu tiên cấp tiền viện trợ và vốn vay ưu đãi (ODA) cho ASEAN, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo nhân tài, phát triển xí nghiệp nhỏ và vừa, và giúp phát triển các nước thuộc lưu vực sông Mê Kông để rút ngắn khoảng cách giữa 2 nhóm nước (6 nước thành viên cũ và 4 nước thành viên mới) trong khối này.^[174, trg 1] Mặt khác, Nhật và ASEAN sẽ tăng cường sự liên kết kinh tế về mọi mặt. Cho đến năm 2012, hai bên sẽ cụ thể hoá ý tưởng này bằng việc ký Hiệp định liên kết kinh tế toàn diện Nhật - ASEAN (JACEP) mà Thủ tướng Koizumi đề xướng tại Singapore tháng 1/2002. Sự liên kết này có phạm vi rộng, từ trao đổi hàng hoá, dịch vụ, đến hợp tác đầu tư, tài chính, tiền tệ, công nghệ thông tin, năng lượng, v.v.. Trên quan hệ đặc biệt này, Nhật và ASEAN sẽ hợp tác trong các vấn đề của khu vực và thế giới.

Một số nội dung cụ thể trong Kế hoạch hành động là quyết định lấy năm 2005 làm thời điểm bắt đầu thương lượng để tiến tới việc ký kết Hiệp định JACEP.

Nhật cũng đã cam kết trong 5 năm tới sẽ đưa 1 vạn sinh viên và thực tập sinh ASEAN sang Nhật học hoặc tu nghiệp, trong 3 năm tới sẽ chi ra 1,5 tỉ USD để giúp ASEAN đào tạo nhân tài và 1,5 tỉ USD để giúp phát triển khu vực sông Mê Kông. Nhật cũng sẽ giúp tăng cường cơ sở hạ tầng và đào tạo nhân tài để phát triển công nghệ thông tin, xe hơi, điện tử,..., tại ASEAN và xúc tiến FDI từ Nhật sang các nước này.

Đặc điểm của Tuyên ngôn Tokyo và Kế hoạch hành động là sự cam kết cao độ của Nhật trong việc giúp các nước ASEAN hơn nữa. Đây là chiến lược của Nhật nhằm tranh giành ảnh hưởng với Trung Quốc tại vùng Đông Nam Á.

Từ năm 2005, khi khởi động cuộc cạnh tranh quyền lực nội bộ, DPJ (Đảng Dân chủ Nhật Bản) đã coi châu Á là trọng điểm chính sách ngoại giao mới. Văn bản soạn thảo tháng 12/2006 đặt nặng mục tiêu tăng cường ngoại giao châu Á, trong đó có Đông Nam Á, bên cạnh mối quan hệ chiến lược với Mỹ, tập trung vào Trung Quốc và Hàn Quốc. Văn bản này hoạch định hướng hoạt động cho tân chính phủ Nhật Bản là “hợp tác với các nước châu Á trong bối cảnh cộng đồng quốc tế, hợp tác khung với vùng châu Á-Thái Bình Dương trong năng lượng, thương mại và các vấn đề môi trường”. Chiến lược này được chia thành ba điểm: Xây dựng hòa bình và thịnh vượng cho châu Á; tái xác định mối quan hệ chiến lược với Mỹ; và mở rộng ra điểm thứ ba về hòa bình và ổn định thế giới. Đồng thời, chiến lược đề ra cách tiếp cận chú trọng phát huy hệ thống “quyền lực mềm” của Nhật Bản (xã hội đậm đà văn hóa, công nghệ cao, ảnh hưởng kinh tế và tư tưởng minh trị...).[182, tr 1] Chiến lược mới nhằm khắc phục các hạn chế trong quá khứ về sự phụ thuộc thái quá vào Mỹ; nhấn mạnh ưu tiên quan hệ tay ba Nhật Bản-Hàn Quốc-Trung Quốc, trong khi hợp tác với Việt Nam, Campuchia, Ấn Độ và Philippines thông qua các chương trình phát triển và ODA.

ASEAN đã trở thành một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật, đặc biệt là trong cạnh tranh Trung – Nhật tại khu vực Đông Nam Á nhằm giành lại ảnh hưởng tại khu vực này.

3.2.3 Điều chỉnh chính sách đối với ASEAN của Ấn Độ và Nga

Cạnh tranh Trung - Ấn được nhắc tới nhiều hơn trong những năm gần đây. Khi Trung Quốc thường xuyên phô diễn sức mạnh của mình với những luận điệu của trời dậy hòa bình thì Ấn Độ cũng không thể ngồi yên. Trong bối cảnh của các nước liên tục đưa ra những chính sách nhằm lôi kéo sự ủng hộ của ASEAN thì Ấn Độ và Nga cũng buộc phải tìm cách tiếp cận tổ chức này.

Ấn Độ đã ký TAC vào năm 2003. Điều nổi bật là Ấn Độ đã ký FTA song phương với Thái Lan (2004) và Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện với Xin-ga-po (2005), và đặc biệt gần đây tham gia Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAC) (12-2005), góp phần làm cân bằng sự lo ngại của nhiều nước ASEAN về gia tăng quá nhanh ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực này. Từ năm 2002, Ấn Độ triển khai rộng rãi chính sách Hướng Đông. Phạm vi của chính sách hướng Đông được mở rộng toàn Châu Á – Thái Bình Dương nhưng ASEAN vẫn được xác định là trọng tâm của chính sách. Ấn Độ một mặt tăng cường tham gia vào các cơ chế hợp tác an ninh – chính trị trong khu vực, một mặt dựa vào khu vực tăng cường hợp tác kinh tế với những chính sách mở cửa đôi bên cùng có lợi. Bước sang thế kỉ XXI, Ấn Độ bắt tay vào quá trình hội nhập kinh tế thông qua các PTA (Hiệp định thương mại ưu đãi), FTA (Hiệp định thương mại tự do), CECA (Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện), CEPA (Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện). Chính sách hướng Đông đã tác động đáng kể đối với bản thân Ấn Độ và ASEAN. Đối với Ấn Độ, chính sách hướng Đông đã góp phần mở rộng và nâng cao ảnh hưởng an ninh chính trị của nước này ở khu vực, cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc ở Châu Á - Thái Bình Dương, duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định nền kinh tế trong nước và gia nhập thế giới. Đối với ASEAN, chính sách hướng Đông phần nào giúp ASEAN củng cố vị trí trung tâm, động lực của các cơ chế hợp tác quan trọng ở khu vực.

Nước Nga đang tận dụng công cụ dầu lửa và công nghệ quốc phòng cũng như sự tăng trưởng kinh tế gần đây để lấy lại ảnh hưởng trên trường quốc tế, trong đó có ASEAN. Sự gia tăng đáng kể thương mại cùng với những hoạt động ngoại giao khá đôn dập giữa Nga và ASEAN trong vài năm trở lại đây (như tham gia TAC

(2004), Hội nghị Thượng đỉnh đầu tiên Nga - ASEAN năm 2005) v.v.. đang làm tăng tính hấp dẫn, nhạy cảm, đa chiều trong quan hệ quốc tế của Đông - Nam Á.

3.3. Tác động từ việc điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với ASEAN

Có thể thấy, với các chính sách tích cực phản ứng lại sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, bước đầu, ASEAN đã đạt duy trì được sự cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn tại khu vực Đông Nam Á. Vị thế chính trị của ASEAN trên trường quốc tế gia tăng một phần vì khả năng của khối duy trì được thế cân bằng liên quan đến quyền lợi của các nước lớn trong vùng. ASEAN có thể đã thành công trong việc xác định vị thế độc lập (tức không ngả theo bên nào) trong mối liên hệ với các nước lớn. ASEAN trở nên năng động hơn trong việc tìm kiếm cơ chế, giải pháp thúc đẩy liên kết nội khối và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Việc các nước lớn, trước hết là Mỹ và Trung Quốc tăng cường quan hệ với các nước ASEAN làm tăng tính nhạy cảm và đa nguyên trong cơ cấu quyền lực và lợi ích chiến lược tại khu vực này. Trong tương lai, xu hướng vượt trội của Trung Quốc trong quan hệ kinh tế với khu vực sẽ thách thức vai trò của Mỹ; và điều này có thể làm gia tăng chủ nghĩa dân tộc của Đông - Nam Á, tạo ra những "cú hích" mới thúc đẩy hội nhập khu vực; đồng thời góp phần tạo thêm "không gian tự do", bổ sung "phương tiện mặc cả" cho việc theo đuổi chính sách "cân bằng thế lực", đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế của ASEAN và các nước thành viên, làm cho Hiệp hội này trở nên quan trọng hơn trong bàn cờ địa - chính trị của các nước lớn.

Việc các nước lớn điều chỉnh sách và gia tăng sự hiện diện ở Đông Nam Á tác động cả tích cực lẫn tiêu cực đối với ASEAN.

3.3.1. Về tác động tích cực

3.3.1.1. ASEAN duy trì được vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh, kinh tế đang nổi lên ở Đông Á.

Phản ứng chính sách của ASEAN đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc như đã phân tích ở trên đã làm cho tất cả các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, thậm chí cả EU, đều gia tăng sự hiện diện của họ ở Đông Nam Á).

Do tầm quan trọng về chiến lược, chính trị - an ninh và kinh tế của Đông Nam Á trong chiến lược toàn cầu hoặc chính sách châu Á - Thái Bình Dương của họ, tất cả các nước lớn trên đều muốn giành được ảnh hưởng ưu thế ở Đông Nam Á. Có như vậy, họ mới có thể nắm được vai trò dẫn dắt tiến trình hội nhập khu vực đang diễn ra sôi động ở Đông Á và vai trò lãnh đạo trong cấu trúc khu vực đang nổi lên ở khu vực này. Do chính sách đối ngoại khôn khéo của ASEAN đối với các nước lớn nói chung, đối với từng nước nói riêng, cho tới nay không cường quốc nào, dù hùng mạnh về kinh tế và quân sự như Mỹ, nắm sát Đông Nam Á và đang trỗi dậy mạnh mẽ về kinh tế và quân sự như Trung Quốc, có được ảnh hưởng ưu thế ở khu vực này. Không có được ảnh hưởng ưu thế, các nước lớn đều không muốn đối thủ của mình giành được cái mà bản thân họ không giành được. Kết quả là các nước lớn vẫn đang tiếp tục cạnh tranh ảnh hưởng và quyền lợi với nhau ở Đông Nam Á. Trong khi cuộc cạnh tranh đó còn chưa phân thắng bại, ASEAN được tất cả các nước lớn chấp nhận đóng vai trò cầm lái trong tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á và giữ vị trí trung tâm trong cấu trúc khu vực đang nổi lên ở Đông Á.*

3.3.1.2. Giúp ASEAN và các nước thành viên thu hút thêm nguồn lực bên ngoài để phát triển

Việc các nước lớn điều chỉnh chính sách đối với ASEAN không chỉ làm gia tăng vị trí của ASEAN trong chiến lược toàn cầu và châu Á - Thái Bình Dương của họ mà còn đưa lại những lợi ích kinh tế. Với việc ký các thỏa thuận FTA với ASEAN của Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia cũng như “Sáng kiến kinh

* Cấu trúc khu vực này được sắp xếp theo mô hình các vòng tròn đồng tâm trong đó ASEAN ở vị trí trung tâm, các vòng tròn tiếp theo lần lượt là các tiến trình ASEAN + 1, ASEAN + 3, EAS và ARF

doanh với ASEAN” của Mỹ đã giúp hàng hóa các nước thành viên hiệp hội này tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường của các nước trên.

Do muốn gia tăng sự hiện diện kinh tế của mình trong khu vực, chính phủ Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Nga... đang khuyến khích các doanh nghiệp của họ đẩy mạnh đầu tư vào các nền kinh tế ASEAN. Chắc chắn không phải chỉ vì việc kinh doanh của Trung Quốc không còn nhiều hấp dẫn mà các doanh nghiệp Nhật Bản quyết định chuyển một số cơ sở sản xuất của họ từ Trung Quốc sang một số nước Đông Nam Á. Các doanh nghiệp Mỹ cũng tăng cường đầu tư vào khu vực ASEAN. Ngoài mục đích tìm kiếm lợi nhuận cao hơn, doanh nghiệp các nước trên còn muốn hỗ trợ cho chính phủ nước họ việc triển khai chính sách mới đối với Đông Nam Á.

Điều này là một trong những nguyên nhân giải thích vì sao FDI vào khu vực ASEAN đang gia tăng mạnh mẽ trong mấy năm gần đây. Năm 2007, ASEAN đã thu hút được 61,5 tỷ đô la Mỹ vốn FDI, đạt mức cao nhất kể từ năm 1998, so với mức 51,0 tỷ đô la năm 2006, tăng trưởng FDI đạt mức trung bình 20,7 %... Năm 2007, FDI của các đối tác đối thoại ở khu vực ASEAN lần lượt là: EU: 14,3 tỷ USD; Nhật Bản: 8,9 tỷ; Mỹ: 5,1 tỷ, Hàn Quốc: 2,7 tỷ; Trung Quốc: 1 tỷ, Úc: 1 tỷ.[202, tr1]

Để tranh thủ cảm tình của ASEAN, các nước lớn cũng gia tăng hỗ trợ tài chính và viện trợ phát triển cho ASEAN và các nước thành viên, đặc biệt trong các nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển bên trong Hiệp hội.

3.3.2. Về tác động tiêu cực

3.3.2.1. Gia tăng tình trạng li tâm bên trong một số nước thành viên ASEAN cũng như trong nội bộ ASEAN

Sự có mặt và cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn ở Đông Nam Á hiện nay cũng gây nên những tác động tiêu cực tới ổn định chính trị của khu vực nói chung, một số nước thành viên nói riêng và tình đoàn kết trong ASEAN.

- ***Về tác động tiêu cực tới ổn định ở một số nước thành viên:*** Có thể thấy rõ tác động này trong những bất ổn chính trị ở Thái Lan những năm gần đây.

Năm 2001, ông Thaksin lên nắm quyền cam kết thay đổi chương trình của IMF, bảo vệ các công ty Thái Lan và thúc đẩy kinh tế, trong đó có hỗ trợ tầng lớp người nghèo ở nông thôn. Về chính sách đối ngoại, Thaksin tìm cách cân bằng giữa liên minh chiến lược của Thái Lan với Mỹ và tầm quan trọng ngày càng tăng của Trung Quốc đối với giới kinh doanh Thái Lan. Ông ủng hộ hoàn toàn cuộc “chiến chống khủng bố” của Chính quyền Bush, cho phép quân đội Mỹ sử dụng các sân bay và bến cảng của Thái Lan để vận chuyển binh sĩ, trang bị và các nguồn tiếp tế đến Ápganixtan và Irắc. Ông cam kết cung cấp một số lượng nhỏ binh sĩ Thái Lan cho các cuộc chiếm đóng do Mỹ lãnh đạo, hợp tác với CIA truy tìm khủng bố và quản lý một trung tâm bí mật chuyên thẩm vấn các tù nhân của CIA. Thực tế trước đây Tổng thống Bush coi Thái Lan là một “đồng minh quan trọng không phải NATO” và cho phép Thái Lan nhận các khoản viện trợ quân sự lớn hơn của Mỹ.

Nhưng bên cạnh đó, sự phục hồi kinh tế của Thái Lan, cũng như các nước Đông Nam Á khác, chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ từ nền kinh tế phát triển nhanh của Trung Quốc. Thaksin đến thăm Trung Quốc 5 lần và ký hiệp định thương mại tự do với Trung Quốc năm 2003. Trong thời gian Thaksin nắm quyền, thương mại của Thái Lan với Trung Quốc tăng từ 6,56 tỷ USD năm 2001 lên 25,33 tỷ năm 2006. Đầu tư của Trung Quốc bắt đầu đổ vào các nhà máy, các công trình xây dựng và thông tin liên lạc viễn thông. Hợp tác chiến lược Thái Lan – Trung Quốc cũng mở rộng bằng các cuộc tham khảo ý kiến quốc phòng hàng năm từ năm 2002, trao đổi quân sự và diễn tập quân sự chung quy mô nhỏ thường xuyên.

Năm 2005, một số thành phần ở Thái Lan như các quan chức nhà nước, quân đội và hoàng gia bắt đầu quay lại chống Thủ tướng Thaksin. Các biện pháp quản lý đất nước độc đoán của ông Thaksin làm cho tầng lớp trung lưu ở Băng cốc ngày càng xa lánh, mặc dù ông vẫn có sự ủng hộ đáng kể của đa số người dân ở các khu vực nông thôn. Đầu năm 2006, các cuộc biểu tình của công chúng chống Thaksin bùng nổ để phản đối hành động tham nhũng trong việc mua bán công ty Shin Corp khổng lồ của ông, dẫn đến tình trạng bất ổn chính trị trong nhiều tháng và cuối cùng là một cuộc đảo chính quân sự lật đổ ông Thaksin vào tháng 9/2006. Các bức điện

ngoại giao của WikiLeaks cho biết Đại sứ Mỹ Ralph Boyce đã gặp nhân vật lãnh đạo cuộc đảo chính Tướng Sonthi Boonyaratglin cuối tháng 8/2006 và bật đèn xanh cho kế hoạch lật đổ ông Thaksin. Đúng như những phát biểu của Đại sứ Boyce, phản ứng của Mỹ đối với cuộc đảo chính không rõ ràng: chỉ kêu gọi Thái Lan sớm trở lại nền dân chủ và ngừng một số viện trợ quân sự, nhưng cuộc diễn tập chung “Hổ Mang Vàng” vẫn tiếp tục năm 2007. Nếu Oasinhton hy vọng cuộc đảo chính sẽ phá huỷ mối quan hệ Thái Lan-Trung Quốc, có lẽ Mỹ đã thất vọng. Bắc Kinh nhanh chóng cử các quan chức cấp cao đến Băng cốc để thể hiện sự ủng hộ chế độ. Thủ tướng của Chính quyền quân sự Thái Lan Surayud Chulanont đến thăm Bắc Kinh giữa năm 2007 để ký các thảo thuận quan trọng, kể cả Kế hoạch Hành động Chung về Hợp tác Chiến lược Trung Quốc-Thái Lan. Một trong số những đề nghị là thúc đẩy sự kết nối giao thông vận tải từ Trung Quốc qua Thái Lan đến các nước Đông Nam Á và bên ngoài khu vực. Biến cố chính trị nữa xảy ra năm 2009 sau khi đảng thân ông Thaksin thắng cử và thành lập chính phủ. Sau nhiều tháng biểu tình chống ông Thaksin, được sự ủng hộ của Hoàng gia, quân đội và việc lật đổ 2 trong số các thủ tướng thân Thaksin dẫn đến việc đưa ông Abhisit Vejjajiva và đảng Dân chủ của ông lên nắm quyền. Nhưng các cuộc biểu tình chống chính phủ của dân nghèo thành thị và người dân nông thôn tiếp tục bùng nổ trong năm 2010 buộc quân đội ra tay đàn áp làm 91 người chết và nhiều người khác bị thương hồi tháng 5/2010.

Chính quyền Obama thể hiện rõ ý đồ ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc tại châu Á qua bài diễn văn của Ngoại trưởng Hillary Clinton tháng 7/2009 tại một số hội nghị thượng đỉnh ASEAN ở Thái Lan, trong đó tuyên bố Mỹ sẽ “trở lại Đông Nam Á”. Theo một báo cáo về quan hệ Mỹ-Thái Lan được Ủy ban Nghiên cứu Quốc hội Mỹ công bố tháng 2/2011: “Việc can dự ngày càng tăng của Mỹ với Indônêxia và các vấn đề nội bộ của Thái Lan dường như làm giảm mối quan hệ Mỹ-Thái Lan ở Đông Nam Á”. Báo cáo lưu ý tầm quan trọng chiến lược của Thái Lan và yêu cầu Chính quyền Obama chú ý hơn nữa đến nước này: “Một trong những động cơ chủ yếu để duy trì mối quan hệ mạnh mẽ với Băng cốc là cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc ở Đông Nam Á”. Đến nay, các nỗ lực của Trợ lý Ngoại

trường Mỹ Campbell phần lớn bị vô hiệu hoá. Tháng 5/2010, ông này trực tiếp can dự vào cuộc khủng hoảng ở Thái Lan nhằm đưa ra một thoả hiệp giữa Chính phủ Thái Lan và phe đối lập để tăng vị thế của Mỹ ở Băng cốc chỉ vài ngày trước khi diễn ra cuộc đàn áp quân sự. Tức giận trước hành động của ông Campbell, ông Abhisit áp dụng biện pháp khác thường bằng cách cử một quan chức ngoại giao đến Oasinhton để chỉ trích sự can thiệp của Mỹ. Một hành động có lẽ không thể xảy ra các đây 2 thập kỷ.^[169, trg 1] Nhưng sự phát triển của Trung Quốc đã làm thay đổi các mối quan hệ ở châu Á cho phép các chính phủ khu vực hành động để cân bằng giữa Bắc Kinh và Oasinhton. Rõ ràng, Chính phủ Mỹ đang có ý định thay đổi tình hình này bằng cách sử dụng các vấn đề như biển Đông để tạo ra khoảng cách giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Đối với Thái Lan, nước không có lợi ích trực tiếp ở biển Đông, Mỹ có thể sử dụng mối lo ngại của Băng cốc về việc xây dựng các con đập của Trung Quốc trên thượng nguồn sông Mê Kông làm mục đích tương tự. Năm 2009, Mỹ đưa ra Sáng kiến Hạ lưu sông Mê Kông gồm Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam, trừ Trung Quốc, để có tiếng nói lớn hơn trong các vấn đề khu vực. Oasinhton đã can thiệp mạnh mẽ vào tình hình chính trị của Thái Lan để tăng cường ảnh hưởng của Mỹ hơn hẳn Trung Quốc, từ đó gây phức tạp cho tình hình vốn bất ổn ở Thái Lan.

Tuy nhiên, ở một góc nhìn khác đối với cạnh tranh Trung – Mỹ trong tác động tới tình hình chính trị tại Thái Lan, Thitinan Pongsudhirak, Giám đốc Viện nghiên cứu an ninh và các quan hệ quốc tế tại Đại học Chulalongkorn (Bangkok) cho rằng, Trung Quốc hiện là cường quốc lớn có quan hệ mật thiết nhất ở Thái Lan "theo những cách chúng ta không thể thấy được". Chuyên gia Storey cũng nhận định: "Mối quan hệ Trung - Thái có ý nghĩa vô cùng lớn lao nhưng bị làm còi cọc đi vì chiều sâu cũng như quy mô của mối quan hệ quân sự Mỹ - Thái. Đây là mối quan hệ quân sự mạnh nhất và mang tính lịch sử nhất của Mỹ tại Đông Nam Á. Tôi không cho là Trung Quốc có thể sớm dịch lại nó vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai".[148, tr 1]

3.3.2.2. Gây nguy cơ phá vỡ sự thống nhất và đồng thuận trong ASEAN

Khi Mỹ và các nước lớn khác chú ý trở lại Đông Nam Á, các nước ASEAN có cơ hội để điều chỉnh chính sách đối ngoại. Những nước đã và sẽ được hưởng lợi từ quan hệ với Trung Quốc tiếp tục lựa chọn Trung Quốc. Những nước vốn là đồng minh của Mỹ sẽ tích cực thúc đẩy quan hệ với Mỹ, coi Mỹ là chỗ dựa của mình, khi đối diện với Trung Quốc.

Nhóm thân Mỹ

Thái Lan: Mỹ xác định Thái Lan đang giữ vai trò quan trọng đối với khu vực, là một trong hai đồng minh truyền thống của Mỹ tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, gần đây, về mặt ngoại giao, giữa Mỹ và Thái Lan đã xuất hiện một số trở ngại nhất định do tình hình chính trị và kinh tế thế giới biến động. Ngoài ra, cuộc chiến của Mỹ tại I-rắc đã làm dấy lên làn sóng chống Mỹ tại một số khu vực của Thái Lan. Sự bất ổn định chính trị của Thái Lan vừa qua khiến Mỹ phải xem xét liệu Thái Lan có đủ các yếu tố chính trị cần thiết trở thành đồng minh chiến lược của mình tại Đông Nam Á hay không. Thậm chí, một số ý kiến cho rằng, quan hệ Mỹ - Thái Lan đang có xu hướng xấu đi. Điều này được giải thích bằng hai lý do: 1/ Chính quyền Mỹ đã có những hành động “thiếu kiên nhẫn” trong việc can thiệp vào công việc nội bộ của Thái Lan, đặc biệt trong các cuộc bạo động xảy ra tại Thái Lan vừa qua. Mỹ được cho đã “tạo cớ” để can thiệp sâu hơn vào công việc nội bộ của Thái Lan, khiến người dân Thái Lan tỏ ra hoài nghi về mục đích và vai trò của Mỹ sau những sự kiện này; 2/ Mỹ và Thái Lan có quan điểm hoàn toàn trái ngược về sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mỹ cho rằng, sự trỗi dậy của Trung Quốc là hiểm họa đối với khu vực, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của Mỹ tại Đông Nam Á. Trong khi đó, Thái Lan nhận định, sự trỗi dậy của Trung Quốc là cơ hội để phát triển kinh tế và ổn định khu vực. Thái Lan đang tận dụng cơ hội đẩy mạnh quan hệ với Trung Quốc, hướng tới “cân bằng” trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc nhằm vừa duy trì quan hệ truyền thống với Mỹ, vừa có được “cái bóng” của Trung Quốc.

Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, quan hệ Mỹ - Thái Lan hiện đang được hai bên duy trì và có xu hướng phát triển tốt. Về kinh tế, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Thái Lan và là nhà đầu tư lớn nhất vào Thái Lan hiện nay. Về an ninh quốc phòng, Thái Lan được Mỹ xem là đồng minh quân sự vững chắc của Mỹ tại khu vực. Tuy nhiên, gần đây, do những bất đồng về quan hệ song phương, Thái Lan đã có những điều chỉnh để tránh lệ thuộc quá nhiều vào Mỹ. Cụ thể, trước đây Thái Lan chỉ mua vũ khí của Mỹ, nhưng mới đây, Thái Lan chuyển sang mua trang bị quân sự của Nga hoặc Trung Quốc.[115, tr 1]

Phi-lip-pin: Mặc dù Mỹ luôn đánh giá Philippin là đồng minh chiến lược quan trọng nhất của Mỹ tại Đông Nam Á, nhưng gần đây quan hệ Mỹ - Phi-lip-pin cũng đã xảy ra một số bất đồng. Trong khi Mỹ tỏ ra không hài lòng với khả năng lãnh đạo và điều hành đất nước của Chính phủ Phi-lip-pin, phía Phi-lip-pin còn có ý định sử dụng Trung Quốc để tác động tới Mỹ nhằm thu hút nhiều hơn sự chú ý của Oa-sinh-ton đối với Ma-ni-la. Tuy nhiên, hiện Phi-lip-pin vẫn đánh giá cao quan hệ truyền thống Mỹ - Phi-lip-pin.

Dư luận tại Phi-lip-pin cho rằng, thời gian tới, Mỹ cần đẩy mạnh hơn nữa quan hệ với Phi-lip-pin thông qua việc tăng cường hợp tác kinh tế, dùng kinh tế làm đòn bẩy để giữ vững và phát triển quan hệ Mỹ - Phi-lip-pin; duy trì có hiệu quả hợp tác quốc phòng với Phi-lip-pin, hỗ trợ đặc lực giúp Phi-lip-pin sớm thực hiện thành công chương trình hiện đại hóa quân sự của họ tại khu vực. Mỹ được khuyến cáo không nên đặt mục tiêu thành lập căn cứ quân sự vĩnh viễn tại Phi-lip-pin làm tâm điểm của quan hệ quốc phòng giữa hai nước, vì điều này sẽ không được Phi-lip-pin chấp nhận; Mỹ cần thể hiện quan điểm với tư cách là một nước lớn để ủng hộ các bên liên quan giải quyết tranh chấp tại biển Đông bằng giải pháp hòa bình.

Xin-ga-po: Những năm gần đây, Xin-ga-po thường được nhắc tới như một đồng minh thân cận nhất của Mỹ trong khu vực, mặc dù không hề có một hiệp định an ninh chính thức nào được ký kết giữa hai nước. Xin-ga-po ngày càng được Mỹ

quan tâm và tiếp tục và mở đường cho Mỹ vào khu vực để cân bằng sự ảnh hưởng của Trung Quốc.

Xét về vị trí chiến lược, Xin-ga-po đóng vai trò quan trọng trong chiến lược của Mỹ tại khu vực, bởi Xin-ga-po nằm trên eo biển Ma-lắc-ca với một nền kinh tế phát triển và công nghệ cao. Về phần mình, Xin-ga-po tiếp tục gửi thông điệp tới Mỹ rằng, Mỹ chưa quan tâm đầy đủ đến Đông Nam Á và đang mất dần vị thế của họ trong khu vực vào tay Trung Quốc. Xin-ga-po đánh giá cao vai trò của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và luôn thể hiện quan điểm ủng hộ Mỹ tiến vào Đông Nam Á. Giới lãnh đạo Xin-ga-po hài lòng về quan hệ hợp tác hiện tại giữa Mỹ và Xin-ga-po cả về kinh tế và quân sự. Tuy nhiên, Xin-ga-po không hài lòng về chính sách cấm vận của Mỹ đối với Myanmar.

Trong khi đó, Xin-ga-po có quan điểm phức tạp và rất thận trọng trong xử lý quan hệ với Trung Quốc. Mặc dù muốn thắt chặt quan hệ với Mỹ nhưng Xin-ga-po không thể làm ngơ trước sự phát triển của Trung Quốc và lợi ích Trung Quốc mang lại cho Xin-ga-po thời gian gần đây. Xét một cách tổng thể, hiện Xin-ga-po đang phụ thuộc vào Trung Quốc nhiều hơn là vào Mỹ. Tuy nhiên, Xin-ga-po cũng lo ngại trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và những bất ổn khu vực gần đây do Trung Quốc gây ra.

Giới quan chức Xin-ga-po cho rằng, quan hệ Mỹ - Xin-ga-po hiện đang ở thời điểm tốt đẹp nhất. Thời gian tới, hai bên cần thắt chặt hơn nữa hợp tác phát triển kinh tế, ngoài ra Mỹ cũng cần tăng cường hội đàm với Xin-ga-po về cấu trúc của Đông Nam Á và các vấn đề liên quan đến khu vực.

Nhóm thân Trung Quốc

Một năm trước đây, nhà báo Greg Torode của tờ *South China Morning Post*, Hong Kong từng nhận xét trong bài viết về ARF 17, Trung Quốc được xem là tác nhân gây chia rẽ ASEAN, khi từng thành viên trong Hiệp hội này đều đặt quan hệ

của mình với Trung Quốc lên trên sự thống nhất trong ASEAN. Cựu Đại sứ Nguyễn Trung từng phân tích trên *Tuần Việt Nam*: Thực tế xảy ra trong cộng đồng ASEAN là lúc này lúc khác từng nước thành viên vẫn còn nhiều hiện tượng hoặc chỉ lo cho thân mình, hoặc tệ hơn là chỉ quan tâm đến lợi riêng của mình và tệ nhất là qua đó làm yếu cộng đồng. Nói dân dã và thô thiển, có thể gói ghém tất cả những biểu hiện này dưới cái tên chung là “ăn mảnh”. Căn bệnh “ăn mảnh” này rất dễ nhiễm từ bên trong nội bộ từng nước ASEAN, đồng thời nó là đồng minh tự nhiên cho chính sách chia để trị của cường quyền bên ngoài.[177, tr 1]

Trong bối cảnh quốc tế hiện giờ, ASEAN cần phải khẳng định được vị trí của mình. Hiệp hội cũng là nơi giúp các nước cùng đối mặt được với những thế lực lớn hơn, đủ để tạo một tiếng nói đồng nhất, đủ lớn để tạo sự chú ý với Bắc Kinh, Washington hay bất cứ một nước nào khác trên thế giới. Thật đáng tiếc, ASEAN lại không làm được những việc này. Chủ nghĩa quốc gia đang nhấn chìm chủ nghĩa tập thể bất cứ khi nào có vấn đề nổi lên.

Theo nhận định của Trefor Moss, một nhà báo độc lập làm việc ở Hong Kong, theo dõi tình hình an ninh, quốc phòng và chính trị khu vực châu Á, từng là biên tập viên của Tạp chí Jane's Defence tới năm 2009: Mỗi một quốc gia ASEAN đều có cho mình một “khái niệm” Trung Quốc riêng biệt. Một vài nước ASEAN ủng hộ Trung Quốc bởi sự phát triển kinh tế của quốc gia họ đang có liên hệ mật thiết với nền kinh tế Trung Quốc và họ cảm thấy thoả mãn với mối quan hệ chính trị mật thiết với Trung Quốc.^[176, trg 1] Một số quốc gia khác thì có thái độ lạnh nhạt hơn trong quan hệ với Bắc Kinh: họ cân bằng giữa thái độ cảnh giác trước ảnh hưởng của Trung Quốc với những lợi ích của mối quan hệ thương mại lành mạnh. Một số nước cảm thấy bất an trước sự có mặt của Trung Quốc.

Xét đến trường hợp của Campuchia, đây là đồng minh thân cận nhất của Trung Quốc trong khu vực và cũng là nước được hưởng lợi nhiều nhất từ những viện trợ kinh tế của Bắc Kinh. Trung Quốc là nước hỗ trợ Campuchia nhiều nhất.

Năm 2007 và 2008, Bắc Kinh lần lượt hỗ trợ cho Campuchia 600 triệu USD và 260 triệu USD. Cách đây không lâu, Trung Quốc thừa nhận hỗ trợ cho Campuchia 300 triệu USD để chi trả các khoản vay nhà nước và xây dựng các công trình tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp.^[186, trg 1] Ngoài ra, Trung Quốc còn hỗ trợ cho Campuchia về mặt quân sự, các loại vũ khí được Campuchia sử dụng trong cuộc xung đột với Thái Lan phần lớn là do Trung Quốc cung cấp. Hiện Campuchia giữ chức chủ tịch ASEAN và có nhiều ý kiến cho rằng Trung Quốc đang thông qua Campuchia để gây ảnh hưởng lên ASEAN trong giai đoạn nhạy cảm này.

Thủ tướng Campuchia Hunsen đã tuyên bố rằng Campuchia không hề bị Trung Quốc “mua chuộc” để gây ảnh hưởng lên các chính sách của ASEAN. Tuy nhiên, không khó để nhận ra rằng Bắc kinh đã dùng kinh tế để đánh đổi lại những ủng hộ chính trị của Pnômpenh tại khu vực.

Bên cạnh các nước trên, có một số nước lựa chọn đường lối trung lập trung lập trước cạnh tranh Trung – Mỹ. Việc phân chia các nước thành viên ASEAN thành các nhóm nước thân Mỹ, thân Trung Quốc hoặc ở giữa sẽ làm giảm khả năng đồng thuận trong ASEAN, nhất là trong các vấn đề an ninh đối ngoại. Việc xây dựng APSC nói riêng, AC nói chung sẽ bị cản trở.

3.3.2.3. Gây nên sự nghi kỵ lẫn nhau giữa các nước thành viên

Không nói đến vấn đề an ninh nội bộ của từng nước thì bức tranh an ninh ở Đông Nam Á vốn đã rất phức tạp từ trong quá khứ. Một là, giữa các nước ĐNA với nhau còn tồn tại nhiều tranh chấp về lãnh thổ, dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, văn hoá v.v... Các mâu thuẫn này không lớn nhưng việc giải quyết chúng không đơn giản. Hai là, 4 trong 10 nước ASEAN là Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc ở Biển Đông là khu vực có ý nghĩa chiến lược không những đối với ASEAN mà còn đối với nhiều nước lớn và khu vực CA-TBD. Tuy ASEAN đã đưa ra những nguyên tắc chung nhằm giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông (Tuyên bố của Hội nghị Ngoại trưởng các nước ASEAN tại Manila tháng 7/1992) nhưng khi xảy ra sự việc cụ thể thì không phải nước nào cũng có

phản ứng hoặc phản ứng như nhau, do đó tạo ra sự không nhất trí trong Hiệp hội mà bên ngoài có thể lợi dụng. Ba là, tuy các thành viên của một Hiệp hội có mục đích tôn chỉ chung, song vì truyền thống lịch sử hoặc lợi ích địa - chính trị, từng nước ASEAN có chính sách an ninh riêng, một số nước có quan hệ an ninh với một số nước ngoài khu vực tạo điều kiện cho sự can thiệp quân sự của nước ngoài mỗi khi xảy ra khủng hoảng liên quan đến an ninh của các nước ASEAN đó.

Gần đây, khi tình hình biển Đông trở nên căng thẳng, mỗi nước ASEAN, dù không trực tiếp có lợi ích trong tranh chấp này cũng bị lôi kéo vào cuộc tranh giành ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc. Và cũng chính vào thời điểm này, giữa các nước này sinh những nghi kỵ lẫn nhau. Ví dụ điển hình, Trung Quốc năm 2004 ký thỏa thuận với Philippnes tiến hành thăm dò địa chấn khu vực đảo Vành Khăn thuộc quần đảo Trường Sa. Ký kết tay đôi này đã bị Việt Nam phản đối, được giải quyết một cách vớt vát là sau đó cả Trung Quốc và Philippnes đều đồng ý để Việt Nam cùng tham gia. Nhưng hậu quả không thể khắc phục được là ký kết thăm dò địa chấn này đã làm giảm sút đáng kể (gần như là vô hiệu hóa trên thực tế – de facto) Tuyên bố của các bên về Nguyên tắc ứng xử ở Biển Đông (DOC) được ký kết năm 2002 giữa các nước ASEAN và Trung Quốc.[109, tr 1] Ký kết thăm dò địa chấn này đã gây chia rẽ nội bộ ASEAN, sau đó còn gây chia rẽ sâu sắc nội bộ quốc gia Philippines.

Với lập luận "chống quốc tế hóa hay đa phương hóa vấn đề Biển Đông", Trung Quốc dứt khoát bác bỏ đàm phán đa phương, và chỉ thừa nhận đàm phán song phương giữa Trung Quốc với từng bên các nước thành viên ASEAN cho việc tìm kiếm giải quyết tranh chấp cho các vấn đề trong khu vực biển này. Bất kể một ký kết tay đôi nào giữa một bên là Trung Quốc và một bên là một nước thành viên ASEAN về những vấn đề có liên quan đến Biển Đông đều có nguy cơ gây nghi kỵ giữa các nước ASEAN với nhau và làm suy yếu cộng đồng này, điều này đồng nghĩa làm tăng thêm nguy cơ gây mất hòa bình và ổn định trong khu vực. Lẽ đơn giản là vấn đề chủ quyền về biển đảo cực kỳ nhạy cảm đối với toàn khu vực và thường xảy ra tranh chấp giữa ba nước với nhau trở lên.

Tiểu kết

Các chính sách của ASEAN nhằm đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thập kỷ vừa qua đã có những tác động to lớn tới an ninh, chính trị, kinh tế của khu vực này. Trước những phản ứng chính sách của ASEAN, Trung Quốc đã buộc phải điều chỉnh chính sách ngoại giao của mình với Hiệp hội này nói chung và các quốc gia thành viên nói riêng. Trong cuộc tranh giành ảnh hưởng với Mỹ, Trung Quốc dường như “mềm mỏng” hơn trước những vấn đề của khu vực Đông Nam Á. Cường quốc này đã buộc phải thỏa hiệp với một số yêu cầu của ASEAN về an ninh như thông qua nguyên tắc thực hiện DOC hay tăng cường đầu tư mạnh mẽ vào khu vực này... Tất cả những động thái trên nhằm mục đích lôi kéo ASEAN cũng như các quốc gia thành viên đứng về phía mình. Cùng với những chính sách mềm mỏng, Trung Quốc cũng thi hành nhiều chính sách ngoại giao nhằm chia rẽ nội bộ ASEAN, gây nên những bất đồng và mâu thuẫn trong nội bộ hiệp hội này. Trung Quốc áp dụng những cách đối xử khác nhau giữa các nước thành viên, lôi kéo Thái Lan, mua chuộc Campuchia, tăng cường hợp tác với Ấn Độ... nhằm thực hiện chính sách “chia để trị” hay “bẻ gãy từng chiếc đũa”. Các nước luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên lợi ích khu vực. Chính bởi vậy, hợp tác song phương với từng nước sẽ là cơ hội tốt cho Trung Quốc đạt được mưu đồ của mình trong việc chia rẽ nội bộ ASEAN. Sự không đồng thuận trong ASEAN sẽ khiến cho các nước này không thể đi tới một quyết định chung cho toàn Hiệp hội. Và như vậy, Trung Quốc là nước đắc lợi.

Đang là tâm điểm của tranh giành ảnh hưởng Trung – Mỹ, Đông Nam Á có được ưu thế trong mối quan hệ với các nước lớn. Thực hiện chính sách cân bằng ảnh hưởng giữa các nước lớn, ASEAN vừa nâng cao vị thế của mình trong quan hệ với các nước khác, vừa duy trì được vai trò lãnh đạo của mình tại Đông Á. Khi các cường quốc bắt phân thắng bại trong việc tranh vị trí bá chủ tại khu vực Đông Nam Á này thì ASEAN vẫn đang là lựa chọn số một cho vai trò chèo lái tại khu vực này. Những chính sách của ASEAN giúp tổ chức này duy trì vai trò lãnh đạo của mình trong cấu trúc khu vực đang hình thành ở Đông Á. Hiện nay, ASEAN đang đóng

vai trò lãnh đạo trong các tiến trình ARF, ASEAN + 3, ASEAN + 1 và EAS. Mặc dù thừa nhận vai trò lãnh đạo của ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản vẫn tiếp tục theo đuổi ý đồ nắm vai trò lãnh đạo trong tiến trình hội nhập Đông Á. Nếu ASEAN không hội nhập nhanh hơn và sâu hơn, ASEAN sẽ bị mất vai trò lãnh đạo trong một cấu trúc khu vực do chính nó lập ra. “Trung Quốc và Nhật Bản có thể là người cầm lái và kiểm soát tốc độ của Hợp tác Đông Á với ASEAN là một hành khách. Nếu điều đó xảy ra, Hợp tác Đông Á sẽ thất bại”.^[128, trg 1]

Giữ được thế cân bằng giữa các cường quốc sẽ tạo ra rất nhiều lợi thế cho ASEAN trong cả lĩnh vực thu hút đầu tư phát triển kinh tế lẫn giữ vững hòa bình, an ninh khu vực. Tăng cường hợp tác đầu tư với các nước lớn cũng giúp cho ASEAN thu hút mạnh mẽ nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển của Hiệp hội, mà đặc biệt là cho việc hình thành AC. Nguồn vốn hỗ trợ từ các cường quốc giúp cho ASEAN thực hiện nhiều dự án phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, thu hẹp đáng kể khoảng cách phát triển giữa các nước, phát triển nguồn lực con người...

Bên cạnh đó, ASEAN vẫn không thể tránh khỏi những nghi kỵ, bất đồng trong nội bộ hiệp hội từ xưa tới nay. Khi có sự tham gia của các nước lớn vào các vấn đề chung của khu vực thì sự nghi kỵ và chia rẽ trong ASEAN ngày càng rõ ràng. Điều này đòi hỏi các quốc gia thành viên nỗ lực hơn nữa trong hợp tác, đoàn kết, chống lại những mưu đồ của các nước lớn.

Tuy nhiên, với những nỗ lực của mình, những chính sách của ASEAN đã có những tác động quan trọng, làm thay đổi vị thế, sức mạnh của ASEAN trên trường quốc tế.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh thập niên đầu thế kỷ XXI, sự trỗi dậy của Trung Quốc là một trong những tác động lớn nhất vào chính sách ngoại giao của các cường quốc lớn trên thế giới và Hiệp hội ASEAN cũng như các quốc gia thành viên. “Thuyết trỗi dậy hòa bình” được Trung Quốc đưa ra trong những năm đầu thế kỷ XXI không thuyết phục được các quốc gia khác, đặc biệt là Mỹ, Nhật, những nước đang tranh giành ảnh hưởng tại khu vực Đông Nam Á với Trung Quốc và đối với các quốc gia này, sự trỗi dậy của nước này được xem là “mối đe dọa” đối với an ninh, hòa bình và phát triển của khu vực cũng như trên thế giới. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc thực sự tạo nên một cuộc đối đầu trực diện của các cường quốc đang tranh giành ảnh hưởng chính trị tại khu vực Đông Nam Á.

ASEAN và các quốc gia thành viên nhận thức rất rõ ràng về cơ hội phát triển kinh tế cũng như thách thức trên lĩnh vực an ninh, hòa bình từ sự trỗi dậy của Trung Quốc đem lại cho khu vực nói chung và các quốc gia nói riêng. Những nhận thức của các quốc gia ASEAN tuy có khác nhau nhưng tổng thể đều chung quan điểm với ASEAN về việc nhìn nhận sự trỗi dậy của Trung Quốc đem lại nhiều lợi ích về kinh tế, thương mại và đầu tư cho sự phát triển của khu vực Đông nam Á. Nhưng bên cạnh đó, ASEAN cũng phải đối mặt với những thách thức về cạnh tranh thị trường, cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài và đặc biệt là nguy cơ bất ổn về an ninh, hòa bình khu vực. Biển Đông lặng sóng trong một thời gian khá dài với những tiến bộ vượt bậc trong tiến trình giải quyết tranh chấp giữa Trung Quốc và các nước ASEAN về chủ quyền trên vùng biển này. Nhưng bắt đầu sang thập niên mới, Biển Đông thực sự dậy sóng và trở thành điểm nóng về an ninh tại khu vực Đông Nam Á, châu Á – Thái Bình Dương. Lúc này, luận điệu “trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc hoàn toàn sụp đổ và mưu đồ bá chủ khu vực của nước này dần lộ rõ.

Mỹ, Nhật trong những năm đầu thế kỷ XXI cũng bất ngờ chuyển hướng quan tâm đặc biệt tới Đông Nam Á. Chính sách ngoại giao của các nước này dành có những thay đổi lớn và quan trọng trong ngoại giao với ASEAN. Nhận thấy rõ mưu đồ của Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á, vốn có địa – chính trị vô cùng

quan trọng trên bản đồ chính trị thế giới, các nước này đồng loạt triển khai những chính sách ngoại giao đặc biệt nhằm tăng cường ảnh hưởng cũng như sức mạnh chính trị của mình ở khu vực này. ASEAN và các nước thành viên lúc này trở thành tâm điểm trong chính sách ngoại giao của các cường quốc là Mỹ, Nhật và Trung Quốc. Các nước liên tục có những động thái nhằm “lấy lòng” và tranh thủ sự ủng hộ từ ASEAN cũng như các nước thành viên. ASEAN đã tận dụng rất tốt cơ hội trên và đưa ra hàng loạt chính sách nhằm đối phó với sự trỗi dậy đang ngày càng tăng của Trung Quốc và tình hình chính trị bất ổn của khu vực.

Trên tất cả mọi phương diện từ kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng..., việc hợp tác giữa các nước lớn và ASEAN trở nên sôi động hơn bao giờ hết. Các cơ chế song phương, đa phương với hàng loạt các loại hiệp định như hiệp định thương mại tự do, Hiệp định đối tác toàn diện... được ký kết giữa ASEAN và các nước lớn. ASEAN và các quốc gia thành viên đều nhất trí quan điểm cần tăng cường hợp tác với các nước lớn nhằm cân bằng ảnh hưởng của các quốc gia này và giữ vững vị trí của ASEAN hiện tại. Đối với Trung Quốc, ASEAN một mặt vẫn tiếp tục tăng cường hợp tác hơn nữa trên các mặt nhằm thắt chặt quan hệ với Trung Quốc và tận dụng triệt để những cơ hội phát triển từ sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của nước này. Mặt khác, ASEAN cũng luôn đề phòng, cảnh giác trước người láng giềng luôn mưu đồ thôn tính toàn bộ khu vực ASEAN. Đối với Mỹ và Nhật Bản, những đối trọng của Trung Quốc tại Đông Nam Á, ASEAN cũng nỗ lực thắt chặt quan hệ trên các lĩnh vực kinh tế cũng như an ninh, chính trị. ASEAN ý thức rất rõ tầm quan trọng của mình vào thời điểm này trong chính sách đối ngoại của các nước. Chính vì vậy, việc tận dụng những ưu đãi của các cường quốc này nhằm phát triển khu vực cũng như các quốc gia thành viên là thực sự khôn ngoan và cần thiết.

Bên cạnh việc tận dụng những ưu thế khách quan, bản thân hiệp hội ASEAN và các quốc gia thành viên cũng luôn đề cao việc phát triển và củng cố nội lực của toàn khối và của từng thành viên. Việc nâng cao sức đề kháng của ASEAN và các thành viên trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội và an ninh quốc phòng là vô cùng quan trọng và cần đặt lên hàng đầu. ASEAN xác định rõ ràng rằng, dựa vào

sức mạnh của các thế lực bên ngoài chỉ là chính sách mang tính thời điểm, không phải là kế sách lâu dài. Nếu không muốn lệ thuộc vào các cường quốc khác, Hiệp hội cần khẳng định sức mạnh của mình và khẳng định vị thế của mình trên các diễn đàn khu vực, các tổ chức quốc tế. Vai trò chèo lái Đông Á vẫn đang do ASEAN nắm giữ tạm thời và cho đến khi các cường quốc khẳng định được vị thế bá quyền của mình tại khu vực này, thì ASEAN vẫn là lựa chọn duy nhất cho vai trò này.

Những chính sách của ASEAN đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận trong giai đoạn đầy biến động của chính trường khu vực và thế giới. Nhờ sự khôn khéo trong chính sách của ASEAN, Trung Quốc đã có những bước thỏa hiệp với những đòi hỏi của hiệp hội này nhằm giành được sự ủng hộ của hiệp hội. Cả Trung Quốc và Mỹ đều thực sự “mềm mỏng” trước những vấn đề của Đông Nam Á giúp cho ASEAN đạt được nhiều lợi ích kinh tế, chính trị đáng kể. ASEAN đã thu hút được nhiều nguồn lực từ các quốc gia khác thông qua các hoạt động hợp tác, đầu tư để giảm dần khoảng cách phát triển giữa các quốc gia trong khu vực và thúc đẩy mạnh mẽ sự ra đời của AC. Đặc biệt, ASEAN còn nâng cao được vai trò của mình trong các tổ chức quốc tế và có vai trò đặc biệt trong tiến trình hợp tác Đông Á. Những chính sách của ASEAN đã phần nào cân bằng được ảnh hưởng Trung – Mỹ tại khu vực này và giúp cho Hiệp hội này vẫn được đánh giá là lựa chọn duy nhất trong thời điểm này cho vai trò chèo lái con thuyền Đông Á.

Tuy nhiên, Trung Quốc, với ưu thế của một cường quốc mang tham vọng bá chủ, không dễ dàng đối phó. Nước này đã liên tiếp thực hiện chính sách “bẻ từng chiếc đũa” nhằm chia rẽ ASEAN, gây ra những mâu thuẫn trong nội bộ ASEAN và thậm chí là nội bộ của các quốc gia thành viên. “Nguyên tắc đồng thuận” bất di bất dịch của ASEAN trở thành chiêu bài giúp cho Trung Quốc đạt được tham vọng của mình trong những đàm phán với tổ chức ASEAN. Những nghi kỵ vốn có từ quá khứ tại khu vực Đông Nam Á, giờ đây, dưới tác động của Trung Quốc, lại được khơi dậy rõ ràng hơn và phức tạp hơn. Trung Quốc kiên định với ngoại giao song phương trong các vấn đề tranh chấp mà đặc biệt là biển Đông. Lẽ thường, lợi ích quốc gia luôn được đặt lên hàng đầu và chính vì vậy, bất cứ động thái nào của

Trung Quốc với một quốc gia thành viên ASEAN đều đẩy lên mỗi nghi kỵ từ các quốc gia thành viên khác. Mưu đồ chia rẽ ASEAN của Trung Quốc đã trở nên rõ nét trong những năm đầu của thập kỷ này và trở thành thách thức to lớn của ASEAN đối với vấn đề gìn giữ an ninh, hòa bình trong khu vực.

Thập niên thứ hai của thế kỷ XX cũng được dự đoán với nhiều biến động khôn lường và những tranh chấp phức tạp tại khu vực Đông Nam Á. Tham vọng của các cường quốc ngày càng lớn và thủ đoạn ngày càng tinh vi. Với vị thế của một tổ chức gồm những quốc gia nhỏ bé, đang phát triển, có lịch sử bị lệ thuộc vào các cường quốc, ASEAN và các nước thành viên cần một cái đầu thật tinh táo và minh mẫn để điều chỉnh chính sách cho kịp thời và hợp lý nhằm ứng phó với những chiêu bài của các cường quốc lớn, giữ vững độc lập tự chủ của ASEAN cũng như mang lại sự phát triển bền vững cho khu vực và từng quốc gia thành viên.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Vương Quang Á, *Lập trường của Trung Quốc về cải cách LHQ*
2. Bộ Ngoại giao, Vụ ASEAN (1998), *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. Bộ Ngoại Giao, Vụ ASEAN (2006), *Cộng đồng an ninh ASEAN: Hiện trạng, Triển vọng và sự tham gia của Việt Nam*, Hà Nội
4. Bộ ngoại giao Việt Nam (2005), *Hội thảo “Hợp tác chính trị, an ninh ASEAN-cộng đồng an ninh ASEAN”*, Hà Nội
5. Nguyễn Phương Bình (Cb) (2003), *Ngoại giao phòng ngừa ở Đông Nam Á*, Viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội
6. Nguyễn Hữu Cát (2003), “Ý đồ thiết lập trật tự thế giới mới của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001”, *Thông tin Nghiên cứu Quốc tế*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr 27-32
7. Hồ Châu (2003), “Nhật Bản điều chỉnh chiến lược an ninh và phòng vệ thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, Hà Nội, tr 30-35
8. Văn Cường (2003), “Bước đầu nhận diện về cục diện thế giới sau 11-9-2001”, *Tạp chí Thông tin Nghiên cứu Quốc tế*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr 20-26
9. Luận Thùy Dương (2007), “Hướng tới cộng đồng an ninh ASEAN: Triển vọng cộng đồng và vai trò của Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “ASEAN: Bốn mươi năm nhìn lại và hướng tới”*, Hà nội, 19/07/2007.
10. Luận Thùy Dương (2005), “Hướng tới Cộng đồng an ninh ASEAN: Triển vọng và vai trò của Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 62
11. Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Hội thảo “ASEAN bốn mươi năm nhìn lại và hướng tới”*, Hà nội
12. Vũ Văn Hà (Cb) (2007), *Quan hệ Trung Quốc – ASEAN – Nhật Bản trong bối cảnh mới và tác động của nó tới Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội
13. Học viện Quan hệ Quốc tế (2003), *Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Vũ Đăng Hình (Cb) (2004), *Nước Mỹ: Vấn đề, sự kiện và tác động*, NXB Khoa Học Xã hội, Hà Nội
15. Trần Thị Lan Hương, Phạm Ngọc Tân, (2007), “Hiến chương ASEAN và vai trò của nó với việc hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 12
16. Nguyễn Quốc Hùng (2007), “40 năm ASEAN – Thành tựu và vấn đề”, *Tạp chí phát triển KH & CN*, tập 10, số 07-2007
17. Hà Mỹ Hương (2002), “ Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh : Phân tích và dự báo”, *Thông tin Khoa học Xã hội chuyên đề*, Hà Nội, tr 2, tr 270.
18. Hà Mỹ Hương (2007), “An ninh Đông Nam Á trong chiến lược của Mỹ”, *Tạp chí Thế giới: vấn đề và sự kiện*, số 17 (137), NXB Thế giới.
19. Nguyễn Thái Yên Hương, Lê Hải Bình, Lại Thái Bình, *Quan hệ Mỹ - Trung hợp tác và cạnh tranh luận giải dưới góc độ cân bằng quyền lực*, H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 303tr.
20. Trần Bá Khoa (2004), "An ninh trên bán đảo Triều Tiên và chiến lược quốc phòng mới của Hàn Quốc", *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, Hà nội, tr 20-25
21. Trần Bá Khoa (2006), “Tiến tới một Cộng đồng Đông á: hợp tác chính trị an ninh, thách thức và triển vọng”, *Hội thảo khoa học quốc tế*, Hà Nội.

22. Trần Khánh (2006), “Địa – Chính trị Đông Nam Á với hội nhập Việt Nam – ASEAN”, *Tạp chí Cộng Sản*, số 16, tháng 8
23. Trần Khánh, Phạm Đức Thành (Cb) (2006), *Việt Nam trong ASEAN: Nhìn lại và Hướng tới*, NXB KHXH, Hà Nội
24. Trần Khánh (Cb) (2006), *Những vấn đề Chính trị, Kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB KHXH, Hà Nội
25. Trần Khánh (2007), “Những thách thức đối với xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN”, *T/c Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 7.
26. Trần Khánh (2008), “Triển vọng Cộng đồng An ninh ASEAN”, *T/c Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1.
27. Phạm Gia Khiêm (2007), “Hợp tác chính trị - an ninh ASEAN: Việt Nam sẽ nỗ lực hết mình”, *Đặc san báo Thế giới và Việt Nam*, Hà Nội, tr 21.
28. Vũ Tuyết Loan (2009), “Tình hình chính trị ở Đông Bắc Á: Thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Thế giới: Vấn đề và sự kiện*, Số 24 (168).
29. Nguyễn Văn Lập (2002), *Trật tự thế giới sau 11-9*, NXB Thông tấn, Hà Nội
30. Nguyễn Văn Lịch (2007), “Từ tuyên bố Bangkok đến Hiến chương ASEAN, một chặng đường lịch sử 40 năm”, *Tạp chí phát triển KH & CN*, tập 10, số 09 – 2007, tr 34.
31. PGS, TS Trình Mưu – TS Vũ Quang Vinh (2003), *Quan hệ Quốc tế những năm đầu thế kỷ XXI: Vấn đề, sự kiện và quan điểm*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội
32. Nguyễn Thu Mỹ (2004), “ARF: Những thành tựu và hạn chế sau 10 năm hoạt động”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 4.
33. Nguyễn Thu Mỹ (2006), “Cộng đồng an ninh ASEAN từ ý tưởng tới hiện thực”, *Tạp chí Cộng sản*, số 110 – 2006
34. Nguyễn Thu Mỹ (2008), “Cộng đồng ASEAN trong nhận thức của các nước thành viên”, *Thông tin Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (32)/2008, tr2.
35. PGS.TS Nguyễn Thu Mỹ, *Quan điểm và phản ứng chính sách của Đông Nam Á trước sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI*, Thông tin nghiên cứu quốc tế, số 4-6/2009
36. Nguyễn Thu Mỹ (2006), *Bài giảng vấn đề an ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế*, Hà nội.
37. Nguyễn Thu Mỹ (2009), “Các vấn đề trong quan hệ song phương giữa các nước ASEAN và tác động của nó đối với tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN”, *Bài giảng khoa Quan hệ Quốc tế*, Hà Nội.
38. Nguyễn Thu Mỹ, *Sự trỗi dậy của Trung Quốc: Nhìn từ phía Mỹ*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 3 2011
39. PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ,, *Khu Mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN*; Báo cáo khoa học tại Tọa đàm khoa học “Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI” do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức năm 2008
40. Phan Doãn Nam (2008), “Một số nét mới trong cục diện thế giới hiện nay”, *Tạp chí Thế giới: Vấn đề, sự kiện*, số 2 (146).
41. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (1996), *Sự đảo lộn của thế giới: Địa chính trị thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Vũ Dương Ninh (2009), “An ninh con người và sự bất an trong cuộc sống hôm nay”, *Tạp chí Phát triển KH & CN*, tập 12, số 01 – 2009, trang 5-9.
43. Vũ Dương Ninh (Cb) (2004), *Việt Nam – ASEAN quan hệ đa phương và song phương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
44. Vũ Dương Ninh (Cb) (2007), *Đông nam Á – Truyền thống và Hội nhập*, NXB Thế Giới, Hà Nội

45. Nguyễn Thiết Sơn, *Quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN 2001 – 2020*, . H. : Từ điển Bách khoa, 2012. – 193 tr
46. PGS.TS Nguyễn Xuân Sơn – TS. Nguyễn Văn Du (2006), *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 157-158
47. *Sự trỗi dậy của Trung Quốc, Thông tin Kinh tế thế giới Số 13/6/2005*
48. Lại Văn Toàn (2001), “Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh – Phân tích và dự báo”, *Tạp chí. TT KHXH*, số 11/2001, tr. 14-15
49. Phạm Đức Thành (Cb) (2006), *Liên kết ASEAN trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB KHXH, Hà Nội
50. Thông tấn xã Việt Nam (2004), “Mỹ điều chỉnh chiến lược quân sự toàn cầu”, *Tài liệu tham khảo số 9-2004*, Hà Nội.
51. Tin kinh tế ngày 19/4/ 2004
52. Tin kinh tế, TTXVN, số 79/4/2006
53. “*Trung Quốc ngày càng gia tăng ảnh hưởng tại Campuchia*”, Tin tham khảo thế giới, TTXVN, số 234/10/2006
54. Nguyễn Trần Quế (Cb) 0(2003), *35 năm ASEAN – Hợp tác và Phát triển*, NXB KHXH, Hà Nội
55. Viện Thông tin Khoa học Xã hội (2003), “Thế giới mới sau tháng chín năm 2001”, *Tài liệu phục vụ nghiên cứu (Lưu hành nội bộ)*, Số 28, tr 1-12.
56. Zhao Jianglin, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Phát triển của quan hệ thương mại ASEAN - Trung Quốc 15 năm qua và triển vọng”*, Hà Nội , 2007

Tiếng Anh

57. ASEAN’s Strategy towards its dialogue Partners and ASEAN Plus Three process. By S.Pushpanathan, Head of External relations, ASEAN Secretariat.
58. ASEAN’s Strategy towards its dialogue Partners and ASEAN Plus Three process. By S.Pushpanathan, Head of External relations, ASEAN Secretariat.
59. *The Military Balance 2010*, International Institute for Strategic Studies, 2010
60. Adler Emmanuel and Barnett Micahel (eds) (1998), *Security Communities*, Cambridge University Press, Cambridge
61. Amitav Acharya (2001), *Constructing a Security Community in Southeast Asia: Asean and the problem of regional order*, London and New York: Routledge, pp. 16-21.
62. Alan Colins (2000), *The Security Dilemmas of Southeast Asia*, ISEAS, Sing-Ga-Po
63. Andrew Tan T.H and Kenneth Boutin J.D (eds), *Non Traditional Security Issues in Southeast Asia*, ISEAS, Sing-Ga-Po
64. *Báo cáo hàng năm với Quốc hội: Sức mạnh quân sự Trung Quốc năm 2006 (Annual report to Congress: Military Power of the People’s Republic of China 2006)*, Bộ Quốc phòng Mỹ, Washington
65. China, Ấn Độ agree to intensify Economic Cooperation “ Xinhua News Agency , October 10, 2006
66. China - Southeast Asia Relations: Trends, Issues and Implications for the United States, Congressional Research Service Report for Congress, February 8, 2005,
67. David Capie and Paul Evans (2002), *The Asian-Pacific Securities Lexicon*, ISEAS, Sing-Ga-Po
68. Derek Da Cunha (Eds) (2001), *Southeast Asian Perspectives on Security*, ISEAS, Sing-Ga-Po

69. Dionissius A. Narjoko and Puspa Delima Amri, The “Developmental Gap between the ASEAN Member Countries: The Perspective of Indônêxia”
70. G. John Ikenberry, “The Rise of China and the Future of the West”, *Foreign Affairs*, July/August 2008, Vol.87, No. 1, tr. 23-37
71. Greg Torode (2009), “A diplomatic victory for China,” *South China Morning Post*, October 31, 2009
72. Eliswan Azly , Indônêxia- Japan Economic Partnership agreement goes into effects tomorrow .Antara News , Indônêxia, 1, July 2008 (Bilaterlas.org. Posted 1, July 2008)
73. Ian Storey, “Quan hệ an ninh quốc phòng ASEAN-Trung Quốc: những cải thiện và rào cản”, Tham luận tại Hội thảo Hợp tác khu vực và tiểu vùng ASEAN-Trung Quốc, do Trường Nghiên cứu Quốc tế Đại học NanYang tổ chức tại Singapore 1-2/10/2009
74. Koichi Sato, “The Japan Card”, *Far Eastern Economic Review*, 13/4/1995, tr. 32, Malacca Strait Council, *History of the Malacca Singapore Straits’ Navigation Route*, Malacca Strait Council, 1978
75. Japanese Trade and Investment Statistics, JETRO
76. Jyrgen Haacke, *ASEAN's Diplomatic and Security Culture: Origins, Development and Prospects* (London and New York: Routledge Curzon, 2003),
77. Jurgen Haacke (2003), *ASEAN'S Diplomatic and Security Culture: Origin, Deverlopmen and Prospects*, London and New York
78. Joint Media Statement of the Twentieth Meeting of the ASEAN Free Trade Area (AFTA) Council, Kuala Lumpur, 21 August 2006.
79. Karl W Deutsch et al. (1957), *Political Community and the North Atlantic Area: international Organization in the Light of Historical Experrience*. Princeton, New Jersey: Princeton University Press,
80. Kompas. October 26, 1999
81. Mely Caballero – Anthony (2005), *Regional Security in Southeast Asia: Beyond the ASEAN Way*, ISEAS, Sing-Ga-Po
82. Michael R. Chambers (2007), ‘Framing the Problem: China’s Threat Environment’, *Asian Policy*, pp 61-66
83. Prawindarti Lianita (2006_ , “The first ASEAN Defence Ministers Meeting: An early Test for the ASEAN Security Community?”, *IDSS Commentaris*, 16th May, NTU, Sing-Ga-Po
84. The National security Strategy of the union Address, The United States Capitol, Washington D.C., 29 January, 2002
85. "Sino-Philippine Ties Undergoing Quick Development," Xinhua, April 25, 2005.
86. The Report of the ASEAN - China Eminent Persons Group
87. Thomas M. Kane (2002), *Chinese Grand Strategy and Maritime Power*, London and Portland: Frank Cass, pp. 127-128.
88. Rodolfo C. Severino (2005), *ASEAN and Regionalism*, ISEAS, Sing-Ga-Po
89. Rodolfo C. Severino (2007), *Southeast Asia in Research of an ASEAN Community*, ISEAS, Sing-Ga-Po
90. Samuel Merkinda (2001), *Security and Sovereignty in the Asia – Pacific*, Comtemporary Southeast Asia, Vol.23
91. Securing a win- win Partnership for ASEAN and China . H.E. Ong Keng Yong. Secretary General of ASEAN. Keynote Address at the ASEAN- China Forum 2004 Developing ASEAN- China Relations : Realities and Prospect , Singapore 23 June 2004

92. Shigeo Hiramatsu, *Chugoku No kaiyo Senryaku (Chiến lược hải quân Trung Quốc)*, Keiso Shobo Publishing, 1993,
93. Thailand Economic Monitor 2006, World Bank.
94. The report of the ASEAN – China Eminent Persons Group
95. Renato Cruz De Castro : China, the Philippines and U.S. Influence in Asia.
96. Renato Cruz De Castro : China, the Philippines and U.S. Influence in Asia. Asian Outlook AEI Online Publication Date , July 6, 2007. No. 2, July 2007.
97. William Tow I, Ramesh Thakur and In Taek Huyn (eds) (2000), *Asia Emerging Regional Order: Reconciling Traditional and Human Security*, United Nation University Press, New York
- Các website*
98. Aileen S.P.Baviera, *Những sự việc căng thẳng trên biển Đông gần đây: Đã đến lúc cần bộ quy tắc ứng xử?* <http://nghienquubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/1724-1724>
99. Anthony Smith : Singapore and the United States 2004-29005 : Steadfast Friendly (Special assesment, February 2005 . The Asia- Pacific and the United States) (<http://www.apcess.org/Publications/SAS/ApandtheUS/SmithSingapore2.Pdf>)
100. ASEAN 2012: Vai trò và thách thức, <http://nghienquubiendong.vn/nghien-cuu-asean/2427-asean-2012-vai-tro-va-nhung-thach-thuc>
101. ASEAN and China – Partnership in Competition . Remarks by Rodolfo C. Severino , Secretary General of Association of Southeast Asian Nations at the ASEAN Forum sponsored by the ASEAN Consulates (<http://www.aseansec.org/3162>)
102. ASEAN-China dialogue relations, <http://www.aseansec.org/5874.htm>
103. ASEAN Chairman’s Statement on the ASEAN Post Ministerial Conference (PMC) +1 sessions , Singapore ,23 July , 2008 (<http://www.aseansec.org>)
104. ASEAN kết hợp nội ngoại lực để phát triển, <http://vietbao.vn/Kinh-te/ASEAN-ket-hop-noi-ngoai-luc-de-phat-trien/10920942/87/>
105. ASEAN, US To Boost Partnership, <http://vietnamnews.vnagency.com.vn/politics-laws/148432/asean-us-to-boost-partnership.html>
106. ASEAN Political-Security Community Blueprint, March 1, 2009, <http://www.aseansec.org/22337.pdf>
107. Thanh Bình, *Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại*, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/quoc-te/2011/10/trung-quoc-tang-truong-cham-lai/>
108. Biển Đông: Lật tẩy ngôn bài Trung Quốc “dùng Đô la” chia rẽ ASEAN, <http://giaoduc.net.vn/Quoc-te/Bien-Dong-lat-tay-ngon-bai-TQ-dung-do-la-chia-re-ASEAN/209012.gd>
109. Biển Đông: Hòa bình song phương? Đa phương? Quốc tế hóa? <http://tin180.com/thegioi/binh-luan-quoc-te/20100728/bien-dong-hoa-binh-song-phuong-da-phuong-quoc-te-hoa.html>
110. “Cambodian Prime Minister Meets Foreign Minister Li Zhaoxing” đăng trên trang Web: <http://test.fmprc.gov.cn/eng/>
111. “Cambodian Prime Minister Hun Sen Meets with Yang Jiechi” đăng trên trang Web: <http://hr.china-embassy.org/eng>
112. *Chairman’s Statement the 10th ASEAN Plus Three Foreign Ministers Meeting*, July 22, 2009, <http://www.aseansec.org/PR-42AMM-Chairman-Statement-ASEAN+3.pdf>
113. *Chairman’s Statement 16th ASEAN Regional Forum*, July 23, 2009, <http://www.aseanregionalforum.org/PublicLibrary/ARFChairmansStatementsandReports/t/abid/66/Default.aspx>

114. Dana R. Dillon và John J. Tkacik, Jr., “China and ASEAN: Endangered American Primacy in Southeast Asia,” *Backgrounder*, ngày 19 tháng 10 năm 2005, trang 1-6. The Heritage Foundation, Washington DC. Toàn thể bài này có thể tải về từ mạng: <http://www.heritage.org/research/asiaandthepacific/bj%201886.cfm>
115. Đánh giá câu các học giả về quan hệ Mỹ - ASEAN thời gian gần đây, http://www.interserco.com.vn/include/view_newsdetail.php?NewsID=665&lang=vn
116. ĐVT, *Châu Á – Thái Bình Dương góp nhiều nhất vào GDP toàn cầu*, <http://taichinh.vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/2012/08/chau-a-thai-binh-duong-gop-nhieu-nhat-gdp-toan-cau-19136/>
117. *Giấc mộng “Trùm sò FDI” của Trung Quốc*, <http://www.tinkinhhte.com/the-gioi/chau-a/giac-mong-trum-so-fdi-cua-trung-quoc.nd5-dt.127361.102104.html>
118. Geoffrey C.Gunn: Japan- Ấn Độ relations : New Opportunities, New tensions; Posted on 1 February 2006.(Bilaterals.org)
119. Overview of ASEAN- US Dialogue Relations(<http://www.asean.org/23222.htm>)
120. Châu Trân, *Đánh giá sức mạnh quân sự Trung Quốc*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/1212-anh-gia-sc-mnh-quan-s-ca-trung-quc>
121. Phạm Quốc Trụ, *Quan hệ ASEAN – Trung Quốc thời kỳ hậu chiến tranh lạnh*, <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quc-t/828-pham-quoc-tru-asean-tq>
122. *Press Statement by the Chairman of the 9 th ASEAN Summit and the 7 th three ASEAN+3 Summit*, Bali, Ấn Độ, 7 October, 2003, <http://www.asean.sec.org>
123. ASEAN Security Community (ASC), *Declaration of ASEAN Concord II (Bali Concord II)*, Do Hereby Declare that: 1 and 2; <http://www.asean.sec.org>
124. Asean makes anti-terror pact with US, <http://news.bbc.co.uk/2/hi/asia-pacific/2165552.stm>
125. *The ASEAN SecurityCommunity Plan of Action (ASC POA)*, <http://www.asean.sec.org>
126. ASEAN Security Community, *Vintian Action Programme (VAP) 2004 – 2010, Goal and strategies Toward Realising the ASEAN community*, , <http://www.asean.sec.org>
127. *Asean security community (ASC), Declaration of Asean Concord II*, <http://www.aseansec.org>
128. ASEAN’s Strategy towards its dialogue Partners and ASEAN Plus Three process. By S.Pushpanathan, Head of External relations, ASEAN Secretariat. <http://www.aseansec.org/15397.htm>
129. Baldas Ghoshal, *ASEAN và tranh chấp biển đông*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/2025-asean-va-tranh-chp-bin-ong>
130. Brief Introduction to relations between China and Singapore Xinhuanet 17/5/2002 (Xinhau New Agency -www.xinhuanet.com)
131. Jayshree Bajoria, *China's Military Power*, <http://www.cfr.org/china/chinas-military-power/p18459>
132. Joint Vision Statement on the ASEAN- US. Enhanced Partnership (17 November 2005) (<http://www.asean.org/17871.htm>)
133. Joint Statement in conjunction with the 50th Anniverary of Japan- Malaysia Diplomatic Relations “ Everlasting friendship and Far – Reachnig Partnership : Towards a Common Future “. Ministryof Foreign Affairs . <http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/pmv0708/joint-4.html>

134. *Purpose and Principles, Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia*, Indônêxia, 24 February 1976, <http://www.aseansec.org>
135. Press briefing report on Economic relations between Japan and Malaysia. <http://www.my.emb-japan.go.jp/English/ODA/trade07/trade07.htm>
136. *Instrument of Extension of The Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia*, Cebu, 13th, January 2007, <http://www.aseansec.org>
137. Embassy of the Philippines - Beijing, "Joint Statement of the Republic of the Philippines and the People's Republic of China following the State Visit to the Philippines of H. E. Chinese President Hu Jintao," news release, April 28, 2005, available at www.philembassy-china.org/relations/jointstatement2.html
138. Embassy of Japan in Thailand: Japan - Thailand Relations. (<http://www.th.embjapan.gov.jp/en/relations/index.htm>)
139. Emma Chanlett-Avery, "Thailand: Background and U.S. Relations," Congressional Research Service *Report for Congress*, updated October 2, 2006, at www.fas.org/sgp/crs/row/RL32593.pdf (March 7, 2007).
140. Hà Hương, *Trung Quốc phóng tàu thăm dò mặt trăng vào năm 2013*, <http://vietnamnet.vn/vn/khoa-hoc/83042/trung-quoc-phong-tau-tham-do-mat-trang-vao-2013.html>
141. Hiếu Nguyễn, *Trung Quốc trưởng thành quốc gia thu hút FDI lớn thứ hai thế giới*, <http://www.baomoi.com/Trung-Quoc-tro-thanh-quoc-gia-thu-hut-FDI-lon-thu-hai-the-gioi/45/5165617.epi>
142. Hợp tác ASEAN = 3 là khuôn khổ hợp tác năng động, http://tinhdobinhthuan.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=991:hp-tac-asean3-la-khuon-kh-hp-tac-nng-ng-&catid=192
143. Indônêxia và "cơn đói" vũ khí (Phần I) Vitinfo 3/3/2008 (<http://vitinfo.com.vn>)
144. In Đô Nê Xia vẫn lo ngại hiểm họa Trung Quốc, <http://biendong.net/su-kien/104-Indonêxia-van-lo-ngai-hiem-hoa-trung-quoc.html>
145. In Đô Nê Xia hợp tác với Trung Quốc sản xuất tên lửa chống tàu. <http://petrotimes.vn/news/vn/quoc-te/ky-thuat-quan-su/Indonêxia-hop-tac-voi-trung-quoc-san-xuat-ten-lua-chong-tau.html>
146. *Lãnh đạo Trung Quốc không ngờ tới điều gì ở biển Đông*, <http://giaoduc.net.vn/Utilities/PrintView.aspx?ID=9686>
147. Mở ra trang mới Trung Quốc tham gia hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, <http://vietnamese.cri.cn/481/2011/12/23/1s165839.htm>
148. Mỹ - Trung: "Cuộc chơi mới" mang tên Thái Lan, <http://www.baomoi.com/My--Trung-va-cuoc-choi-lon-mang-ten-Thai-Lan/119/2542955.epi>
149. Need for a Balancer on East Asia 's Way to World Eminence (<http://www.aseansec.org/3009/htm>)
150. Nga, Mỹ cam kết tăng quan hệ kinh tế với ASEAN <http://phapluattp.vn/2011082204182178p1014c1072/nga-my-cam-ke-tang-quan-he-kinh-te-voi-asean.htm>
151. Ngô Vĩnh Long: Đông Nam Á trong quan hệ Mỹ, Nhật, Trung Quốc và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam. Tạp chí Thời đại, số 8/2006. http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai8_NgoVinhLong.htm
152. *Nhất hể hóa ASEAN tiến lên trong cơ hội và thách thức*, <http://vietnamese.cri.cn/481/2011/11/16/1s164088.htm>

153. IMF, *Năm 2016 kinh tế Trung Quốc sẽ vượt Mỹ*, <http://tuoitre.vn/Kinh-te/435241/IMF-Nam-2016-kinh-te-Trung-Quoc-se-vuot-My.html>
154. Ian Storey, *Những vận động trong nội khối ASEAN và tranh chấp Biển Đông: Tác động tới tiến trình DOC/COG và Đề xuất ZoPFFC*, www.nghiencuubiendong.vn
155. *Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc: Thuận lợi và thách thức*, http://dltntq.laocai.gov.vn/content/1010005_005.htm
156. *Nhất thể hóa ASEAN tiến lên trong cơ hội và thách thức*, <http://vietnamese.cri.cn/481/2011/11/16/1s164088.htm>
157. Opening Remarks by Mr. George Yeo, Minister for Foreign Affairs, Singapore and Co - Chair of ASEAN - US Dialogue Relations at the ASEAN Post Ministerial Conference 10+1 Session with the United States of America, Singapore 23 July 2008 (<http://www.aseansec.org/21813.htm>)
158. PGS. TS. Nguyễn Kim Bảo, Ths Nguyễn Hồng Vân (Đề tài KH cấp Bộ), *Sự trỗi dậy của Kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2011 – 2020 và những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam*, Hà Nội 2012
159. People's Republic of China (PRC), Ministry of Foreign Affairs, "Joint Statement of the People's Republic of China," news release, January 16, 2007, available at www.fmprc.gov.cn/eng/zxxx/t290186.htm (accessed June 26, 2007).
160. Tạp chí Cộng sản, *Những nét mới trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc*, <http://baodatviet.vn/Home/thegioi/Nhung-net-moi-trong-chinh-sach-doi-ngoai-cua-Trung-Quoc-ky-1/20112/127847.datviet>
161. Sách trắng quốc phòng Nhật Bản năm 2009, www.nghiencuubiendong.vn
162. “ Singapore- China Relations Close, Positive , Balanced : Singapor President .” (http://english.peopledaily.com.cn/english/200109/12_79949.html)
163. Song Minh, *Sức mạnh quân sự của Trung Quốc không mua được bằng tiền*, <http://laodong.com.vn/tin-tuc/suc-manh-quan-su-trung-quoc-khong-mua-duoc-bang-tien/27093>
164. Samdech Prime Minister HUN SEN, at the ASEAN-China Commemorative Summit " Overview and Future of China-ASEAN Relations" đăng trên trang Web của bộ Ngoại giao Campuchia: <http://www.mfaic.gov.kh/e-visa/statements>
165. Speech by Honourable Dato’ Seri Abdullah Bin Haji Ahmad Badawi Prime Minister of Malaysia at the official lunchelon in honour of his excellency Wen Jiabao , Premier of the State Council the People ‘s Republic of China 15 December 2005 (http://www.pmo.gov.my/?menu=speech&page=1676&news_id=1194&speech_cat=2).
166. Speech by Prime Minister Lee Hsien Loong at the ASEAN Day Lecture. Singapore, 7 August 2007. <http://www.aseansec.org/20820.htm>.
167. Speech by Yab Dato’ seri Abdullah Bin Haji Ahmad Badawi Prime Minister of Malaysia at the Malaysia – China Business forum 2005, 12 August 2005 http://www.pmo.gov.my/?menu=speech&pape=1676&news_id=71speech_cat=2
168. *Sự trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc khiến cả thế giới lo ngại*, <http://giaoducvietnam.net/quoc-te/thoi-su-binh-luan/750-s-tri-dy-ca-trung-quc-khin-c-th-gii-lo-nghi.html>
169. Tác động của cạnh tranh Mỹ - Trung đối với tình hình của Thái Lan sau bầu cử, <http://www.vanhoanghean.com.vn/nhung-goc-nhin-van-hoa/nhin-ra-the-gioi/2830-tac-dong-cua-su-canh-tranh-my-trung-doi-voi-tinh-hinh-thai-lan-sau-bau-cu.html>

170. The Future of East Asian Cooperation “ . Speech by Prime Minister Lee Hsien Loong at the 11 th internatioal conference on “ The Future of Asia “ , 25 May 2005, Tokyo, Japan.(<http://www.aseansec.org>)

171. TTXVN, *ASEAN trở thành đối tác thưng mại thứ tư của Trung Quốc*, <http://www.tinmoi.vn/ASEAN-tro-thanh-doi-tac-thuong-mai-thu-4-cua-Trung-Quoc-08181927.html>

172. TTXVN, *Bất chấp tranh chấp trên biển, đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN vẫn tăng nhanh*, http://igi.com.vn/Bat-chap-tranh-chap-tren-bien-dau-tu-cua-Trung-Quoc-va-ASEAN-van-tang-nhanh_5_15187.aspx

173. Trade deal starts “New era “ in Japan- Philippine relations, The Manila Times, 19 June 2009. (http://www.manilatimes.net/national/2009/june/19/yhey/top_stories/20090619top3.html)

174. Trần Văn Thọ, *Trung Quốc và Nhật Bản trong trật tự mới ở Châu Á*, 2008, <http://vietsciences.free.fr/tinhieu/khoahoc/kinhte/trungquocvanhatban.htm>

175. Trần Văn Thọ, *Kinh tế Việt Nam trước sự Trỗi dậy của Trung Quốc*, <http://niemtin.free.fr/kinhtevntrungquoc.htm>

176. Trung Quốc đang chia rẽ Đông Nam Á? <http://quocphong.baodatviet.vn/Home/QPCN/Trung-Quoc-dang-chia-re-Dong-Nam-A/20126/214078.datviet>

177. Trung Quốc sẽ chia rẽ ASEAN, <http://tin180.com/thegioi/binh-luan-quoc-te/20110721/trung-quoc-se-chia-re-asean.html>

178. Trung Quốc nguyện cùng các bên phối hợp thúc đẩy phát triển tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, <http://vietnamese.cri.cn/761/2012/01/19/1s167110.htm>

179. Trung Quốc và Thái Lan thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và hợp tác toàn diện, <http://www.baotintuc.vn/130N20120420094640500T0/trung-quoc-va-thai-lan-thiet-lap-quan-he-doi-tac-chien-luoc-va-hop-tac-toan-dien.htm>

180. Therichest, *Top 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới năm 2011*, <http://vtc.vn/1-283947/kinh-te/top-10-nen-kinh-te-lon-nhat-the-gioi-nam-2011.htm>

181. Nguyễn Ngọc Trường, *Trung Quốc: Cải cách hay nguyên trạng*, <http://toquoc.vn/Sites/vi-vn/details/6/y-kien-binh-luan/102419/trung-quoc-cai-cach-hay-nguyen-trang.aspx>

182. Nguyễn Ngọc Trường, *Chính sách đối ngoại mới của Nhật: Điều chỉnh và cọ xát*, www.toquoc.gov.vn

183. *Trung Quốc bị cô lập về chính trị, ngoại giao*, <http://www.xaluan.com/modules.php?name=News&file=article&sid=230949>

184. Trung Quốc, Mỹ tranh giành ảnh hưởng tại Ấn Độ Nê Xia, <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quc-t/1029-trung-quoc-my-tranh-gianh-anh-huong-tai-Indônêxia>

185. Rommel C.Banlaoi: Southeast Asian Perspectives on the Rise of China: Regional Security after 9/11. (<http://72.14.235.132/search?q=cache:QhGyM8AKbiYJ:www.calisle.army.mil/USAWC>)

186. Vai trò của Trung Quốc trong cuộc xung đột Preah Vihear, <http://quocphong.baodatviet.vn/Home/QPCN/Vai-tro-Trung-Quoc-trong-cuoc-xung-dot-Preah-Vihear/20112/132996.datviet>

187. Việt Nam dự hội nghị Tương lai châu Á, <http://www.baomoi.com/Viet-Nam-du-Hoi-nghi-Tuong-lai-chau-A/122/8543910.epi>

188. Chu Hao, *Biển Đông: Phép thử cho quan hệ Trung Quốc – ASEAN*, 2012, <http://nghiencuubiendong.vn/tin-ncbd/2708-2708>
189. Xin Hua, *Xuất nhập khẩu ngoại thương Trung Quốc trung bình mỗi năm tăng 21,7% , mở cửa đối ngoại thực hiện phát triển nhảy vọt*, <http://vietnamese.cri.cn/421/2012/08/21/1s176791.htm>
190. Xin Hua, *Hợp tác trong các lĩnh vực giữa Trung Quốc – ASEAN phát triển nhanh chóng*, <http://vietnamese.cri.cn/761/2011/11/04/1s163583.htm>
191. H. Xuân, *Dự trữ ngoại tệ Trung Quốc tăng lên 3.305 tỷ USD*, <http://www.sggp.org.vn/thegioi/2012/4/286068/>
192. www.tapchithoidai.org/thoidai12/2007.12.TVTho.htm
193. Đông Nam Á: Thị trường vũ khí đầy tiềm năng (TTXVN tại Luân đôn 11/4/2008). Tin kinh tế 12/4/2008
194. Các nước ASEAN đánh giá cao vai trò của Nhật Bản, <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Cac-nuoc-ASEAN-danh-gia-cao-vai-tro-cua-Nhat-Ban/10772011/157/>
195. ASEAN - Japan Summit. Pnompenh, 5 November 2002. Joint Declaration of the Leaders of ASEAN and Japan on the Comprehensive Economic Partnership
196. Nhật Bản nâng cao vai trò với ASEAN, <http://www.sggp.org.vn/thegioi/cuasothegioi/2012/4/287381/>
197. Nga chủ trương tăng quan hệ thương mại ASEAN, <http://www.vietnamplus.vn/Home/Nga-chu-truong-tang-quan-he-thuong-mai-ASEAN/20121/123509.vnplus>
198. China, Indônêxia agree to intensify Economic Cooperation “ Xinhua News Agency , October 10, 2006
199. Thái Lan, Trung Quốc và Biển Đông, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2012/05/120508_thailand_china_scs.shtml
200. Web của bộ Ngoại giao Nhật Bản (<http://www.mofa.go.jp>)
201. China's direct investment to ASEAN countries reaches \$2.57b(www.chinadaily.com.cn/business/2010-03/02/content_12104984.htm)
202. Joint Media Statement of the Fourtieth ASEAN Economic Ministers ‘ (AEM) Meeting . Singapore 25-26/ 2008(<http://www.aseansec.org/21886.htm>)